

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 40 — 15-8-1960

- 1.— Những vấn đề trọng đại trong văn học sử.
Việt-Nam Nguyễn Vỹ 6 — 9
- 2.— Nguyễn trung Trực Võ Bá Hải 10 — 19
- 3.— Đứa con hư của thời đại Ái Việt 20 — 24
- 4.— Thơ và nhà Thơ Jean Bouhier 25 — 26
- 5.— Đêm trăng mùa hạ (thơ) Nguyễn văn Khoa 27
- 6.— Một đời người (hồi ký) Thiệu Sơn 28 — 31
- 7.— Những áng thơ hay Nguyễn Thu Minh 32 — 37
- 8.— Cuộc đời của các nhà Tỷ phú Trọng Tấn 38 — 43
- 9.— Trời khéo xui ! Giang Trang 44 — 45
- 10.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến Nguyễn-Vỹ 46 — 50
- 11.— Trả lời Ông Bửu Kế : Minh oan
Hồng Báo Nguyễn Quang 51 — 60
- 12.— Duyên kỳ ngộ (truyện ngắn) Hoàng Thắng 61 — 64

- 13.— Những cuộc tình duyên sôi nổi Tân Phong 65 — 70
- 14.— Chưa yêu (thơ) Mộng Hoa Huyền 71
- 15.— Marceau một cây kịch' cảm Minh Tâm 72 — 76
- 16.— Bức họa (truyện ngắn quốc tế) Liên Hoàn 77 — 79
- 17.— Cô gái điên Vi Huyền Đắc 80 — 84
- 18.— Minh ơi ! Diệu Huyền 85 — 91
- 19.— Quê xưa cảm nhớ (thơ) Tương Phố 92 — 93
- 20.— Những người dân bà lừng danh
trên thế giới : Eva Péron Tân Phong 94 — 102
- 21.— Thụ thai nhân tạo Hoàng Đỗ 103 — 108
- 22.— Sách báo mới P. T. 109
- 23.— Kiên trinh (truyện dài) Cô Vân Nga 110 — 114
- 24.— Thơ bạn đọc P. T. 115 — 117
- 25.— Đáp bạn bốn phương Diệu Huyền 118 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Bà Tèo, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chi quốc-tế.)
★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chi PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.
 - Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Viet-Nam

Xã Luận

những nghi - vấn

TRONG ĐẠI

trong văn-học-sử

Việt-Nam

NHỮNG người chịu khó tra cứu đến tận nguồn gốc Văn Thơ của các tác giả Việt Nam từ lúc khởi thủy Văn-học nước ta cho đến cuối thế kỷ XIX, đều bất mãn, và đôi khi thất vọng. Trừ một số bản thảo còn để lại, (nhiều người đã được xem các bản thảo ấy trong Thư viện Trường Bác-cổ Viễn-đông, Hà-nội) xác nhận tên tác giả và nguyên văn tác phẩm, còn một số khá nhiều văn thơ khác đều không được chứng minh đành rành. Người ta chỉ tìm thấy các bốn sao lục, phần nhiều các bản này lại không giống nhau. Hoặc vì biên chép theo lời truyền miệng, — mỗi người truyền một cách, — mỗi người nghe một cách.

Nguyên nhân tình trạng mập mờ ấy là thời trước nước ta không có nhà in và nhà xuất bản, chữ Hán và chữ Nôm khắc gỗ rất tốn kém, không có tác giả nào thuê làm. Và lại Văn thơ chỉ làm chơi, được coi như một thú tiêu khiển thanh tao của các cụ, cho nên phần nhiều là đọc miệng rồi do người này chép ra, người nọ chép lại, thường khi không đúng nguyên văn. Biết bao nhiêu văn thơ truyền tụng đến chúng ta ngày nay, vì vậy mà bị « tam sao thất bản », lầm lẫn cả tên tác giả !

Đại khái một vài bài thơ của HỒ-XUÂN-HƯƠNG đã bị nghi ngờ, có kẻ cho là của TRẠNG QUỲNH hoặc của BA GIAI hay TỬ XUẤT. Có những bài hết sức tục tĩu, chặc chần không phải của Hồ-xuân-Hương, lại bị gán cho vợ chàng Tổng Cốc. Một đôi bài khác, có người nói là của Hồ-xuân-Hương, có kẻ bảo là của Bà Huyện Thanh Quan.

Cho đến bản dịch *Chinh-phụ ngâm*, không chắc của ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM. Con cháu của PHAN HUY ÍCH hiện đang ở Sài-gòn, quả quyết rằng bản dịch *Chinh phụ ngâm* đang được dạy trong các trường và mang tên dịch giả là Đoàn thị Điểm, chính là của PHAN HUY ÍCH. Ông bạn Thuần Phong có cãi lại cho bà Đoàn cũng không trưng ra được tài liệu nào để xác nhận là của Hồng-Hà nữ sĩ. Trái lại, hai ông Phan-huy-Hồng và Phan-huy-Chiêm và những người giòng - dõi họ PHAN HUY có những bằng cứ rõ ràng để chứng minh và quả quyết rằng dịch giả quyển *chinh phụ ngâm* là PHAN HUY ÍCH. Theo hai ông này, bài *Văn tế vua Quang Trung* mà các sách ghi là của NGỌC HÂN CÔNG CHÚA, cũng chính là của PHAN HUY ÍCH, do PHAN HUY ÍCH soạn ra, còn có bản thảo để lại. Buồn cười nhất, là bản dịch *Tý Bà Hành*, trong các sách hiện nay đều nêu tên dịch giả là PHAN HUY VINH, nhưng chính là của PHAN HUY THỰC, thân sinh của Phan huy Vinh ! Văn của ông bỏ mà người ta đem gán đại cho ông con ! Người ta muốn biết những người chép văn học sử hồi đầu thế kỷ này, như DƯƠNG QUẢNG HÀM, LÊ DU, đã căn cứ **TRÊN NHỮNG TÀI LIỆU LỊCH SỬ NÀO** mà chép rằng bản dịch *Chinh phụ ngâm* là của Đoàn thị Điểm và bài *Văn tế vua Quang Trung* là của Ngọc Hân ?

Sự kiện « Râu ông nọ, cắm cằm bà kia » trước đây đã xảy ra nhiều lần rồi. Chính ông DƯƠNG QUẢNG HÀM, trong quyển *Quốc văn Trích Diễm*, trang 62, xuất bản năm 1924 và 1925 tại Hà-nội, chép bài thơ « *Bán Than* » và tên tác giả là TRẦN KHÁNH DU, một vị tướng ở đời nhà Trần, thế kỷ XIII. Nhưng bài thơ ấy chính tác giả là NGUYỄN ÁN, một vị quan dưới đời Nguyễn Ánh, cuối thế kỷ XVIII, cách sau gần 500 năm! (xem bài *A propos de la paternité d'une poésie annamite* : « *Bán Than* », trong Bulletin

général de l'Instruction Publique, 1937-38 (số 5, trang 147-149).
Thế mà quyển *Quốc răn Trích Diễm* của Dương quang Hàm còn
đang bán hiện nay ở khắp các hiệu sách, do một nhà sách Saigon
xuất-bản lại năm 1953, vẫn còn y nguyên bài thơ « Bán Than »
với tên tác giả là TRẦN KHÁNH DU, thế kỷ XIII!

Còn 10 bài « *Khuê phụ thán* » của THƯỢNG TÂN THỊ
tên thật là PHAN QUỐC QUANG, một thi sĩ miền Nam viết
hồi tháng 3 năm 1919, mà trong quyển *Nữ lưu văn học sử* của LÊ-
DUY xuất bản tại Hà Nội năm 1929, lại chép tên tác giả là Bà
NGUYỄN HOÀNG PHI, ở Huế, vợ vua THÀNH THÁI!
Năm 1952, tôi có thừa lại chuyện này cho Đức Thành Thái nghe,
Ngài cười chum chim, bảo : « Không phải của người ta, mà dám nói
là của người ta ! »

Có một dạo, tôi rất thắc mắc về bài thơ sau đây mà hầu hết
mọi người đều truyền tụng là của Vua THÀNH THÁI :

*Võ-võ vân-vân ý cảm bào
Trăm vì Thiên-tử độc gian-lao,
Tam bôi hoàng-tửu, lễ-dân huyết,
Sổ trần thanh trà, bách-tánh cao.
Thiên lệ lạc như nhân lệ lạc,
Ca thanh liên xứ khắp thanh tao.*

(hai câu sau, tôi không nhớ)

Năm 1952, nhận được tin cựu Hoàng Thành Thái về ở
Saigon, tôi có đến thăm Ngài, và hỏi Ngài về bài thơ đó. Ngài
vội vàng lắc đầu :

— *Bây ! Bài đó chính là của HOÀNG-CAO-KHÁI nó làm ra,
chớ không phải tôi. Nó học dốt, mới làm bài thơ dốt như thế, chớ thơ
tôi đâu có thế !*

Đây là tôi chép nguyên văn lời nói của Đức Thành Thái,
trong bài « Một giờ với Cựu Hoàng Thành Thái » đã đăng trong
tạp chí *Phổ Thông* Bộ cũ, số 2, tháng Mars 1952, đã được Đức
Thành Thái duyệt qua trước khi ấn hành.

Trong một số *Phổ Thông* trước đây, ông Lương-trọng-Minh,
một bạn làng văn ưa tra cứu về Văn-học, cũng đã đính chánh về
bài « Sống » và « Chết » là của cụ ĐẶNG-VĂN-BÁ, chứ không
phải của cụ PHAN-BỘI-CHÂU, như các sách luận đề về Phan-
Bội-Châu do mấy vị giáo sư viết cho học trò học.

Còn nhiều sách luận đề khác của một số giáo sư Trung-học,
trích thơ của TÔN - THỌ - TƯỜNG thì nói là của HUỖNH-
MÃN-ĐẠT, thơ của PHAN-VĂN-TRỊ lại nói là của Tôn Thọ-
Tường, và giảng nghĩa sai hết.

Cũng như ông Giáo-sư nào đó đã viết quyển Luận-đề về
HỒ-XUÂN-HƯƠNG, giảng hai câu thơ :

*Ba hồi chiêu-mộ (1) chuông gầm sóng
Một vũng tang-thương nước lộn trời*

mà ông giảng *chiêu mộ* là *chiêu binh*, *mộ* lính, rồi ông còn chưa
thêm chữ Pháp : *Recruter !* Giáo-sư như vậy, sách như vậy, đem
ra dạy cho học sinh Trung-học và thi Tú Tài.

Hiện nay, còn nhiều bài thơ và câu đối rất hay đã được
truyền tụng, nhưng chúng ta chưa biết đích xác ai là tác giả. Như
bài *Ngũ-hành-sơn*, tả núi Non-Nước ở Đà-nẵng, có hai câu đầu :

*Hay là ông Không-lý-Lồ xây,
Mới có non non nước nước này !*

.....

Nhiều người bảo là của Vua MINH-
MẠNG, có người lại bảo là của cụ HUỖNH
THÚC-KHÁNG. Cũng có người nói quá
quyết rằng tác giả bài ấy là ông BANG-
NHÂN ở Quảng Nam. Thế thì của ai ?



● Kỳ sau sẽ xin trở lại vấn đề này.

(1) *Triều* (chứ không phải *Chiêu*) : buổi sớm mai ; *mộ* : buổi
chiều. Tiếng chuông các đền chùa thường đánh buổi sáng sớm và
buổi chiều hôm, gọi là *Chuông triều-mộ*.

NGUYỄN TRUNG-TRỰC

VÀ CUỘC KHÁNG- CHIẾN CHỐNG PHÁP TẠI RẠCH - GIÁ

HƯỞNG - ứng Phong trào Cần-vương kháng chiến đang dấy-kích địch quân dữ-dội trên các chiến trường miền Nam, đang lúc Trương-Định hoạt-động ở Gò-Công thì ở Tân-an lại xuất hiện một vị anh hùng Nguyễn Trung-Trực.

Ngày nào là một bác thợ chài ven bờ sông Nam-Việt thì bây giờ lại nghiêm-nhiên trở thành một dũng tướng hiên ngang với sức mệnh giải-phóng xứ sở.

Ông họ Nguyễn, tên Lịch, sau đổi là Chơn. Sau thời gian làm hương quản, ông có tên là Quân-Lịch. Khi khởi nghĩa lấy máu để cờ cùng nghĩa quân lấy khẩu hiệu «Dân chúng tự vệ» làm tiêu đích, ông lấy tên chữ Trung-Trực để tỏ lòng trung-trình báo quốc.

★ VÕ - B Á - H A I

Sự thật về cuộc đời của ông chưa được lịch-sử điều chỉnh vì vậy có rất nhiều sai biệt giữa những lời truyền khẩu.

Nhưng chúng tôi thiết-nghĩ, mặc dù ông là người ở đâu, làm nghề gì... điều đó không quan hệ lắm. Điều đáng nói là nhìn ngay vào quan-niệm đấu tranh và hành vi bất khuất của tác phong một vị anh hùng miền Nam.

Công cuộc tác chiến của Nguyễn Trung-Trực

Vào khoảng tháng chạp năm 1861 (Tự Đức thứ 14) quân Pháp phải vất vả tảo trừ lực-

lượng của Trương-Định ở Gò công, Thiên hộ Dương ở đồng Tháp Mười. Thế lực của nghĩa quân đáng cho quân Pháp lo ngại nhất và căn cứ địa Tháp Mười với những chướng ngại vật tối hiểm. Để bật đường tiếp viện và rút lui của nghĩa quân tại mặt trận, bộ tư-lệnh Pháp cho tàu Espérance án ngữ vàm sông Nhật-tảo dưới quyền chỉ huy trực tiếp của thiếu tướng Parfait. Vàm Nhật-tảo chiếm một ưu thế về mặt sông, là giao điểm của các ngã sông Bến-lức (Vàm Cỏ) đường vào Đồng Tháp-mười, Gò Công, Saigon, Chợ lớn.

Chiếc tàu to lớn ngự trị trên vàm với tất cả lực lượng hùng hậu của hải lục quân. Lá cờ tam sắc vẫn phất phơ trên lòng nước Việt...

Rồi, một ngày kia Espérance thành linh cháy rụi xác tàu chìm lìm vào đáy sông làm bạn với cá.

Theo tài-liệu của Alfred Schreiner trong quyển Souvenirs d'Indochine, ngày 11 tháng 12 năm 1861, trời ngã bóng về chiều, nghĩa quân thi hành thủ đoạn.

Nắng trên trời gay gắt lắm.

Đoàn thủy binh Pháp không chịu nổi khí hậu nhiệt đới nên theo lệ hằng ngày phải nhảy xuống sông tắm. Chúng thoải mái nằm ngáy pho pho trên boong tàu. Một vài tên lính ôm súng canh phòng. Trong đó có một viên đội (Sergeant).

Tên đội thấy một đoàn năm chiếc ghe từ sông lớn đổ ra lại gần tàu. Hắn kêu lại xét giấy. Chiếc ghe thứ nhất vừa cập bên tàu, một người đàn ông y phục đen, nón lá rách ung-dung mở ví ra... viên đội thò đầu vào lấy...

Người cao lớn trong bọn nhanh nhẹn rút thanh đao chém vào cổ và thêm một nhát từ bụng thẩu đến sau lưng ngã gục.

Không một khuỵa động.

Hơn 150 nghĩa binh dũng sĩ nhẹ-nhàng nhảy phốc lên tàu dùng độc đao mã tấu tàn sát bọn lính Pháp. Quân Pháp không kịp trở tay; số còn lại không kịp lấy súng, cố kháng cự mãnh liệt. Nhưng nghĩa quân gồm những tay võ giỏi gươm hay nên chiến thắng được bọn chúng. Rốt cục, chúng phải trui nhủi vào các khoang hầm máy mà trốn.

Espérance nổ tung từ hầm xăng, lửa loang loáng rợp trời trong chớp lát đã thiêu hủy toàn

phần. Một số lính Pháp nhanh chân nhảy xuống sông vớ lấy tam bản chèo vào bờ, chiến tàu GARONNE được cấp báo cho lính đến tiếp viện. Nhưng vô ích, tàu chìm, nghĩa quân rút lui.

Bọn sát nhân khát máu quyết dùng thái độ dã-man để trả thù. Chúng cho triệt hạ làng Nhật-Tảo. Hơn 300 nóc nhà, người vật, lúa gạo đều cháy tàn theo lửa đỏ !

Theo lời các vị bô lão ở Bình Trinh và Nhật-tảo (1) kể lại thì trước khi đánh chiếc Espérance, ông Nguyễn nghĩ ra một kế gây lòng tin cho binh-sĩ bằng cách thuật lại điềm chiêm bao của mình trong đêm ngủ thấy tả quân Lê-văn-Duyệt ứng 8 chữ "Thiết luyện lam giang, ngư đỉnh Hoàng công" (muốn đánh giặc Pháp thì phải học theo chước hòa công của Hoàng Cái đã đánh với Tào Tháo trên giòng Xích-Bích).

Mà thực vậy, mộng và thực đi đôi bằng sự thành công rực rỡ trong chiến trận vừa qua.

Cũng theo lời tường thuật của dân làng Nhật-Tảo thì cơ cấu tổ chức trận đánh tàu Espérance được sắp đặt và diễn ra một cách hi hữu.

Nguyễn-Trung-Trực cho tổ chức một đội dũng sĩ giả làm lái chuổi trên các chiếc ghe chèo đi ngang qua hạm đội Espérance.

Một buổi trưa nọ, chính ông chỉ huy một chiếc thuyền được nghi trang là một đám cưới, theo sau là các ghe chài lưới và buôn chuối rải rác đó đây. Đến cạnh tàu Pháp, ông cho dừng lại và yêu cầu lính canh cho phép mình đem đồ sinh lễ quan Pháp. Các chiếc ghe tùy tùng của ông giả vờ bu lại xem «Đám cưới lạ».

Viên đội chìa tay nhận lễ vật. Xuất kỳ bất ý, Nguyễn Trung Trực cho vào ngực hắn một đoản đao tiếp theo là nhất kiếm...

Toàn thể nghĩa binh trên các chiếc thuyền tuân hành thủ đoạn (như tài liệu của A. Schreiner vừa kể)

Sau khi triệt hạ tàu chiến Espérance, ảnh-hưởng của nghĩa quân càng ngày càng lan tràn sâu rộng vào quần chúng. Triều đình Huế nhận được sự tranh đấu chính thức của Nguyễn Trung

(1) Tài liệu theo Thái-Bạch, « Bốn vị anh hùng kháng chiến miền Nam.

Trực bèn cho người bí mật thăng thưởng chiến công với chức Đốc binh.

Dưới bóng cờ nghĩa cử, dân chúng tự động quí tụ với ước vọng tranh đấu cho chủ quyền Việt Nam. Cuộc khởi nghĩa của ông Nguyễn phát khởi trong điều kiện thích hợp địa lợi và nhân hòa. Cho nên tại các cứ điểm Tân An, Bến Lức dư đảng của ông càng ngày càng đông và nhiệt tâm kháng chiến. Tầm mức hoạt động qui mô lan tràn đến các vùng Tân uyên, Phước lý, Long thành thuộc các tỉnh miền Đông Nam-Việt.

Ông Nguyễn có kỹ-thuật dụng binh rất khéo xuất quỷ nhập thần, ẩn hiện bất cứ lúc nào có thể đột kích thành lĩnh những đạo quân của Pháp, làm bất liên lạc để phân tán lực lượng và thủ tiêu. Nghiễm nhiên Nguyễn Trung Trực trở thành một tay kiện tướng trong các chiến thuật du kích được quân Pháp e dè kính nể. Sự có mặt của Nguyễn trên chiến trường là một vấn đề nan giải và đáng lo ngại nhất cho sự thiết-lập nền đô hộ tại miền Nam. Dĩ nhiên nhiệm vụ của quân cướp nước là phải

thôn tính mọi cách để thủ tiêu đối tượng Nguyễn Trung Trực.

Thực dân tung tiền thuê người truy nã Ông. Gắn một năm trời, chúng mới chánh thức dò la được địa điểm đóng binh của ông tại huyện Thủ Thừa (Tân An).

Viên tư lệnh Bonard cấp tốc hạ lệnh cho 6 tàu chiến ồ ạt tiến vào chiến khu.

Lực lượng hùng hậu nhất của hai chiến tàu giàn đại bác liên thỉnh tiến ngay vào Thủ thừa để gây sóng gió trận giao phong. Hay tin cấp báo, ông Nguyễn cho rút quân về Đồng Tháp để bảo toàn lực lượng tránh mũi nhọn địch quân. Chính ông và một số nghĩa quân phòng thủ bắn trả cầm chừng với quân địch và hơn hai tiếng đồng hồ sau, ông rút lui...

Không dễ lỡ cơ hội, quân Pháp tiến ngay vào chiếm hành dinh Thủ-thừa triệt hạ nhà cửa dân chúng và ra lệnh cho đắp đồn lũy canh phòng và củng-cố lực lượng án ngữ.

Một đêm mưa vào cuối tháng tư mùa hạ năm 1862, trời tối

sấm quân lính đang mê - man trong giấc ngủ. Tên lính canh cầm súng thần thờ trông chừng bên lò cốt rồi lại gật gù nhắm mắt, đầu kê lên súng.

Một tiếng soạt nhẹ nhàng làm cho hắn giật mình quay lại. Lưỡi gươm sáng lóe thành linh kê vào cổ. Phup !!! một cái đầu rơi khỏi cổ.

Quân du kích từ ngoài tràn vào với những thanh gươm và mã tấu. Gươm kẻ cổ. Những tên nào hay kịp dõn dã chạy ra thì liền khi thanh đao vừa tới !! Súng đại bác của quân tiếp viện nã vào, nhưng vô ích, quân ta tiêu diệt trọn ổ. Quân Pháp tấn công từ Mỹ-tho kéo sang và Sài-gòn đổ xuống. Nghĩa quân rút lui về Tây-ninh và sau đó đánh úp đồn Tân-uýên. Quân Pháp khó lòng mà tấn công vào căn cứ đóng binh của ông vì thực ra, Nguyễn Trung Trực di động đột ngột. Trong lúc Thiên hộ Dương đột kích địch quân rồi lại rút về chiến khu Đồng-tháp cổ thủ thì Nguyễn-Trung-Trực di chuyển từ địa điểm này đến căn cứ khác làm cho quân Pháp điêu đứng. Tướng Bonard phải nhiều lần than thở cùng tướng sĩ và

để đối phó với tình thế cùng lúc càng gay go, hắn ta treo giải thưởng với giá 180.000 quan cho ai bắt hoặc cắt đầu Nguyễn-Trung-Trực. Nhưng càng tung tiền ra bao nhiêu, dân chúng càng thấy cái dã tâm ngoan cố của họ và càng kính phục vị anh hùng dân tộc.

Tháng 6 năm 1862, triều đình Huế ký hòa ước nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông-Nam phần (Gia - định, Định-tường và Biên hòa). Nghe theo lời Phan-thanh-Giản và Trương văn-Ủyên ông xuống Hà-tiên nhận chức Thành thủ úy tỉnh này do chiếu chỉ của vua Tự-Đức với ước vọng là xoa dịu tình thế, thỏa hiệp tạm thời để kết thúc chiến tranh. Chính Bonard cũng thúc giục Pháp hoàng Nã-bá-Luân đệ tam nên tìm thái độ ôn hòa để chấm dứt chiến tranh phiền phức.

Nhưng việc thương thuyết của sứ bộ Việt-Nam không thành, 3 tỉnh miền Đông chuộc lại với giá bạc 85 triệu mà không được, trong khi đó Pháp cho chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây Vĩnh-long An-giang, Hà-Tiên.

Những tàu chiến tiếp tục

chiếm đóng tại các tỉnh miền Tây Odine, Mitraille, Bourdais, Espignole, Arc, Fancouneau, Alom Frah, Glaive dưới quyền chỉ huy tối cao của De la Grandière. Làn sóng khởi nghĩa của phong trào Cần-Vương càng ngày càng lan tràn trên khắp lãnh thổ miền Nam, Nguyễn Đình hợp tác lực lượng tổ chức cuộc khởi nghĩa cùng tổng đốc Vĩnh long là Trương văn Uyên. Đồng thời tại các tỉnh miền hậu giang cũng có những cuộc hưng binh của Phan Liên, Phan Tôn. Quân Pháp phải vất vả và điều đứng trong việc tiêu trừ.

Năm 1867, lợi dụng danh nghĩa là Thành-thủ-Úy Hà tiên thu thập tất cả binh triều để tổ chức quân đội tấn công địch quân tại Hòn-Chong, với khẩu hiệu « Dân chúng tự vệ » ông thu hút được đa số quần chúng sẵn sàng chiến đấu với sự mạng nghĩa quân.

Thoạt tiên ông cho một mặt quân bố trí ở vùng Cây dương chặn đứng lực lượng địch quân từ Kiên giang đổ lên, một mặt phục kích tại phía tây Hòn-chong để ngừa sức tấn công của địch từ Hà-tiên đổ xuống, một mặt

thu toàn lực chiếm địa điểm Ba Voi đương đầu với bộ binh Pháp.

Ông dùng chiến thuật « đặt đài lao » cho đánh tĩa các địa điểm có rải rác quân Pháp làm cho bọn chúng tổn thất nặng nề.

De la Grandière đem hạm đội định cần quét và tổng tấn công vào các địa điểm khởi nghĩa,

Nhưng lại thêm một lần thất vọng ! Nghĩa quân biến mất từ bao giờ. Và, theo « nghi thức thường lệ » của bọn « văn minh nghìn năm » thực dân Pháp cho nổi lửa những ngôi nhà khả-nghi để trả thù cho thái độ.

Bỏ các căn cứ điểm trên, nghĩa quân tránh ngay được làn sóng lực lượng mạnh nhất của địch quân và chọn một cứ địa mới là đảo Phú-quốc. Nơi đây theo trù hoạch, ông Nguyễn có thể kéo dài cuộc kháng chiến qui mô với một địa thế quan trọng.

Đến cù lao Phú - quốc, ông Nguyễn đã ở vào tình thế hợp thời, thu hút dân chúng theo ảnh hưởng cách mạng giải phóng ! Nghĩa quân càng chiếm ưu thế về mặt nhân tâm và địa lợi. Hai viên chức Nguyễn văn Điền và Nguyễn văn Ngợi vừa thu thuế xong, thay vì nộp cho chính

phủ bảo hộ, các ông xung vào quỹ chiến đấu của nghĩa quân. Phú quốc bấy giờ đã trở thành một phòng tuyến kiên cố đủ phương tiện mạnh, nhờ lực-lượng của nghĩa quân.

Vào đêm 16 tháng 6 năm 1868 nghĩa quân giàn mặt trận từ Phú-quốc tấn công vào Rạch-giá triết hạ thành trì và trong chớp nhoáng lá cờ kháng chiến « Dân chúng tự vệ » đã phất phơ trên mặt thành. Lá cờ tượng trưng cho lòng tự chủ, sự yêu chuộng tự do và lòng kiêu hãnh của một dân tộc bất khuất đã đứng hiên ngang chà đạp trên mọi áp bức.

Chiến công rực rỡ của ông Nguyễn tuy không được ngòi bút sử gia ghi nhận một cách chính xác, nhưng theo lời tường thuật của các đồng bào địa phương thì cũng đủ cho chúng ta thừa nhận lòng chiến-đấu can-dùng và tài hành quân xuất chúng của Nguyễn-trung-Trực.

Thuyết thứ nhất : Ông Nguyễn dùng thuật nội - công ngoại-kích. Nghĩa-quân giả dạng lái buôn nước mắm và chài lưới, đậu vào bờ gần mặt thành. Trong một đêm nọ đang lúc quân Pháp thờ-ơ, nghĩa - quân

đột nhập vào hạ thủ tên lính gác, và thông đồng với nội-quân xáp lá cà và đánh úp hạ đồn. Lính Pháp bị hạ gần hết, còn sót mấy tên hốt-hoảng chạy trốn để lại trong đồn rất nhiều súng ống đạn dược.

Thuyết thứ hai : Ông Nguyễn dùng mỹ-nhân-kế chinh - phục. Vọng thực dân Pháp. Một thiếu-nữ yêu kiều giả dạng lái buôn nước mắm từ Phú-quốc sang Kiên-giang, và nhân đó tán tỉnh một số lính Pháp-Việt để lấy tin tức, và đồng thời làm kẻ ly-gián giữa đội lính Việt-Pháp. Nhờ sự ly-gián đó mà cứ về đêm thì lính Việt bị thu súng vào kho để cho lính Pháp trọn quyền phòng ngự và tới lui ve-vãn các cô gái đất Hà - tiên. Năm được trọn vẹn tình hình quân địch, ông Nguyễn cho đột kích dữ dội trong một đêm (16-6-1868).

Thuyết thứ ba : Ông Nguyễn nhờ một bà già ở núi An bình, gần Hòn chong, khuyến dụ con bà đang theo giặc trở về chính-nghĩa và sẵn sàng giúp nghĩa quân khi chiến đấu. Và quả đúng thế, vào ngày giờ nói trên, tên lính Việt đáng thương hại đó

làm nội-ứng cho nghĩa quân đột nhập vào.

Sự sai biệt của ba truyền-thuyết không làm cho chúng ta ngạc nhiên, vì thực ra ở vào thời kỳ Pháp-thuộc có nhà sử nào dám ghi nhận sự thật 100 phần 100.

Sự thất bại chua cay và nặng nề nhất trong các chiến trận miền Nam càng gây hoang mang cho tướng lãnh De la Grandiere.

Quân ta làm chủ tình hình hơn một tuần trên khắp tỉnh Rạch giá. Người ta cảm thấy hạnh phúc và sung sướng hơn bao bao giờ hết.

Nhưng bọn thực dân có bao giờ để cho nghĩa quân hoành-hành miêng mỗi ngon của họ. Chúng cho hạm đội thủy quân lục chiến tấn công vào Kiên-giang. Nghĩa quân rút cả về Phú - quốc. Tàu Pháp được tin cấp báo, chạy rượt theo để quyết lòng tiêu diệt toàn quân kháng chiến. Nghĩa quân đến làng An-Thái phân tán lực lượng nấp theo đôi bờ để kháng cự khi quân Pháp đổ bộ lên.

Vài giờ sau, tàu Pháp vừa tới An thái. Chúng do dự không

dám đổ bộ vì lạ địa thế, và hơn nữa nước cạn, bãi xa bờ. Hai bên bắn trả nhau cầm chừng. Trong khi đó thì quân ta dần rút quân theo lối « chu vi vòng tròn » liên tục nhiều lượt làm cho địch quân ngờ rằng số lượng nghĩa quân rất đông. Chúng e ngại tin cho bộ tư-lệnh tại Saigon hay biết để cấp tốc viện binh.

Vài ngày sau, lực-lượng Pháp củng cố mạnh mẽ, chúng đổ bộ lên Hàm Ninh. Nhưng không thấy một bóng nghĩa quân nào. Bọn thực dân lại tra tấn hành hạ dân chúng địa phương để biết tin Nguyễn Trung Trực. Không một ai chịu mách bảo. Cuối cùng chúng đem xử tử thả thây xuống biển !

Sau tuần lễ đóng binh tại Hàm-Ninh, quân Pháp dò dẫm biết được địa điểm trú quân của ông Nguyễn. Hai đạo binh từ Hàm Ninh kéo qua và từ An-thái kéo lên Dương Đông đánh đồn lại để tiêu diệt toàn thể. Giờ giao chiến khởi diễn hơn hai tiếng đồng hồ, lực lượng địch quân quá hùng hậu đã triệt hạ nghĩa quân trong trận chiến này. Ông Nguyễn rút quân về

Cửa Cạn trên đồng cây quẹo.

GIỜ CUỐI CÙNG

Giặc Pháp tràn vào Cửa Cạn tàn phá tiêu tan xóm làng. Nghĩa quân chỉ còn một số người kháng cự lẻ tẻ trên một vài địa điểm đất liền.

Toàn thể đồng bào trước kia đã từng nghe uy-danh lừng-lẫy của ông Nguyễn trên các chiến-trận, thì nay hơi ối, giờ này không khỏi sụt-sùi rơi lệ, đoái thương người đất nước!

Tên phản tặc Huỳnh công Tấn lãnh sứ mạng của thực dân giao phó, truy nã Nguyễn trung Trực rất gắt. Nhận thấy tra khảo lê dân trong vùng để lộ manh mối là một việc rất khó-khăn, hắn ta liền cho người vào nhà bắt bà thân mẫu của Nguyễn Trung Trực để lừa kế giết ông như kế "Tử Thử", ông Nguyễn buộc lòng phải theo số mệnh của Tử Thử, theo xuống thuyền của tên chó săn họ Huỳnh.

Huỳnh công Tấn cố vận dụng lời ngon ngọt khuyến-dụ anh hùng. Nhưng anh hùng nào há dễ lung-lay! Càng dẫn dụ để lập công, thì tên Tấn càng bẻ óc

bằng những lời sĩ nhỏ chua chát:

— «Bất được ta thì cứ đem về nộp quách cho người Pháp để lấy thưởng, còn ta, nếu theo chánh phủ Tân-trào thì ta đã theo từ lâu không đợi đến bây giờ để anh khuyên bảo. Thay vì lời đó, là người Việt-Nam, sao anh không khuyên tôi hãy can đảm thà chết chứ không đầu giặc để mang tiếng muôn đời là kẻ con loan tội phản».

Tên Tấn phải thất vọng báo cáo cho bộ tư lệnh Saigon.

Viên tướng cao cấp của De la Grandiere phân trần, khuyên ông đầu hàng để hưởng vinh qui phú quý. Ông vẫn khẳng khái khinh khỉnh trả lời:

— «Tôi về đây là để chết thay cho thân mẫu tôi, và chết để giải lòng trung với quốc dân chứ không phải về đây để nghe những lời khuyên dụ của các ông».

Thực dân cảm thấy bất lực trước con người trung kiên họ Nguyễn, chúng dùng thái độ đê-hèn của tên quân cướp nước quyết định xử tử ông Nguyễn vào ngày 27-10-1868 (tháng 11

âm lịch năm Mậu Thìn — Tự-đức thứ 21).

Quốc dân chứng kiến cái chết đau lòng của người anh hùng bất tử tỉnh Kiên giang!

Ngôi mộ tọa lạc nơi thị xã Rạch-giá, hình ảnh của sự chiến đấu kiên dũng và bất khuất. Mặc dù tinh thần dân tộc có lãng quên trong giấc ngủ miên mang nghìn đời, nhưng nhớ đến năm mộ, hồn thiêng sông núi như hun đúc trong tâm tư nhân thế tự bao giờ.

KẾT LUẬN

Cuộc khởi nghĩa nêu cao được một giá trị tinh-thần của người Việt, bài học lịch sử của những

kẻ chiến đấu đáng nêu cao và làm kinh nghiệm cho đời sau ở những điểm:

— Biết người biết ta, ước lượng quân lực địch thủ để xoay trở tình thế chiến đấu.

— Chiến thuật «vô hình hoá» lực lượng, và «linh động hóa» quân sĩ, gây hoang mang cho địch để lừa thế đánh úp thành linh.

— Chiến thuật du kích với các phương tiện địa thế và nhân lực sẵn có.

— Ván bài chính trị thiết yếu cần nắm vững là thu phục nhân tâm làm chủ động lực lượng tinh thần quần chúng...



★ NGƯỜI CHỒNG THỨ TƯ

Một nhà báo gọi điện thoại hỏi một cô đào chớp bóng:

— Nghe nói cô sắp ly dị người chồng thứ tư mà cô mới cưới hồi năm ngoái đó, phải không cô?

— Ly-dị? Ai bảo với ông thế! Từ khi tôi lấy anh ấy, tôi mắc đi quay phim chỗ này chỗ nọ, đã có thì giờ gặp anh lần nào đâu, mà ly dị!

B. T.

Đưa con hư của thời đại

★ ÁI-VIỆT

CHIỀU đã xuống từ lâu. Một màu tối âm u bao trùm cả xóm lao động nghèo nàn. Ở xóm nghèo thì làm gì có đường tráng nhựa, đã thế lại gặp lúc mưa thì quả thật là một vùng bùn lầy ứ đọng. Những miếng ván long lẻo được đặt lên vài ba cục gạch gọi là để làm "cầu". Và ở đó làm gì có điện. Vì thế khi chiều xuống người dân xóm ấy đã hấp tấp ăn cơm bữa chiều đề tiết kiệm đèn lửa. Như thế vừa đơn giản vừa tiện lợi.

Đã 8 giờ rồi, thế mà nhà ông Hai vẫn chưa dùng cơm. Vợ chồng ông đang chờ Huy về. Huy là đứa con duy nhất của ông bà Hai vì thế nên rất được

nuông chiều từ thuở bé. Năm nay chàng được 19 tuổi, cái tuổi của ước mơ, rạo rực. Có lần Huy mong ước được làm một Marlon Brando hay một Pat Boone, có lần Huy ước được giọng hát chàng bay khắp bốn phương trời như một Tino hay một Elvis. Có lần, Huy nằm mơ thấy mình được bao nhiêu người chào đón tại Hollywood. Bao nhiêu phóng viên rít rít hỏi thăm chàng, bao nhiêu nhiếp ảnh viên cố chen lấn nhau để được chụp một vài ảnh chàng; bao nhiêu cô gái bu quanh chàng chỉ để được... nhìn chàng. Huy hãnh diện và sung sướng quá — cái sung sướng của những chàng đôi mươi tân tiến — Và

khi tỉnh mơ chàng thấy mình nằm bơ vơ trên chiếc giường tre ọp ẹp, chàng chán nản thở dài.

Bà Hai đứng trước cửa nhìn phía dưới, nhìn phía trên, về mặt đâm chiêu, lo lắng. Những ý nghĩ tai nạn chết chóc làm bà rung mình lo sợ. Ông Hai mặc dù điềm tĩnh hơn, vẫn không dấu nổi vẻ mặt trầm ngâm bực dọc. Những điều thuốc tiếp đãi nhau được nằm gọn ghẽ giữa hai ngón tay ông để rồi thỉnh thoảng ông đưa lên môi rít, một hơi dài. Thì giờ vẫn chậm chạp trôi qua. Mâm cơm đặt trên chiếc bàn con xiêu vẹo đã nguội từ bao giờ. Ai đã từng chờ đợi một người thân yêu, mới hiểu rõ tâm-trạng khổ đau sợ sệt của ông bà Hai lúc bấy giờ. Một người từ cuối đường đi đến. Bà Hai nhìn người ấy, cố tìm ra vài nét quen thuộc của con bà. Nhưng người hành khách ấy lạnh lùng lướt qua. Bà buồm một tiếng thở dài. Bà lại nhớ đến Huy; Huy đã làm khổ bà nhiều quá rồi. Thế mà bà không bao giờ đánh rầy con. Bà nhớ có lần, Huy theo bọn du đảng vào những rạp xi-nê thường trực bỏ cả buổi học chiều, thế mà bà chỉ rầy mắng sơ thôi. Lại có

lần sau khi đánh nhau ngoài tiệm nước, Huy về với đôi mắt bầm tím, với bộ đồ rách nát be bét những máu. Bà hai chỉ nhìn Huy với đôi mắt đầm lệ: "Huy con, con đừng đi chơi nữa. Mẹ van con". Thế thôi. Và Huy lại đi nữa. Bà rất buồn phiền. Vì đứa con ngỗ nghịch của bà đang lần mò xuống vực sâu. Bà muốn kéo trỉ con về nẻo đường chính. Nhưng bằng cách nào bây giờ? Với phương-pháp cổ điển như: roi mây à? Nhưng tình mẫu tử nặng quá. Bà không dám đánh Huy. Và khi chuyện đã qua rồi, bà hối hận vì đã thương con mà đành để con sa vào trụy lạc. Bà Hai đã yếu đuối như thế; Ông Hai lại càng yếu đuối hơn — hay hồ hững thờ ơ thì đúng hơn — Ai làm gì cũng được. Ông không buồn dòm ngó vào.

Huy làm những gì ông không cần biết đến. Ông lãnh đạm với tất cả. Không bao giờ ông rầy la Huy. Khi có chuyện quan trọng, ông tháo hét ầm lên rồi thôi. Vì thế, Huy rất ít sợ ông và mỗi lần đi đâu, Huy không cần phải xin phép ông, nhưng có sao đâu, ông Hai không thêm đề ý đến việc ấy mà.

★

Thế rồi Huy lại về. Chàng bước vào nhà huyết sáo miệng bài « You are my destiny », chàng tưởng cũng như mọi lần khác. Mẹ Huy hiền quá, còn cha Huy thì sợ gì. Ông ấy có bao giờ rầy la đâu nào. Và chàng hiền ngang bước vào phòng. Nhưng mẹ chàng đã gọi: « Huy con ». Chàng đáp không ngoan mặt lại:

— Dạ.

— Đến mẹ hỏi.

Huy ngoan ngoan đến bên mẹ. Bà Hai nghiêm sắc mặt:

— Con đi đâu bây giờ mới về? Sao con đi không thưa, về không trình? Con không coi cha mẹ ra gì cả à?

Nghe Mẹ nói, Huy rất đỗi ngạc nhiên. Có bao giờ mẹ chàng nói thế đâu. Tuy vậy chàng vẫn đáp:

— Con đi ci-nê. Vì gấp quá nên không thưa mẹ đấy thôi.

Huy ấp úng: — Dạ... vì phim dài.

— Nhưng mẹ không thích con đi thế nữa. Quá lắm rồi. Con lêu lổng chơi bời. Gia đình đối với con là một nhà giam và hơn thế nữa một địa ngục. Mẹ vẫn tưởng con sẽ sửa đổi lối sống tạm bợ này đi. Nhưng mẹ lầm. Phải mẹ lầm rất to, và mẹ lầm cả trong

việc dạy dỗ con nữa. Và mẹ rất ân hận. Từ đây con phải vâng lời mẹ. Mẹ không muốn con giao du với bọn mất dạy ấy nữa vì thế nào rồi đây con cũng một phường với bọn đó mà thôi.

Tự ái bị đụng chạm, Huy cãi lớn:

— Nhưng con sẽ không bao giờ giống bọn đó.

— Con sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều con ạ. Và mẹ biết chắc sau này con sẽ hư hỏng.

— Mặc còn. Con hư hỏng chứ mẹ hư hỏng à? Con không cần mẹ nói nhiều.

Bà Hai biến sắc mặt không ngờ đứa con mà đã bao lần bà yêu thương ấp ủ giờ lại trả ơn Bà bằng những lời nói vô giáo dục như vậy. Bà giận mạnh:

— Giỏi! giỏi lắm. Học ở đâu những danh từ ấy? Mà nói thế không biết thẹn à? Mất dạy đến thế là cùng.

Huy cũng không kém.

— Phải! có ai dạy con đâu nữa mà mẹ bắt con phải là con nhà có dạy.

— Huy! Im mồm ngay. Tao không ngờ mày hư hỏng khôn nạn đến thế!

— Phải! Con đã hư hỏng

nhiều rồi mẹ à. Mẹ cần gì dạy dỗ con nữa. Con đã lớn khôn rồi kia mà. Con không thề nào sống trong gia đình này nữa. Con chết mất. Con sẽ đi.

Bà Hai không dần được cơn giận nữa. Bà hất cả mâm cơm xuống đất, chẳng may một chén nước cá văng tung toé trên mình Huy, trên bộ đồ « chiến » nhất của chàng. Huy rít lên: « Làm thế này rồi quần áo đâu người ta mặc đây? ». Xâm xâm bước vào trong, chàng đưa chân đá tung lên những cái bát gần đấy.



Đã gần hai giờ sáng. Bà Hai đứng sau lưng Huy đã lâu rồi, thế mà Huy vẫn không hay biết. Chàng đang viết, viết một bức thư vĩnh biệt cha mẹ chàng. Bà Hai nhướn đôi mắt cổ độc những giòng chữ đang nhảy múa dưới đèn cầy sắp tàn lụi.

Thưa cha mẹ,

Con cố gắng lắm mới viết được bức thư này đây. Con cố gắng là phải vì đây là bức thư đầu tiên mà con bắt buộc phải viết. Con hối-hận lắm mẹ ạ. Con xin mẹ tha lỗi cho con. Con phải xa mẹ cha. Con đi, con sẽ đi thật xa, xa cái gia đình cò

hủ mà con đã trót sinh. Con rất hồ thẹn khi phải nghe có lần bạn con bảo: « Mày có một bà mẹ lạc hậu quá. Thời buổi này mà mày vẫn khư khư ôm lấy những tư tưởng xưa cũ. Tại sao mỗi chiều thứ bảy, chúa nhật trong khi bao nhiêu người đang đổ xô về những rạp chiếu bóng để tìm thấy cái mới lạ thì mày lại chui rúc vào căn nhà tối om của mày để phải nghe mẹ mày giảng Moral; còn gì nhứt óc hơn? Có ai cấm mày đi chơi đâu? Nè mày à? Ồ cần gì! Mày cứ việc bảo: « Chiều nay con đi học tư ». Thế là êm việc ngay. « Thưa mẹ, những lời lẽ ấy đã cho con một bài học quý giá. Và từ đó — may mắn làm sao! — năm đó con mới lên 10 — con đã thay cuộc sống vô nghĩa kia bằng một cuộc sống ồ-ạt hơn nhưng được mùi văn-minh, tân tiến. Và cũng từ dạo đó, mẹ đã khuyên — nói dụ dỗ có lẽ đúng hơn — mẹ dụ dỗ con vào con đường đi đến hố lạc-hậu. Vì thế nhân câu chuyện tối hôm qua, con càng nhận thấy con với mẹ không thề nào ở chung với nhau được, ở chung với nhau làm gì khi con chỉ chuốc lấy những nhục nhã? Mỗi người có một ý-niệm riêng về cuộc sống mẹ ạ... »

Bà Hai vội-vàng quay gót. Như thế cũng đủ cho bà hiểu rõ ý định của Huy rồi. Bà trở về phòng. Những ngôn-ngữ mất dạy của Huy vẫn còn văng-vẳng bên tai bà, những dòng chữ vẫn còn chập chờn trước mắt bà. Bỗng dưng bà thấy thương hại Huy quá. Bà muốn ngồi dậy đi nhanh đến phòng Huy ôm chăm lấy Huy, khuyên Huy nên bỏ ý định điên rồ cuồng dại ấy đi. Nhưng bà lại nhủ : Nó đã quyết-định thì dù có bắt nó ở nhà cũng không được. Tính nào tật nấy. Hãy cho nó đi, nó sẽ biết thế nào là văn-minh, là tân tiến. Tình đời sẽ dành riêng cho nó một bài học đích đáng. Nghĩ đến đó, bà Hai lại không muốn con mình bị đời bạc đãi, bà không muốn ích-kỷ,

bà không muốn bị lương-tâm cắn rứt. Bà toan vùng dậy nhưng có gì nặng nặng giữ chân bà lại.

Bên kia phòng, Huy đã sắp sửa xong hành-lý để ra đi, đi đến một chân trời đầy mới lạ. Chàng nhẹ lê chân chỉ sợ mẹ tỉnh giậy thì nguy. Bà Hai nghe rõ mồn một bước chân con bà ra đi, lách qua khe cửa. Bà không chạy theo gọi Huy về, Bà tự bảo: hành động như thế này là giải pháp ổn thỏa nhất và đó cũng là cách thương con vậy. Bà hình dung con bà đang đi trên con đường mà bà biết đầy những chông gai, cạm bẫy. Bà cầu mong Thượng-Đế che chở con bà... Đôi giòng lệ tràn ra khoé mắt bà...



* NHÀ VĂN ĐĂNG TRÍ

Một Văn-sĩ đăng trí có hai người bạn, cùng một ngày, một người cưới vợ, một người làm đám tang cho vợ chết. Văn-sĩ gởi lộn hai danh thiếp như sau đây :

Danh thiếp gởi người bạn cưới vợ : Thành thật đau đớn chia buồn cùng anh.

Danh thiếp gởi người bạn chết vợ : Vui mừng chúc anh chị đầy đủ hạnh phúc và bách niên giai lão.

B. T.

Thơ v à Nhà Thơ

* JEAN BOUHIER

(Tiếp theo P.T. số trước)

N G U Ò I ta chỉ có thể đánh-giá một bài thơ theo giá-trị của người thơ. Nghĩa là chỉ có người thơ mới có giá-trị. Đúng thế. Ngày nay, người ta không nói đến nữa nào là thể thơ, trường thơ, nào là thơ huyền-bí, thơ cổ-diễn. Hết rồi. Lối chơi đó chỉ hấp-dẫn với những người thích chơi ô-chữ. Ngày nay, Thi-nhân không phải như loại Hérédia đã bị phá-sản, hay là loại « trầu tượng » xách chiếc đèn thần. Hết rồi. Thi-nhân ngày nay không còn hát khúc nhạc-tình bí-hiếm, hoặc thêu dệt màu sắc chói lọi của các vị thiên-thần. Ngày nay họ

SỐNG. Họ khạc ra bàn tay họ. Họ không cần ngó cán cuốc màu gì, bằng gỗ gì, họ chỉ nhìn những hột lúa chín chầy giữa những ngón tay của họ. Họ không câu nệ áo quần, họ tự nhìn họ khỏa thân trong ánh mặt trời. Vũ-trụ trước mắt họ không bao la vĩ - đại nữa. Không có, không còn lý-thuyết nữa. Không còn nghệ thuật vị nghệ-thuật nữa. Làm thơ không có « vì », gì cả.

Hồi xưa, người ta làm thơ cũng như khâu những chiếc nút quần, làm thơ là một cái nghề, cái nghề mà ngày nay chỉ còn những kẻ ngồi tô-diểm mấy tấm

hình gái điếm để bán cho bọn binh lính, là ưa thích thôi.

Ngày nay làm thơ không còn chạm trổ, tô - điểm như người thủ công nữa.

Thơ đã đi xa quá rồi, không có lần mức. Thơ, là cái gì xiết chặt vào người anh, rả - riết trong lòng anh, xáo động trong hồn anh, khiến anh muốn ói mưa, ói mưa ra thơ, ói mưa trên thể giới giả-dối bần-tiện, Thơ hay? Thơ dở? Láo toét cả! Chỉ có thơ của nhà Thơ. Nếu nhà Thơ không có thi-tài, như làn gió thiêng thoảng vào đời Thi-sĩ, thì họ đổ bể. Họ đổ bể thì không có vi-ta-min nào cứu sống họ được nữa. Không phải một bình sữa cho trẻ con bú, là có thể nuôi dưỡng được thi tài của chân Thi-nhân.

Ngày nay, kẻ nào què chân là bị gạt ra ngoài rìa cuộc đời; những kẻ kém cỏi không còn lừa bịp được nữa, kẻ thủ công dùng tưởng mình là nghệ-sĩ.

Bài thơ, có lẽ như một bọt xà-phòng. Nhưng nó nhất định

là một trái cây chín, đầy nhựa sống của người Thơ. Đến lúc nó chín là tự nhiên nó chín. Trái cây ngon là tự nhiên nó ngon. Nó chín thì phải biết ăn nó, không ăn nó sẽ úng, thúi, trong tay những kẻ vụng về cứ nắn bóp nó hoài.

Một bài thơ, chính là trái cây chín đó, nó từ người Thơ rụng xuống và không có giá-trị nào khác hơn là hương vị của nó, và nước ngọt của nó.

Mùa này kế tiếp mùa kia. Cây héo rồi lại xanh tươi. Cây Thơ vẫn có trái vĩnh viễn, những trái cây chín hồi năm ngoái, năm nay không còn nữa. Người ta đón chờ trái mùa này, người ta chờ nó chín.

Ai không phải là Thi-nhân không hiểu được điều đó đâu.

Trái thơ càng chín càng ngon, không cần ai khen ngợi, và Thi-nhân cứ tiếp tục gieo-rắc trên địa cầu hạt giống huyền-diệu của Thơ.

TÂN PHONG dịch



Đêm trăng mùa hạ

Em ơi,

Đêm trăng mùa hạ...

Tiếng gió buồn qua bãi tha-ma.

Nhịp buồn vang dội bao la,

Tiếng chày giã gạo người xa vắng người!

Trên những vĩa hè

Văng vẳng đêm khuya,

Cung đàn thồn thức năm xưa

Cùng theo lá rụng, gió đưa thâm sâu

Một nền vàng, tang tóc em ôi.

Đêm khuya giọt lệ đầy vơi

Người đi hiu quạnh trên cánh đồng xa

Sương sa lặng lẽ, mình ta vói người.

Em ơi! đêm khuya mùa hạ...

Phố xá buồn như bãi tha ma

Hoang-liêu về chết cả lòng ta.

Trời không mưa lạnh

Lòng anh lạnh nhiều

Em ơi! lòng anh tan-nát toi-bời.

Nhớ em mắt lệ đầy vơi

Xa em anh thấy cuộc đời bơ-vơ.

NGUYỄN-VĂN-KHOA

(Qui-Nhơn)

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XIII

TIẾT-THÁO CỦA TRÍ-THỨC VIỆT-NAM

★ THIẾU - SƠN

(Tiếp theo P. T. 29)

Loạt bài hồi ký này đã bị bỏ dở một thời gian khá lâu vì, như các bạn đã biết, bạn Thiếu-Sơn bị ốm nặng. Nay tác giả đã bình phục, vậy xin tiếp tục loạt bài hồi ký.

P.T.

ĐỌC lại sách xưa nói về tiết-tháo của hạng sĩ-phu sau những cuộc tang thương biến đổi, tôi càng mến phục họ bao nhiêu thì càng khinh-khi những con người đòi chủ như đòi áo và

đôi lòng một cách mau chóng lệ làng.

Những biến cố lịch-sử từ năm 1945 quan trọng hơn một cuộc đời chủ. Đây là một cuộc cách mạng giải phóng đất nước, là một cuộc tranh thủ độc lập của toàn dân, người trí-thức Việt-Nam thấy rõ trách nhiệm của mình trước dư-luận, trước dân tộc, trước lịch-sử.

Cổ-nhiên vẫn có những người mang tên trí-thức mà không giữ vẹn phẩm cách của mình, vội-vã ôm chầm chủ cũ để kiếm miếng

MỘT ĐỜI NGƯỜI

đỉnh chung, làm tay sai cho kẻ thù của dân tộc.

Nhưng phần nhiều trí-thức V.N. đã giữ tròn tiết tháo. Có những ông luật-sư không chịu khoát áo thầy kiện lại. Các ông nói : « Đành rằng ra Tòa tôi vẫn có thể bình vực những thân-chủ Việt-Nam. Nhưng biện-hộ trên nền tảng pháp luật của Pháp tức là thừa nhận công-lý của họ và cũng là thừa nhận chủ quyền của họ ».

Có những ông giáo-sư không chịu đi dạy lại ở những trường cũ của mình và nói : « Chúng tôi không làm chánh trị. Chúng tôi chỉ là những nhà văn hóa. Nhưng dạy lại với chương-trình giáo dục của thực-dân dưới sự kiểm soát của họ tức là đã gián tiếp phục-vụ thực-dân ».

Chính ông Préton đã thuật cho tôi nghe một chuyện về một ông thạc sĩ Việt - Nam mà ông đã được gặp.

Ông nói :

— Anh cũng biết ông này học giỏi và thân Pháp triệt để. Chính ông tự nhận là đứa con tinh thần của « Mầu quốc ». Vậy mà nay

ông không chịu trở lại cộng tác với Pháp, không thêm nói tiếng Pháp, viết chữ Pháp và giao du với các người bạn Pháp. Chính ông đã nói với tôi : « Đáng lẽ tôi không tiếp ông cũng như tôi đã tuyệt giao với các người Pháp khác. Nhưng biết ông là người có tư tưởng dân chủ, không tán-thành chánh sách của thực-dân nên tôi còn giữ vẹn tình bạn đối với ông ».

Có những công-chức cao cấp không chịu trở lại làm việc để lãnh lương, lãnh truy-cấp và chiếm những địa vị quan-trọng hơn. Họ vui lòng làm đủ mọi nghề tầm thường để sống qua ngày với vợ con. Người xin làm kế toán nhà buôn, kẻ xin giữ kho thuốc cho một nhà bào chế, kẻ mở quán cà-phê, kẻ có gánh hủ-tú...

Tôi gặp ông Thân-văn Nguyễn văn-Quý, nguyên chủ quận Tân-Uyên, người bạn văn-chương của anh Phan-văn-Hùm. Tôi gặp ông Thân-Văn ngồi giữ sổ sách cho một nhà thuốc của một dược sư người Việt.

Người Pháp gọi những nhà trí-thức đó là những kẻ đợi thời (les attentistes). Báo chí gọi họ là

những nhà trí thức trùu chán.

Cổ-nhiên cũng có những kẻ đời thời, hễ cơ đến tay là họ phát lệ. Cũng có kẻ trùu chán thấy trùu lâu sợ ngộp nên cũng vội-vả tung chân để nhảy nhót với người ta. Nhưng đa số vẫn kiên-trì, nhẫn nại, chịu đói, chịu nghèo để giữ tròn tiết tháo.

Thực dân cũng lập đủ phương-thế để lung-lạc những người này. Có khi họ lần la tới nhà để ôn-tồn thuyết phục, cũng có khi họ khùng-bổ để lũng đoạn tinh thần.

Một ông luật-sư đã kể cho tôi nghe một chuyện như sau :

« Một đại-tá Pháp tới nhà ông và mời ông ra cộng-tác nói rằng nước Pháp mới không còn phải là nước Pháp cũ nữa. Tướng De Gaulle đã long trọng tuyên-bổ ban hành một nền tự trị rộng-rãi cho Việt-Nam thì những nhà trí-thức Việt-Nam không nên có thái độ tiêu-cực, đời-thời và cũng không nên ủng-hộ bọn phiến loạn là bọn Cộng-sản và bọn tù Côn-nôn trở về. Ông đã trả lời rằng ông không thích Cộng-sản, không ưa phiến loạn, nhưng ông nghe nói có một cuộc kháng chiến giành độc lập, chống thực-dân và không chống Pháp. Những người kháng

chiến ở miền Nam nhiều người là bạn của ông và cũng là những nhà trí thức ôn-hòa theo ông biết. Ông không làm được như họ nhưng ít nào ông cũng phải kính trọng họ như dân Pháp đã kính trọng những người kháng chiến chống Phát-Xít Đức. Còn nói rằng có Cộng-sản trong hàng ngũ kháng-chiến, ông không phủ nhận điều đó, nhưng đó là chuyện nội-bộ, chuyện nhà của người Việt-Nam. Sao người Pháp dung-túng cho đảng Cộng-sản Pháp hoạt-động công-khai ở bên ấy ? Sao họ không tiêu diệt chúng nó ở nước họ trước khi họ lo lắng cho chúng tôi ».

Viên đại tá Pháp hết thế trả lời và cũng không trở lại nữa.



Một vị luật-sư khác thuật một chuyện khác.

Vùng ông ở bị ruộng bỏ. Đồng-bào bị ngồi phơi nắng nửa ngày trời. Ông phải ngồi như họ mà ông lại sỏi đầu nên càng thêm bức bối. Cuộc chọn lọc thi hành một cách chậm chạp. Tới phiên người ta coi tới giấy tờ của ông thì viên Chánh Mật Thám Pháp liền tới bắt tay ông mà nói một cách rất thân thiện : « Lúc này mà

« những nhà trí-thức như ông
« không ra phụng-sự đất nước
« của mấy ông thì uổng lắm ».

Ông đã bực sẵn trong lòng liền nói : « Tôi mà trí-thức nổi gì ?
« Nhưng cho rằng có chút đỉnh
« trí thức thì ngồi phơi nắng từ
« sáng tới giờ cái trí-thức nhỏ-
« nhoi đó cũng bốc hơi bay mất
« hết ».

Tôi đã gặp nhiều trí thức sau khi tản cư đã trở về Saigon làm ăn lại. Nhưng chánh sách của Pháp và khí hậu chánh trị ở Saigon lúc đó làm cho các ông chán nản mà bỏ đi kháng chiến nữa. Cả đến những ông cụ già như các Cụ Đốc-phủ Chương, Đốc-phủ Thiệt và Đốc-phủ Viễn cũng nôn nã ra đi vì kháng chiến

có một sức hấp dẫn khiến cho ai cũng cảm thấy lòng mình nặng nợ núi sông. Ra đi là để đáp lời sông núi mà ở lại cũng giữ vẹn một tấm lòng.



Người tiêu biểu nhất, có uy-tín nhất là cụ Lưu-văn-Lang.

Cụ là bạn thân của ông Préton. Trong mỗi bản tuyên ngôn đòi độc lập cho nước nhà luôn luôn cụ ký tên trước nhất. Cụ từ khước tất cả mọi địa vị cao sang người ta dâng cho cụ để mong lôi kéo cụ về phe đối lập của kháng-chiến. Tôi thỉnh-thoảng mới gần cụ nhưng vẫn noi gương cụ để tu thân xử thế trong những giờ phút quan trọng của lịch-sử nước nhà.

(Còn nữa)



★ XÂY TƯỢNG

Một hôm nhà Đại nhạc-sĩ Ý, Rossini, sống nghèo nàn ở ngoại thành phố Naples, nghe một nhóm người triệu phú ở Pháp phục thiên tài của ông, muốn dựng một pho tượng của ông ở Paris. Ông hỏi :

— Pho tượng tốn chừng bao nhiêu ?

— Thừa, tốn chừng 10 triệu.

— 10 triệu ! Thôi bây giờ tôi đề nghị với các ông thế này : các ông chỉ xây cái bệ chừng 1 triệu thôi, còn 9 triệu đưa cho tôi. Tôi xin sẵn lòng đứng trên cái bệ đó, thành pho tượng bằng xương bằng thịt, các ông khỏi xây tượng bằng đá nữa !

B. T.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

* NGUYỄN-THU-MINH

• Màu tím hoa sim

Nàng có ba người anh
Đi bộ đội
Những đứa em nàng
Có em chưa biết nói,
Khi tóc nàng xanh xanh.

Tôi, người chiến binh
Xa gia đình — Yêu nàng
Như tình yêu em gái,

Ngày hợp hôn,
Nàng không đòi may áo cưới
Tôi mặc đồ quân nhân.
Đôi giày đinh
Bết bùn đất hành quân.
Nàng cười xinh xinh
Bên anh chồng « độc đáo »
Tôi ở đơn vị về
Cưới nhau xong là đi.

Từ chiến khu xa
Nhớ về ái ngại
Lấy chồng đời chiến chinh,
Mấy người đi trở lại!
Lỡ khi mình không về
Thì thương người vợ chờ
Bé bỏng chiều quê...

Nhưng,
Không chết người trai khót
lửa
Mà chết người gái nhỏ hậu
phương!

Tôi về,
Không gặp nàng
Má tôi ngồi bên mộ con...
Đầy bóng tối,

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Chiếc bình hoa ngày cưới
Thành bình hương tàn lạnh vây
quanh!

Tóc nàng xanh xanh
Ngẩn chưa đầy búi
Em ơi!

Giây phút cuối
Không được nghe em nói
Không được trông thấy nhau
một lần!

Ngày xưa,
Nàng thích hoa sim tím
Nàng vá cho chồng,
Tắm áo —
ngày xưa!...

Một chiều rừng mưa
Ba người anh,
Ở chiến trường Đông-Bắc
Được tin em gái mất

Trước tin em lấy chồng!

Gió sớm thu về
Gờn gợn nước sông.
Đứa em nhỏ lớn lên
Ngỡ ngàng trông ảnh chụp
Khi gió sớm thu về
Cỏ vàng chân mộ chí!

Những chiều hành quán
Qua những đồi hoa sim...
Những đồi hoa sim...
Những đồi hoa sim...
Màu tím hoa sim
Tím cả chiều hoang biên biệt!

Nhìn áo rách vai
Tôi hát trong màu hoa :
« Áo anh đứt chỉ đường tà,
« Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa
khâu »!

— HỮU —

NÓI đến bài « Màu tím hoa sim » của Hữu trên đây, hẳn không còn xa lạ với chúng ta. Có thể nói, hầu hết những người yêu thơ, mến thơ đều biết đến. Nhất là sau vụ án « Nhân văn giai phẩm » ở miền Bắc, lại càng

được báo chí thủ-đô và đài phát thanh Saigon nhắc nhở nhiều. Đây là chưa kể tới một số đồng nam nữ thanh niên học sinh miền Trung thơ mộng đã từng học nằm lòng như thuở nào người ta say sưa thơ Xuân-Diệu,

T.T.KH. , Nguyễn Bính...

Thơ Hữu làm nhiều, song ít được người ta biết đến bằng bài này. Bởi lẽ dễ hiểu là khi sáng tác, Hữu đã sống và chân thành với tất cả lòng mình. Cảnh Hữu tả là một cảnh thật, đây đau thương sâu khổ của chính Hữu đã khéo gói ghém gửi cả vào bài «Màu tím hoa sim»!

Chuyện xảy ra trong thời chinh chiến, quê hương ngập tràn khói lửa dưới gót quân thù. Người trai Hữu vì bổn phận người dân lúc nước nhà nguy biến phải ra đi để giữ gìn xứ sở. Nay đây, mai đó, sống cuộc đời cơ cực, gian nguy, thì giữa lúc ấy chàng được gặp một người con gái rất ngây thơ, dịu hiền và lòng chàng xao-xuyến yêu thương. Tình yêu-thương của chàng không những là tình yêu trai gái mà còn là tình thương yêu của một người anh đối với em. Ta hãy nghe chàng kể :

Tôi, người chiến binh.

Xa gia đình — Yêu nàng

Như tình yêu em gái.

Lẽ dĩ nhiên là tình chàng cũng được đáp lại bằng tất cả

chân thành, say sưa của lòng nàng — người con gái mới lớn đáng yêu và khả ái kia — Thế rồi họ yêu nhau và lấy nhau!...

Có lẽ người con gái cũng đã biết trước hoàn cảnh của người chiến sĩ nên ngày cưới, nàng cũng không dám đòi hỏi, dù chỉ là chiếc áo cưới — một chiếc áo cưới màu xanh, màu hồng — thôi. Tội nghiệp và cao quý thay!

Đến ngày cưới của nàng và chàng trai Hữu cũng thật là đơn giản. Chàng vốn vẹn với một bộ quân phục lẫn đôi giày lấm bùn đất của những cuộc hành quân. Và, họ tưởng đâu buổi họp mặt để tận hưởng nguồn hạnh phúc sẽ được đôi ngày. Nhưng, không. Chàng chỉ được phép về làm lễ cưới xong là phải lên đường ra chiến tuyến ngay.

Tuy thế, nàng vẫn không lấy làm buồn khổ, nàng vẫn vui cười cho chàng ra đi được yên dạ, vì nàng tự nghĩ rằng hạnh phúc của nàng là ở chỗ đó.

Ngày hợp hôn,

Nàng không đòi may áo cưới.

Tôi mặc đồ quân nhân

Đôi giày đinh,

Bết bùn đất hành quân.

Nàng cười xinh xinh

Bên anh chồng « độc đáo »

Tôi ở đơn vị về

Cưới nhau xong là đi.

Nghĩa vợ chồng, tình yêu thương nào trong thời loạn ly mà không lâm éo le, trắc-trở, đau buồn. Người-đàn ông nào ra đi mà không mũi lòng, nhớ vợ thương người yêu, lo lắng... Hữu sợ rằng, nếu không may chàng sẽ chết bỏ thân ngoài mặt trận thì tội cho người con gái — người vợ — bé bỏng đáng thương kia chờ đợi biết bao.

Kể ra, Hữu lo sợ cũng phải, vì từ xưa nay, đã là kẻ chiến sĩ, mấy ai ra đi mà hẹn ngày trở lại? Nhưng, sự lo lắng của Hữu đã trái hẳn khi Hữu được phép về thăm nhà :

Nhưng,

*Không chết người trai khói lửa
Mà chết người gái nhỏ hậu-phương!*

Tôi về,

Không gặp nàng

Mà tôi ngồi bên mẹ con...

Đầy bóng tối,

Chiếc bình hoa ngày cưới

*Thành bình hương tàn lạnh vầy
quanh!*

Thật là đau lòng làm sao cho chàng trai Hữu! Người con gái — người vợ — tóc đang còn xanh kia, đã không còn nữa. Nàng đã chết, chết vào một mùa thu có nhiều gió thổi, có lá vàng rơi, có mưa và nước lớn, không một lời trời trần để lại cho Hữu.

Hữu khổ sở vô cùng. Vì còn đâu tìm thấy bóng người con gái yêu thích màu hoa sim tím ngày nào từng ngồi vá cho chàng tấm áo... rách vai!... Chỉ còn có bà mẹ già còm cõi, và nắm mộ nàng cỏ đã mọc lên xanh. Nhìn đến chiếc bình hoa kỷ-niệm ngày cưới cũng đã được đem ra thay cho bình hương để thờ nàng từ bao giờ!...

Mới hay, những cảnh tình trong thời loạn ly thật lắm đau buồn và đáng thương. Nàng có ba người anh đang ở ngoài chiến tuyến xa xôi, cách trở đến nỗi, chưa kịp được tin mừng em lấy chồng đã nghe tin em chết!

Mĩa mai và chua chát thay!

Đời người con gái khả ái nhỏ

bé đáng yêu, đáng quý, đáng mến kia, thời thế cũng xong. Mà chỉ buồn cho gia đình nàng còn mẹ già, em dại, ba anh và nhất là Hữu làm sao vui được.

Hình ảnh người vợ hiền bé bỏng yêu thích hoa sim tím vẫn luôn luôn hiện ra trước mắt Hữu, bàng bạc trong tâm hồn Hữu qua từng hơi thở, bước đi, trong những chiều hành quân băng ngang những đồi hoa sim menh mông, bát ngát cả một màu hoa sim tím dịu mát đầy nhớ nhung, thương tiếc — mà Hữu không làm sao dần lòng luyện nhớ người yêu ngày nào đã từng vá áo cho anh :

Nhìn áo rách vai

Tôi hát trong màu hoa :

« Áo anh đứt chỉ đường tà,

« Vợ anh chết sớm, mẹ già chưa khâu ! »

Bùi ngủi và cảm động cho mỗi tình chàng và nàng thật.

Với câu chuyện trên đây cũng đủ cho chúng ta thấy Hữu đã sống thật và rất chân thành với mình khi sáng tác. Hữu sống, cảm, nghĩ, mơ ước, nhớ nhung sao, Hữu viết thế ấy. Không những Hữu còn khéo

léo, giản dị cả trong lời thơ :

Gió sớm thu về

Gòn gợn nước sông.

Đứa em nhỏ lớn lên

Ngỡ ngàng trông anh chị !

Khi gió sớm thu về

Cỏ vàng chân mộ chí !

Lòng Hữu đau xót quá, đến nỗi Hữu không dám kể lại rõ ràng cho bạn bè biết cái chết đầy thương tâm của nàng — của vợ Hữu — Hữu chỉ mượn chữ « gòn gợn nước sông » để nói lên cái chết ấy mà thôi, cũng đủ cho chúng ta biết vợ Hữu đã chết không phải vì bom, đạn, mà là bị ngã xuống sông, không đủ sức chống chọi với con nước lớn.

Và sự thương yêu nhớ tưởng hình ảnh người vợ hiền luôn luôn trong tâm hồn Hữu cũng chỉ dám bộc lộ qua một màu tím nhưng nhớ, màu tím của hoa sim:

Những chiều hành quân

Qua những đồi hoa sim...

Những đồi hoa sim...

Những đồi hoa sim...

Màu tím hoa sim

Tím cả chiều hoang biển biệt !

Hữu kín đáo thế ấy, mà vẫn đủ cho chúng ta hiểu lòng Hữu, tâm trạng Hữu — tình chàng đối với nàng — khi đọc bài « Màu tím hoa sim ». Một tình thương yêu vô bờ, một nỗi lòng đau đớn xót xa của tình nghĩa vợ chồng, tình yêu trai gái, tình yêu anh em, gia đình, thể hiện hoàn toàn trong thơ Hữu, khiến người đọc có cảm tưởng như mình đang sống hay đang chứng kiến cảnh sống trên đây vậy.

Hữu mất đi một người vợ hiền, em thảo, và thân Hữu đang sống trong cảnh lao tù, xiềng xích của một chế độ độc tài miền Bắc, kiếm hăm bóp chặt cả tư tưởng Hữu. Nhưng, tôi tin chắc rằng Tình Thương Yêu của chàng và nàng — của Con Người — cùng tên tuổi Hữu vẫn luôn luôn được cảm mến và sống trong lòng mọi người ở nơi tự do này.

NGUYỄN-THU-MINH



★ XIN NGHỊ PHÉP

Một anh binh nhì muốn xin nghị phép để đi chơi với tình nhân, nhưng không biết kiểm lý do gì cho xác đáng, bèn đặt chuyện nói với sĩ quan chỉ-huy-trưởng :

— Thưa Thiếu tá, xin Thiếu tá cho tôi nghị phép một ngày để làm đám tang cho bà ngoại tôi.

Bà ngoại anh mất hả ? Được, tôi cho anh nghị phép một ngày và thành thật chia buồn... Ừ, mà tháng trước anh cũng đã xin phép một ngày để chôn bà ngoại anh, sao bây giờ lại... chôn bà ngoại nữa ?

— Dạ thưa Thiếu tá... Dạ thưa... Thiếu tá, tại vì... dạ tại vì... tháng trước bà ngoại tôi chết rồi sống lại..., nay bà lại chết nữa.

B. T.

các nhà Tỷ-phú

trên Thế-giới

(Tiếp theo P.T. số 39)

★ TRỌNG-TẤU

MAURICE BUNAU-VARILLA : «*Chiếc ghế bành của tôi đáng giá 3 ngai vàng*».

Maurice Baunau Varilla là một nhân vật kỳ-dị nhất của Pháp vào đầu thế-kỷ này. Ông ta làm chủ nhiệm tờ nhật báo «*Le Matin*» (Buổi Sáng) từ năm 1896 cho đến năm 1944. Ông già chải chuốt ấy, với đôi mắt tọc mạch và trào phúng, bộ ria bạc rủ xuống, rất ưa đóng khung trong chiếc áo bành tô vạt dài tới gối và chuyên môn chửi mũi bằng mùi-xoa giấy. Ông đã lìa trần vào năm 94 tuổi vừa đúng khi quân đội Đồng-minh sửa soạn kéo vào thành phố Ba-Lê. Thật là đúng lúc, và cũng may cho ông, vì nếu

ông không chết yên-ôn vào cái đêm tháng 8 năm 1944 ấy, thì, chỉ hai ngày sau ông sẽ bị làm thịt tại nhà riêng ở phố Président Wilson rồi.

Những người biết ông, những người đã từng sống ở khoảng giữa 2 trận thế giới đại-chiến, đã coi ông như một con cá mập. Người ta chỉ còn nhớ một cách rất mơ hồ cái vụ của ông tại Panama. Có một điều chắc-chắn, là trong trận giặc 1914-18, ông đã lợi dụng tờ báo của mình để rêu rao lên một thứ lòng ái-quốc, ái quốc nọc rắn. Mỗi công cuộc nào do ông đề xướng đều có duyên do và ít ra phải có lợi cho ông. Vào dịp nói trên, ông từng bị đả kích

kịch liệt, song chẳng ai đánh ngã nổi con người ghê-gớm ấy.

Trước năm 1940, em trai ông tên là Philippe, một Đại tá cảng cây, đã nghĩ ra được cách dùng chất «*cờ-lo*» để làm cho nước trở thành tinh-khiết và uống được. Ông tuyên bố rằng, vào khoảng năm 1917, trong trận Verdun, công cuộc thí nghiệm này đối với binh sĩ đã từng đem lại kết-quả mỹ-mãn. Cái tên Bunau-Varilla lại có dịp gây sóng gió trong làng báo về vụ «*khử độc nước uống*» này. Với một người em tương-dối có thể-lực, với một chiến-dịch báo chí đầy mưu lược, thì làm gì công cuộc khám phá hữu-ích này chẳng đưa ông đến chỗ trở thành nhà thầu cung cấp cho chánh phủ, và... bước tắt lên hàng Bắc Đầu Bội Tinh.

Maurice Bunau - Varilla cười mũi em ông. Ông cười mũi con ông, đùa con mà cho đến khi đã 50 tuổi đầu, khi ngồi ăn với cha mẹ vẫn chưa có quyền được ăn, được nói.

Ông cười mũi các chủ bút của báo ông, cười mũi các vị Bộ-Trưởng, Thủ tướng, Hàn Lâm Viện Y-Học v.v... Ông cười tắt cả mọi người, vì chỉ có ông là

Độc nhất. Ông có những tham-vọng không bờ bến và rất tự-tin ở quyền lực của mình. Chẳng thế mà ông đã từng tuyên-bố: «*Chiếc ghế bành của tôi đáng giá ba ngai vàng*». Điều ấy đã đúng một phần nào. Chính trong chiếc ghế bành chủ nhiệm, Maurice Bunau Varilla đã từng nhiều phen gây sóng gió trong hàng ngũ chính-trị thế-giới. Chúng ta sẽ có dịp nhận thấy bên dưới. Riêng trong phạm-vi quốc gia, Varilla, tới năm 1936, dù chẳng có chân trong Quốc-hội Pháp, dù chưa có tước-vị gì trong hàng Bắc Đầu Bội-Tinh, cũng đã từng gián tiếp thành-lập hoặc lật đổ, hết nội-các này đến nội các khác. Ông đã xen vào địa-hạt chính-trị của nước ông một cách có hiệu lực. Khí giới độc nhất của ông chính là tờ báo «*Buổi Sáng*». Con người giàu thiên kim vạn tài ấy, đã làm tỷ-phú trong cái thời mà tiền «*triệu*» là những món tiền vĩ-đại. Nhưng, diễm chính trong công cuộc hoạt-động của ông không phải là tiền, nó là những sự kinh hoàng mà ông đã gây nên cho các giới. Trong đời ông, có một vài sự việc kinh-khủng đáng kể lại.

Trong cuốn «*từ Lạ đến bất*

non xoay tiền" (du bluff an chantage), một trong những cộng-tác viên của ông tên là F.I. Mouthon đã kể lại nhiều sự việc nầy lừa. Cuốn sách nói trên không còn tìm thấy đâu nữa, vì, ngay sau khi được phát hành, Bunau-Varilla đã cho người đi thu góp lại không còn một cuốn. Cho đến cả sách lưu trữ tại thư viện cũng bị lấy mất. F.I. Mouthon đã kể như sau :

« Maurice Bunau-Varilla cùng em là Philippe đều có chân trong Hội-đồng Quản-trị Công-ty Hỏa xa tại Congo. Ông ta có tham-vọng vô biên trong cuộc chạy đua đi xâm-lăng chúng khoán. Nhưng Leopold II, vua nước Bỉ đã làm trở ngại công cuộc này của Varilla bằng cách đích thân nhúng tay vào tổ-chức đề ngăn trở các cuộc đầu cơ về cổ-phần. Ông chủ báo « Buỗi-Sáng » không bằng lòng. Ông ta bèn gọi F.I. Mouthon đến bàn giấy vào hôm mồng 4 tháng 3 năm 1904, bằng một giọng nghiêm chỉnh, ông bảo ký-giả này rằng :

— Vua Bỉ đã tự-tử. Ông ta tự tử trong tinh thần rồi. Là người được Thượng-đế giao cho cái sứ mạng thiêng-liêng để chấn dất con dân, Vua Bỉ đã tỏ ra

không xứng đáng. Vị Hoàng-đế này đã bỏ bê vợ con để đi sống trác táng với hạng gái đi. Thay vì được nối ngôi để bảo tồn hiến pháp, để giữ nước, thì ông lại đi buôn lậu cao xu, ngà voi và thịt người. Lương tâm toàn thề Âu-châu không thể để cho tên hôn-quân ấy níu mãi lấy ngai vàng mà dờ dẫm bi ối. Tờ « Buỗi Sáng » của chúng ta, luôn luôn tranh-đấu cho những lý-tưởng cao cả, thấy có bốn phận phải tiêu-diệt ông vua này. Ngày mai, ông tới Bruxelles (Thủ-đô Bỉ), và ông sẽ tiếp xúc với một viên sĩ quan của tôi là M. Wauters. Ông ta là Tổng Thư ký Công ty Hỏa xa Congo. Ông này sẽ giới thiệu ông với những người có thẩm quyền và có uy tín. Sau khi họ đã kể cho ông nghe rõ sự thật, ông sẽ viết bài tố giác một cách không tiếc thương tất cả những điều ô-nhục của tên cướp ngày (Leopold II) ấy. Nước Bỉ chỉ còn chờ dấu báo hiệu là nổi loạn ngay tức thì. Trong 15 ngày nữa, tôi đoán chắc với ông rằng Leopold II không còn là vua nước Bỉ nữa.

Vì quá mới trong nghề, và hoàn toàn không hay biết gì đã tâm cùng ần ý của ông chủ nhiệm,

F.I. Mouthon theo lời Varilla khởi hành ngay. Không những Mouthon không phản đối mà ông lại còn hãnh diện mà nghĩ rằng mình đã làm được một việc cao cả khi vạch ra những « bùn nhơ trong cung cấm ». Ngay khi Mouthon chưa tới Bỉ, với dòng chữ « do bồn báo đặc phái viên gửi về », tờ « Buỗi Sáng » đã đưa ra một bài đầu tiên dưới nhan đề : « Một Triều-Đại đã hết ». Đó là một bài rất hỗn được kết thúc một cách đại ngôn như sau : « Giờ đây là giờ của công-lý. Đối với một hôn quân không xứng đáng, một người cha hư đốn, thì tiếng chuông báo hết của triều đại đã đổ rồi. Nước Bỉ không có vua nữa ! »

Nhưng sau này, khi vua Bỉ tỏ ra nhượng bộ, thì Varilla lại bắt đầu ra lệnh cho viết những bài dịu lần đi. Ông kêu Mouthon và bảo :

— Ảnh-hưởng thiên điều tra của ông thật là vô cùng hữu hiệu. Nước Bỉ đau khổ, đang sắp nổi loạn rồi. Nhưng, khi nghĩ đến cái trách nhiệm vô cùng quan-trọng của tôi trong vụ này, bốn phận tôi là phải làm sao cho dân nước ấy tránh khỏi được cảnh cốt nhục tương tàn ; do đó, theo tôi thì nên cho phép Leopold II có đủ

thì giờ để tự thoái vị là hơn.

Thế rồi, qua những số báo 19, 21, 26, và 29 tháng Ba năm ấy, tờ « Buỗi Sáng » đăng một loạt bài dưới đầu đề : « Ký-ức chính xác nhất của Leopold II, vua nước Bỉ ». Không còn những giọng đã kích thô lỗ nữa, mà chỉ còn là một vài cuộc tấn công rất nhẹ, đề rồi, theo chỉ thị của Varilla, được hạ màn luôn.



Chủ-nhiệm báo « Buỗi Sáng » đã hài lòng và ông tha hồ tung-hoành trong cuộc đầu cơ tăng giá và hạ giá những cổ phần Công-Ty Hỏa Xa Congo.

Bunau-Varilla có một phương-pháp khác nữa để gây ảnh-hưởng: Cứ mỗi lần ở Pháp có nhân vật nào trở thành quan-trọng thì lập tức, ông gửi giấy mời dùng cơm tại biệt-thự riêng ở đường Président-Wilson hoặc tại tòa lâu đài d'Orsay của ông. Các nghệ-sĩ, các văn-gia, các vị đại sứ, các nghệ-sĩ v.v..., ít ai dám từ khước lời mời của ông vì nếu bị phạt lòng, chủ báo « Buỗi Sáng » sẽ tặng ngay vài bài trên cột báo thì kẻ ấy kẻ như bị « tàn » ngay. Dù sao cũng đã

có 2 kẻ dám làm trái ý ông ; đó là Léon Blum (Thủ-Tướng chánh phủ, Chủ tịch Đảng Xã hội Pháp) và L.F. Céline. Năm 1900, Léon Blum đã bị tờ "Buổi Sáng" đã kích tơi bời.

Những bữa tiệc tại nhà Bunau-Varilla có một điểm rất đặc biệt. Thay vì món súp đi đầu như thông lệ của các bữa cơm Tây, ông lại cho khách ăn món ấy sau cùng. Ông bắt khách phải ăn món thịt trước, vì ông cho rằng dạ dày cần phải được đầy đủ trước đã, còn món canh, có hay không, không cần thiết lắm. Nếu quý khách nào tỏ ý khó chịu về kiểu ăn trái ngược này, thì lần sau chẳng bao giờ Varilla thêm mời nữa.

Người ta sẽ thấy ngay cái tính chuyên chế và khôi hài của con người độc đoán ấy khi nghe Georges Bichat kể lại 2 câu chuyện sau đây :

« Trước trận giặc 1914, Bichat là Bí-Thư của Bunau-Varilla ; có một đêm, vào lối 2 giờ khuya, ông được lệnh phải kêu điện-thoại mời tất cả vị có chân trong Hàn Lâm Viện Y-Học đến dự một buổi hội-hop quan-trọng vào sáng sớm hôm sau tại nhà hàng riêng Trocadéro để được nghe

báo cáo một tin vô cùng quan-trọng. Đúng 7 giờ sáng, dưới sự hướng dẫn của giáo sư D'Arsonval, toàn thể các nhà y-khoa tụ phách đều tề tựu trong phòng khách. 7 giờ 30, Maurice Bunau-Varilla bước vào, và, giữa một đám tân khách đang chăm chú, ông tuyên-bố :

— Thưa quý vị, đêm vừa qua tôi đã khám phá được ra một việc mới lạ làm chấn động giới y-học : tôi có thể làm tiêu diệt hẳn được bệnh đau ruột !

Các nhà bác-sĩ sững sốt. Ông nói tiếp :

— Tờ tiên ta xưa kia có đau ruột không ? Nhất định không ! Tại sao vậy ? Bởi vì các cụ ta xưa kia đi ngoài, thường ngồi xổm. Nhờ vậy, ruột bị ép lại và không thể nào mắc bệnh đau ruột được cả. Bây giờ, ta nên ngồi theo kiểu cũ — Cần phải cấm những loại cầu tiêu kiểu mới...

Các vị bác sĩ đồng thanh hoan nghênh nhiệt liệt đề-hướng ứng sáng kiến trên.

Câu chuyện này, tuy Bichat không nói rõ mục đích vụ lợi của Varilla nhưng, ít ra, ta cũng đoán được rằng đây là một "áp-phe"

về dụng cụ vệ-sinh của ông chủ báo "Buổi-Sáng".

Một đêm khác, Bichat lại nghe Varilla kêu điện thoại :

— Ông hãy bắt liên lạc ngay với Nha Tổng Giám-Đốc Công-An đề yêu cầu họ ra lệnh bắt-cô M. nếu họ gặp bất cứ ở đâu.

Cô M. là nhân tình của Bunau-Varilla. Cô ta vừa mới có ý định thay đổi người yêu. Những chỉ-thị hình như đã được gửi đến cho sở cảnh sát đặc-biệt về biên giới.

Tất cả những câu chuyện trên chứng tỏ quyền lực vô biên của ông chủ báo "Buổi-Sáng".

Thủ-tướng Pháp Emile Loubet (1899-1906) cũng đã nhận được của Varilla chiếc "mề-day" đồng hồ chính ông ta tạo ra, kèm theo một lá thư có đoạn như sau :

«Tôi vừa nhận thấy ông là một người xứng đáng. Đồng bào đã bầu ông theo đúng sự lựa

chọn của tôi Bởi vậy, muốn chứng tỏ sự xứng đáng nói trên của Ông đối với tôi, hôm nay tôi ban cho ông tẩm huy chương danh dự của báo "Buổi Sáng",

Trong cuộc đời làm báo của mình, Bunau-Varilla đã thu dụng những cây viết cừ khôi nhất của Ba-Lê như : Henry de Jouvenel, Colette, Thủy Sư Đề-đốc Docteur, Clément Vautel, Jacques Roujon, Philippe Barrès, Đại-tá Fabry, Germaine Beaumont, Serge Veber, Stéphane Lauzanne, v.v.. Ông đã làm cho cả ngàn người được huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh. Maurice-Varilla là người xứng đáng hơn hết trong cái chức "Quyền-lực thứ tư" mà các nước Âu Mỹ gán cho các cho các nhà Báo.

Xin coi tiếp : Ông Vua ngọc

trái.

TRỌNG TẤU



★ NHẤT NGHỆ TINH, NHẤT THÂN VINH

Ông Thanh-tra học chánh đến viếng một lớp học đệ thất của một trường tiểu học ở ngoại-ô châu thành. Ông hỏi một cậu học trò coi bộ nghèo nàn, nhưng thông minh :

— Ba em làm nghề gì ?

— Dạ thưa ông, Ba em đạp xe cyclo.

— Lớn lên, em định làm nghề gì ?

— Dạ thưa ông, Ba em bảo em lớn lên sẽ làm nghề in giấy bạc giả.

B. T.

TRỜI KHÉO XUI!

PHƯƠNG thấy trong người mệt mỏi. Vì suốt ngày hôm nay, chàng phải ngồi rờn rã trong toa xe lửa. Lòng chàng thường lâng lâng một nỗi buồn nhớ quê hương và người mẹ góa.

Còi xe lửa lại rít lên, báo hiệu gần đến ga. Nhắc đồng hồ xem, chàng thấy đã 5 giờ rưỡi chiều.

Xe từ từ dừng lại, chàng ưỡn đi bước ra, lúc này mặt trời đã nằm ngay đỉnh đồi. Gặp một bác nông phu, chàng vội vã hỏi lối vào trường tiểu học D.X.

★

Nhà ông huyện Tân là một ngôi nhà ngói rộng thênh thang, gia đình bác gồm có 2 vợ chồng và ba người con gái. Trong lúc

đi tìm nhà, Phương được lối xóm chỉ vào đây.

Đề va ly trước cửa, chàng lễ gót vào nhà. Một người đàn ông vào trạc tứ tuần, thấy Phương, liền chào :

— Chào anh.

— Dạ, chào bác.

Thấy chủ hơi ngạc nhiên, nên chàng tiếp :

— Cháu từ Quảng - trị, được lệnh bỏ vào dạy trường tiểu học ở đây. Chẳng may lúc này trời đã tối, nên cháu vào nhờ bác cho cháu trọ lại một hôm, đợi sáng ngày cháu đến trường cho tiện.

— Trọ thì cũng được, nhưng nhà tôi toàn là con gái rất bất tiện.

— Dạ, điều đó không can chi, con xin bác cho con nghỉ tạm nội đêm nay.

★

Muốn cho chủ nhà tin mình, Phương đưa ra thẻ kiểm tra và công văn của cấp trên, rồi chàng đến dạy học tại địa phương này. Bác Tân xem xong, nhận lời cho Phương ở nghỉ tạm đêm nay. Bác tò mò hỏi :

— Anh ở Quảng-trị, nơi làng nào ?

★ GIANG - TRANG

TRỜI KHÉO XUI

— Dạ thưa bác, cháu ở làng Trúc-sĩ.

— Chờ anh có biết bà Ninh không ?

— Dạ, thưa có.

Bác Tân tủm tỉm cười, nói khẽ với Phương :

— Trước đây, hồi còn trai, tôi có làm Tri-huyện ở Quảng-trị, tôi và bà Ninh quen biết nhau được ba tháng. Rồi được lệnh dời yào Quảng - Nam, trong lúc bà ta có thai. Vì đường sá cách trở nên tôi không có dịp ra lại, chắc bà đã có chồng khác rồi nhỉ ?

Trong khi nghe bác Tân kể, Phương tưởng đầu mình ở trong giấc chiêm bao. Chính bà Ninh là mẹ của mình ! Hồi còn nhỏ, Phương thường hỏi đến cha chàng. Mẹ chàng thường tỏ nỗi căm hờn bảo con : « Thôi, nhắc chi đến cha con ; người đã phụ bạc!.. »

Rồi bà khóc nức nở.

Vì tình cảm quá xúc động, Phương vùng dậy, chạy đến ôm choàng lấy bác Tân mà khóc, khiến cả nhà ngơ ngẩn không biết gì...



★ ĐEM TRẺ CON ĐI COI XINÊ

Ông Tư và Bà Tư dẫn một đứa con mới 4 tuổi đi coi xinê. Người bán vé lễ phép bảo :

— Tôi xin thưa trước để ông bà biết rằng. Nếu ở trong phòng mà em nhỏ này khóc hay làm ồn-sòm, thì buộc lòng chúng tôi phải trả tiền vé lại ông bà và mời ông bà đưa em ra ngay.

Hai vợ chồng vào xem được nửa cuộn phim, xong bà Tư khẽ hỏi chồng :

— Mình thấy chuyện phim có hay không ?

— Dở lắm. Chán lắm.

— Thì mình véa con cho nó khóc lên.

B. T.



Chương II

(Tiếp theo P.T. số 39)

NÓI đến đời sống vật chất của các nhà văn, thì sau cùng phải nói đến các nhà xuất bản.

Hà-nội lúc bấy giờ có chừng năm ba nhà xuất-bản lớn: TÂN DÂN ở phố hàng Bông, MINH PHƯỢNG ngõ hàng Dẫy, NAM KÝ bờ Hồ, CỘNG-LỰC phố hàng Cót, LÊ - CUÔNG phố chợ Hôm, TRUNG BẮC phố

★ NGUYỄN-VỸ

Henri d'Orléans.

Phần nhiều các nhà xuất-bản đều có nhà in, và thường thường có cả một cơ quan văn-ngệ, như nhà TRUNG BẮC có tờ *Trung Bắc chủ nhật*, nhà TÂN DÂN có tờ *Tiểu thuyết thứ Bảy*, nhà LÊ CUÔNG có *Tiểu thuyết thứ năm*, NAM KÝ có tờ *Khuyến học*. Vài nhà xuất bản không có

VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN

nhà in như MINH PHƯỢNG, hoặc có nhà in mà không có báo như CỘNG LỰC.

Nhưng tất cả họ đều là những người cung cấp tiền bạc cho nhà văn mà họ tìm cách săn sóc, o-bế một phần nào. Sự săn sóc ấy không phải vì phục tài của văn sĩ, hay vì muốn đảm bảo đời sống của nhà văn là con tằm nhả tơ để cho họ bán tơ làm giàu. Phần nhiều họ sẵn lòng vuốt ve nhà văn chỉ vì mục đích phục vụ quyền lợi riêng của họ mà thôi. Ấy là những tác giả đã có tên tuổi — phần nhiều là tiểu thuyết gia — mà họ xuất bản các quyền truyện và họ muốn giữ riêng cho phần họ, không muốn để lọt qua các nhà xuất bản khác.

Lúc đầu, một vài quyền tiểu-thuyết của LƯU TRỌNG LƯ bán chạy, hai vợ chồng chủ nhà xuất bản của anh thường đến thăm anh nơi anh trú ngụ, tại một cảnh chùa ở trại hàng Hoa, và lần nào đến cũng đem biếu anh những hộp *conserves* trái cây, hoặc sữa, chocolat. Nhưng một thời gian sau, số sách của họ Lưu bán hơi chậm lại, thì không những vợ chồng nhà xuất bản không còn đến thăm lom và biếu

quà bánh nữa, mà đến số tiền của Lưu-trọng-Lưu hỏi mượn trước năm ba chục cũng bị từ chối bằng một cái nẩy hay cái khác. Tôi còn nhớ anh LAN KHAI, là người cung cấp thường xuyên các tiểu thuyết đường rừng cho một nhà xuất-bản cự phú ở phố Hàng Bông, đã ngồi khóc vì vợ đau nặng ở Tuyên-Quang sắp chết mà nhà xuất bản không muốn cho anh mượn số tiền năm sáu chục đồng để về chạy thuốc than cho vợ. Sau anh nản nị quá, nhà xuất bản mới đưa anh một món tiền nhỏ,

Cảnh nhà văn “chạy tiền” nơi các nhà xuất bản, đã thành ra một thông lệ. Nhà văn thường thường bị túng thiếu và bị nhiều món nợ, nhất là tiền nhà và tiền cơm, mà hầu hết các nhà xuất bản thì lại hay “bắt bớ” những văn sĩ cần tiền. Cũng có khi chính nhà xuất bản không sẵn tiền và mắc nợ lại tiền bản quyền của nhà văn, và trong trường hợp đó nhà văn luôn luôn chịu thiệt thòi.

Có lần, một nhà xuất bản thiếu tiền VŨ TRỌNG PHỤNG, và anh đến năm lần bảy lượt vẫn không lấy được tiền. Ông chủ nhà xuất bản cứ “đi vắng”, chỉ có bà ở nhà. Lần sau cùng, Phụng

đến, bà lại khát :

— Nhà-tôi vừa đi vắng, mời bác ngày mai trở lại vậy.

Tác giả " *Số Đò* " tức mình, lấy giấy viết mấy câu sau đây để lại nhà xuất bản :

« Hôm nay tôi đến, vợ anh lại cho tôi đi chơi. Phiền quá. »

Câu « *Vợ anh cho tôi đi chơi* », là Vũ-trọng Phụng viết đúng theo văn Pháp : « *Votre femme m'en-voie promener* » (vợ anh đuổi tôi đi.) Nhưng tác giả quyền « *Lục xĩ* » lại còn muốn đề cho hiểu nghĩa tế nhị và ranh mãnh của tiếng Việt theo giọng trào lộng đặc biệt của anh, là : « *Vợ anh cho tôi chơi* ».

Phụng kể giai thoại lại cho anh em làng văn nghe, ai nấy đều ôm bụng cười.

Một vài ông chủ nhà xuất bản có học thức, và thành thực yêu chuộng văn chương, như VŨ-ĐÌNH LONG, chủ nhiệm « *Tiểu thuyết thứ Bảy* » và tác giả một quyển kịch có giá trị, « *Chén thuốc độc* », như MINH PHƯỢNG, một người rất yêu văn nghệ và biết quý trọng nhà văn và biết thưởng thức văn chương, như NGUYỄN-DOÃN-VUÔNG, chủ nhà xuất bản *Trung Bắc*, một nghệ sĩ trẻ tuổi rất hăng hái hoạt

động. Trái lại, có những người làm nghề xuất bản sách chỉ vì lợi, hoàn toàn là một nghề buôn văn bán chữ, không có chút ý thức văn nghệ nào cả. Ông chủ một tiệm sách lớn nhất ở phố Bờ Hồ, vừa làm chủ-bảo và chủ nhà xuất-bản, là một người dốt đặc, không có chút học thức, chữ Pháp không biết, chữ Việt không thông, viết một câu văn thường cũng không trôi chảy. Nhờ có vốn liếng, mở hiệu sách ngay một nơi trung-tâm đô thị, trên một đường phố lớn nhất và đông người qua lại nhất ở Hà nội, — cũng như đường Bonard ở Saigon, — ông ta lần hồi trở nên một nhà đại-tư-bản. Trong thời gian năm bảy năm ông mở thêm ngành xuất bản, thuê một vài người đọc các bản thảo của các nhà văn và ông trả tiền bản quyền, mặc cả từng đồng xu. Hình như ông gặp thời vận tốt, công việc buôn bán văn-chương cứ mỗi ngày mỗi phát đạt. Bành trướng mãi ra. Sau cùng, ông mở một tờ báo văn nghệ, lấy tên là « *Khuyến học* ». Đó là một điểm rất đáng khen và làm vinh dự cho ông : một người không có một tý học thức nào cả bỗng dựng làm chủ nhiệm một tờ báo « khuyến học ». Rất tiếc là ông

chỉ mang danh làm chủ-nhiệm, còn Bộ biên tập thì ông giao phó hoàn toàn cho một vài người nào đó, mà lại là mấy người cũng ít học, làm công cho ông với một số tiền lương rẻ mạt. Cho nên báo « *Khuyến học* » chỉ đăng những bài không có giá trị, viết bừa bãi và không bán được. Các nhà văn có tên tuổi thời bấy giờ, ít có ai hợp tác với ông, mặc dầu ông và vợ ông rất là nhã nhặn, lịch thiệp, niềm nở đón tiếp các văn nhân, nhưng mỗi khi bàn luận về vấn đề bản quyền tác giả, thì ông lại mặc cả văn chương y như hàng tôm hàng cá ngoài chợ. Lối buôn bán như thế không thích hợp với nhà văn, và còn chậm lòng tự ái của họ. Nhất là bà vợ của ông, văn chương chữ nghĩa không biết tý gì, nhưng rất nhanh mồm nhanh miệng, hoạt bát và lễ phép, xưng hô với các nhà văn thì luôn luôn trịnh trọng : « *Thưa Ngài* » mà tiền bạc thì chắc bóp từng xu, từng chĩnh. Tôi còn nhớ một buổi sáng ngày Ba - mươi Tết, vào khoảng 8 giờ, VŨ-TRỌNG PHỤNG mang đến một xấp bản thảo muốn bán lấy tiền ngay. Ông rất niềm nở đón chào anh, rồi bảo :

« Dạ thưa ngài, sách của ngài thì chắc là có giá trị lắm rồi. Chúng tôi khỏi cần phải xem trước. Nhưng vì sáng nay tiền chúng tôi bị kẹt, vậy xin mời Ngài 1 giờ trưa quá bộ đến ». Vũ-trọng-Phụng mừng lắm, nhưng ngạc nhiên hỏi :

— Hôm nay 30 Tết, ông còn mở cửa tiệm đến 1 giờ trưa à ?



— Dạ, còn ạ. Xin phiền Ngài 1 giờ trưa dời gót ngọc đến, chúng tôi xin đón tiếp.

Ông chủ nhà xuất-bản ở Bờ Hồ tuy không có học, nhưng lại ưa có giọng nói trịnh trọng và văn hoa theo lối trường giả như thế. Nhưng 1 giờ kém 15 phút, Phụng đến thì thấy cửa nhà xuất bản đã đóng khin khít. Phụng gõ cửa ba bốn

lần không ai mở. Sau cùng anh ta đập mạnh thì có bà vú già mở hé một cánh. Phụng hỏi :

— Có ông bà ở nhà không ?

— Thưa ông, hai ông bà về quê ăn Tết ạ.

— Họ đi lúc nào ?

— Đi lúc 10 giờ.

Vũ - trọng - Phụng quay về, miệng lầm bầm :

— Đồ đều ! Thế mà nó giữ luôn quyền bản thảo của mình !

Hai vợ chồng nhà xuất bản cho Vũ-trọng-Phụng « leo cây » một cách độc địa, vì 1 giờ trưa ngày 30 Tết anh còn biết « chạy tiền » vào đâu được nữa ?

Anh gặp tôi đi lang thang bờ Hồ. Tôi bảo :

— Hay là anh đến Minh-Phượng ? Hôm qua anh ấy có đưa tôi 10 đồng, và bảo với tôi Tết này anh ấy ở Hà-nội, không đi đâu.

Phụng rủ tôi cuộc bộ với anh cho vui lên đến hàng Đầy. Hai bên đường phố, hàng Gai, hàng Bông, đã vắng người. Đến gần nhà Minh Phượng, tôi từ già Phụng, nhưng anh bảo cùng vào với anh. Hai đứa vào nhà thấy anh Minh Phượng đang ngắm-

nghĩa cảnh đào to tướng vừa mua ở chợ Đồng-Xuân về, cắm vào ché cổ đặt trên bàn thờ. Anh vui vẻ chào hỏi chúng tôi và mời chúng tôi ngồi phòng khách. Phụng nói ngay mục đích đến thăm. Minh Phượng cười :

— Hôm nay bố đến bố tiền con, con lấy đâu ra tiền, hả bố ?

Phụng với nét mặt rất điềm đạm, bảo :

— Tôi chỉ cần 20 đồng bạc đủ sắm chút ít đồ ăn Tết.

— Đến 2 đồng, hôm nay tôi cũng xin chịu.

— Tết xong, tôi trao anh một quyền bản thảo ngay, tôi chỉ mượn tiền trước chút ít thôi.

— Vâng, xin anh cho ra ngoài ngày. Hôm nay quả thật trong nhà sạch cả tiền.

Phụng không hỏi nữa, tức giận đứng dậy ra về. Ra đường, tôi móc túi lấy ra 10 đồng của tôi, chia cho Phụng một nửa.

Nhưng 5 giờ chiều hôm ấy, Minh Phượng thân hành mang đến biếu Vũ-trọng-Phụng hai ổ bánh chưng, một hộp mứt, một cân hạt dưa và một hộp trà.

Vũ - trọng - Phụng cảm động nhận quà biếu tất niên của nhà xuất bản.

(Kỳ sau hết chương II)

Minh oan

HÔNG - BẢO

và

ĐOÀN-TRUNG

* NGUYỄN QUANG

S AU khi đọc rất kỹ, hai bài báo của ông Bửu Kế đăng trong *Bách Khoa* số 84 và 85, tôi rất tiếc ông vẫn chưa hiểu tôi muốn nói gì qua 2 bài báo tôi đã đăng trong tạp chí *Phổ-Thông* số 31 và 32. Không phải như ông Đỗ Tấn ở nhật báo *Ngân Luận* ngày 15-7-60 chỉ trích ông Bửu Kế để tựa cuốn « *Thi nhân Huế* » mà không đọc sách trước khi cầm bút, còn tôi muốn đem ra ánh sáng « một trang sử đen tối nhất » của triều đại nhà Nguyễn mà ông

Bửu Kế lại lấy óc phán-đoán chủ-quan mà đề-cập đến vấn đề ấy.

Ông Bửu Kế đã viết trong *Bách khoa* : « ... Tôi được cái may mắn làm việc ở Thư Viện, hơn mười mấy năm gần gũi sách sử... » nên tôi tin ông thông thạo Sử sách hơn ai cả, nhưng, sau khi đọc xong hai bài của ông, tôi lại còn ngờ vực thêm rằng, ông Bửu Kế không được bình tĩnh khi cầm bút trả lời, để còn có những điểm dị đồng buộc tôi phải nói rõ lại.

« Mười mấy năm làm việc ở Thư viện gần gũi sách sử », lẽ tự nhiên, ông phải nhìn nhận trong đời vua Tự Đức trở về sau có nhiều biến cố quan trọng.



Nhút giang lưỡng quốc ngôn nan «thuyết»

Tứ nguyệt tam vương triều bất «tường»

Ông Bửu Kế viết : « ... Sau khi mất ngôi báu, Hồng Bảo đã phải hứng bằng cách quan thông với người Tây Phương, định lật đổ vua Tự Đức. Việc phát giác, An Phong bị bắt hạ ngục, rồi tự ai chết trong ngục... »

Hồng-Bảo là Hoàng-trưởng tử, đáng lý ra phải được làm vua. Nhưng, mặc dầu bị loại, ông vẫn giao thiệp với các cường quốc, là lẽ dĩ nhiên, theo chủ trương của ông là mở rộng cuộc bang giao với Tây phương, gây uy - tín với quốc tế, không khác nào Minh-Trị Thiên Hoàng của Nhật-bổn vậy.

Không nên vội vàng lên án Hồng-Bảo thân ngoại quốc, vì trong thời buổi ấy, kể ra Hồng-Bảo là người hiếm có, thức

thời hơn Hồng Nhậm (Tự Đức). Lịch-sử Nhật-bổn có kết án Minh Trị Thiên Hoàng chẳng ?

Ông Bửu Kế cho Hồng-Bảo giao thiệp với người Tây-phương, để giành lại ngôi của em, nhưng nếu vua Tự Đức là một bậc minh quân biết sáng suốt theo kịp trào lưu tiến hóa, để làm cho quốc gia được phú cường thì chắc là Hồng-Bảo không còn giao thiệp với ngoại quốc làm gì nữa. Dù có giao thiệp cũng không ích gì nữa.

Đằng này, vua Tự Đức rất lạc hậu — bẽ môn tóa căng, cấm đạo và giết giáo dân (người VN) — để cho ngoại bang có cớ đem quân đến xâm chiếm lãnh thổ, rồi phải sai sứ qua Pháp chuộc lại mấy tỉnh đã mất, kết cuộc phải chịu ký hòa ước, chịu Pháp bảo hộ !

Nếu lên án Hồng Bảo, theo kiểu ông Bửu Kế, thì những người có óc tiến bộ về thời đó không thừa nhận chế độ lạc hậu và chánh sách bẽ môn tóa căng của Tự Đức, mà chủ trương duy tân cải cách, bắt chước cái hay của các nước văn minh Tây phương, đều là

những người có tội cả chẳng ??

— Tấn Văn Công của nước Tấn đời Xuân Thu, con Tấn Hiến Công, em Thái Tử Thân Sinh. Tấn Hiến Công mê nàng

Ly Cơ mà nàng Ly Cơ muốn lập con trai nàng là Hề-Tề lên làm Thái-tử. Vì thế, Ly-Cơ mới dèm pha Thân-Sinh và Trùng-Nhi (tức là Tấn văn Công sau



Vua TỰ ĐỨC

này) với Tấn Hiến Công.

Do đó, Hiến Công giết Thái tử Thân-Sinh, Trùng Nhĩ thấy vậy, sợ va lây tới mình, nên buộc lòng phải lưu vong 19 năm trời mới có cơ hội, để trở về làm vua.

Sử Tàu vẫn cho Tấn Văn Công là chính thống, mà chê Tấn Hiến Công đã nghe theo một người đàn bà mà bỏ trường lập ấu, để gây nên cảnh nội da xáo thịt và cảnh loạn lạc cho nước nhà.

Trường hợp của Hồng-Bảo cũng gần như trường hợp của Tấn Văn Công. Còn vua Thiệu Trị, một ông vua rất tầm thường của nhà Nguyễn, cũng không khác gì Tấn Hiến Công. Có lẽ mẹ của Tự-Đức được sủng ái hơn mẹ Hồng-Bảo ?!!

Nói lại, khi một vị có đức vọng, có chí lớn đã không thừa nhận một chế-độ quân chủ chuyên chế, thì lẽ tất nhiên phải lưu vong, mà đã lưu vong, thời phải cần có sự ủng hộ của ngoại quốc.

Các nhà cách-mạng Đông-Tây đều phải làm như thế cả, lo là Hồng-Bảo ?

Ông Bửu-Kế gán cho Hồng-Bảo quan thông với người Tây

Phương là có thành kiến sai lầm quá.

Ông Bửu-Kế trích một đoạn trong «Quốc triều toát yếu» (Phải nói «Quốc triều chánh biên toát yếu» mới đúng) để làm minh chứng cho lập luận của ông, lại càng, xin lỗi ông, không đúng nữa !

Bởi lý - do rằng «Quốc Triều chánh biên toát yếu» là một bộ Sử được biên soạn do các sử thần ăn lộc của nhà Nguyễn, thì lẽ tự nhiên, đều phải nói tốt cho vua Tự Đức mà nói xấu Hồng-Bảo. Cũng như Sử của nhà Nguyễn nói xấu nhà Tây Sơn vậy ! Cái điểm chủ quan của ông Bửu Kế là ở chỗ đó.

Tôi ngạc nhiên thấy ông Bửu Kế nhầm lẫn như một số người khác xưa nay, lấy việc thành bại để luận anh hùng !

Hồng Nhậm (Tự Đức) là người thành công trong việc lên ngôi, nhưng trong cái thành công ấy còn có nhiều điều đáng nói và phải nói. Còn Hồng Bảo là người thất bại, trong cái thất bại ấy, Hồng Bảo còn có nhiều điều mà chúng ta cần phải mổ xẻ.

Nói một cách khác, theo kiểu ông Bửu Kế, khi Hồng Bảo và Đoàn Trưng thất bại đều là những người «phản nghịch» chăng ?? Ông định áp dụng triệt để câu «Được làm vua thua làm giặc» phải không ?

Theo «Việt nam sử lược», Trần trọng Kim, viết «... Vua Dục Tông không có con, nuôi 3 người cháu làm con nuôi : Con trưởng là Dục-Đức phong Thụy Quốc Công. Con thứ hai là ông Chánh Mông phong Kiên Giang Quận Công. Con thứ ba là Dương Thiện.

Khi ngài sắp mất, di chiếu nói rằng «... đức tánh ông Dục Đức không đáng làm vua» mà ý ngài muốn lập ông Dương Thiện, nhưng vì còn bé, mà việc nước cần phải có vua lớn tuổi, cho nên phải lập con trưởng. Ngài lại cho Trần tiến Thành, Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết làm phụ chánh.

Được 3 ngày, thì Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết đổi tờ di chiếu, bỏ ông Dục Đức, lập em vua Dục Tông là Lãng Quốc Công lên làm vua. Triều thần ngơ ngác, không ai dám nói gì, chỉ có quan Ngự sử Phan đình

Phùng đứng dậy can rằng : «Tự quân chưa có tội gì mà làm sự phế lập như thế, thì sao phải lẽ ?»

Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết truyền bắt giam Phan đình Phùng, rồi cách chức đuổi về quê...

Tường truyền rằng, khi quan Phụ-chánh Trần tiến Thành đọc di chiếu tới đoạn «đức tánh ông Dục Đức không xứng đáng làm vua» thì ông giả ho hen đọc nhỏ lại, Tường và Thuyết phản đối kịch-liệt; và, về sau, sai người tới nhà giết chết Trần tiến Thành, bảo là quân trộm cướp giết.

Bình tĩnh, chúng ta hãy nhận xét, lời di-chiêu của Tự-Đức cho chúng ta thấy rằng Tự-Đức thiếu sự khôn ngoan, sáng suốt và không biết lo xa. Đã quyết ý truyền ngôi cho Dục Đức, thì phải giấu cái xấu và trưng cái tốt của Dục Đức ra chứ.

Trái lại, Tự-Đức không làm như trên, đã có một đoạn chê Dục-Đức trong di-chiêu, để cho gian thần có cớ mà làm việc phế lập !

Cái loạn «bốn tháng ba vua» có phải là do sự vụng về của

thả của Tự-Đức mà ra đó không ?

Ông Bữu-Kế là người « được may mắn làm việc ở Thư viện và hơn mười năm gần gũi sách sử », vậy tôi xin hỏi ông : Tại sao Từ-Dũ Thái hậu lại chịu để cho Tường Thuyết làm điều trái phép ? Và, tại sao Bà không chịu cương quyết buộc Tường Thuyết phải tuân theo di chiếu của Tiên-Đế, lại để cho hai gian thần này lộng quyền sát hại ba vua như thế ? ?

Nhơn câu hỏi trên, xin phép ông Bữu-Kế, kể ra đây một câu chuyện, lúc còn nhỏ, khi học Pháp sử, tôi đã bị thân phụ tôi rầy la quá sá, bảo tôi là thằng ngu ngốc vì một câu : « *nos ancêtres étaient des Gaulois* » mà tôi học thuộc lòng, như tất cả học trò thời bấy giờ.

Ba tôi bảo rằng, hễ học sử, đọc sử và viết sử mà không biết luận sử, thì đừng học, đừng đọc và đừng viết sử làm chi cho uổng, lẽ rằng tổ tiên ông bà chúng ta đâu phải người Gaulois !

Cho nên, thưa ông Bữu-Kế, có một văn nhân thi-sĩ, trong thời ấy, cảm thương vận nước

đen tối — quốc nội thì anh em Hồng-Bảo Hồng Nhậm tranh ngôi, Tường Thuyết phế-lập và sát hại 3 vua trong 4 tháng (tức nguyệt tam vương...) quốc ngoại thì Pháp đã vào đóng binh bên kia sông Hương (nhứt giang lưỡng quốc...) mà Từ-Dũ Thái hậu mạng dạnh là mẫu nghi thiên hạ lại quá nhu nhược, để cho Tường Thuyết lộng quyền!

Để nói lên bà mẹ biết dạy con, sử chép, vua Tự-Đức mãi mê săn bắn, gặp nước lụt hai ngày không về được. Từ Dũ Thái-hậu giận lắm. Khi nhà vua trở về, biết mình có tội, liền dâng roi và nằm xuống cho mẹ đánh.

Câu chuyện vụn vặt như thế, có lẽ hôm nay ông Bữu-Kế đồng ý với tôi, không có ích lợi gì cho đại cuộc quốc gia trong buổi ấy cả.

Từ-Dũ Thái-Hậu, theo ông Bữu-Kế, là « mẫu nghi thiên hạ » thì ít ra, cảm hóa được Triều-thần, nhứt là Tường-Thuyết, Nhưng, ngược lại, hai ông này vẫn ngang nhiên làm những việc đại gian đại ác, mà lịch sử đã chứng minh rõ ràng.

Ông Bữu-Kế soạn tự điển.

Ông Bữu-Kế đã giảng nghĩa

hai chữ « truất-phế ». Truất là bài đi, đuổi đi, không cho ở chức vị cũ nữa ». Thật ông Bữu-Kế vội vàng quá. Xin ông cứ bình tĩnh nhớ lại cái nhan đề bài của ông đã đăng trong tạp chí Đại Học số 6 và số 8 : « *Từ việc Hồng Bảo bị truất phế đến việc phản nghịch ở kinh thành* » thì ông sẽ thấy hai chữ « Truất phế » ông dùng trong câu ấy đã không sát nghĩa, nếu không nói là vô nghĩa (non sens).

Ông Hồng Bảo đã lên ngôi vua đầu mà bị truất phế ? Theo cái nhan đề của ông, người ta có thể nói khỏi hải rằng, ông Bữu Kế đã nhìn nhận ngại vàng của Tự Đức đúng là của Hồng Bảo vậy ! Nếu không thì Hồng Bảo đã làm vua lúc nào mà bị « truất phế ? »

Còn hai chữ « phản nghịch » của ông dùng để « chưởi » Đoàn Trưng lại càng không đúng với sự việc của Đoàn Trưng nữa (mots impropres) !

Đoàn Trưng (rể của Hoàng-gia) dùng võ lực khôi nghĩa, truất phế Tự Đức, để lập UNG ĐẠO lên thay thế.

Như vậy, hai chữ « truất phế »

của tôi dùng đã sát nghĩa sự việc rồi, ông Bữu Kế còn phải mất công soạn tự điển làm gì ? Và Đoàn Trưng dấy lên giặc Chày Vôi, truất phế vua Tự Đức, để tự xưng vương, thì khi ấy mới gọi Đoàn Trưng là tên « phản nghịch » chứ.

Huống chi, công cuộc cách mạng của người anh hùng họ Đoàn đã có chương trình rõ ràng, có mục đích lập UNG ĐẠO lên thay thế vua Tự Đức, để cứu vãn tình hình quốc gia dân tộc, chủ trương một chính sách mới, vì Tự Đức đã quá vụng về để cho Nước nhà suy vong.

Thử hỏi ông Bữu Kế, trong 36 năm (1847-1883) ngồi trên ngôi báu, vua Tự Đức ĐÃ LÀM ĐƯỢC VIỆC GÌ ÍCH QUỐC LỢI DÂN ? Tự Đức chỉ lo làm sao ở cho có hiếu với mẹ, lo sợ chính chiến lan tràn mãi, rồi « không còn đất đai mô cho mẹ con Trẫm ở ! » (Kim nhật thịnh chiến, hựu nhật thịnh chiến, chiến nhi bất thắng, ngô gia mẫu tử trí vô hà địa) — lời phê của vua Tự-Đức vào sổ của tướng Hoàng

kể Viêm xin viện binh, sau khi cùng Lưu-vĩnh-Phúc đâm chết F. Garnier ở Ô Cầu Giấy (Hà Nội). Đó là chánh sách sáng suốt của Tự-Đức ư?

Khi nhà vua (Tự-Đức) sắp băng, có những bằng chứng nói lên sự hối hận của ông trong công cuộc tranh giành ngôi báu với Hồng-Bảo như sau: *quelques précisions sur une période troublée de l'Histoire d'Annam*, của A. Delvaux, B.A.V.H. 1941, những trang 215-314; *La stèle du tombeau de Tự-Đức của Delamare (dịch)*, BAVH 1919 những trang 21-41 và *les voyages à Huế en 1880 của Vulliez* BAVH 1943 những trang 199-219.

Đây, tôi xin trích một câu trong LA STÈLE DU TOMBEAU DE TỰ-ĐỨC: "... Je me mariaï, mais j'étais hon-teux de n'avoir pas d'héritier, je m'échappai à grande peine à la variole; à la mort de mon père je pris avec tremblement la direction des affaires et je fus obligé de sévir contre mon frère aîné..."

Tạm dịch: "... Trẫm đã có vợ, Trẫm rất xấu hổ không có con nối nghiệp, Trẫm thoát chết vì bệnh đậu trời, sau khi thân

phụ Trẫm mất, Trẫm lên ngôi với nhiều nỗi lo âu và Trẫm đã phải bắt buộc nghiêm trị người anh cả Trẫm..."

Mời ông Bửu Kế đọc lại câu Pháp văn ở trên, như là ở chữ « sévir » để chúng ta cùng tưởng tượng lại, coi thử « hành động » của vua Tự-Đức trong buổi ấy đối với anh cả ông ra thế nào?

Chỉ có một chữ « sévir » và những chữ « je fus obligé », ông Bửu Kế rất thông minh và thông hiểu sử, có thể hình dung lại được cái chết oan của Hồng Bảo và dễ dàng cho ông hay, ai là người thủ phạm rồi.

Thêm vào đó, ông Bửu Kế đã vô tình đem ra ánh sáng từ việc truất phế tới cái chết của Hồng Bảo, người ta có quyền nghi ngờ, bằng những câu: "... Trương đẳng Quế là thấy vua Thiệu Trị: giữa An Phong Công và Trương đẳng Quế có sự hiềm khích, nếu An-Phong Công lên ngôi sẽ nguy hại cho Trương Đẳng Quế, nên ông cố gắng thuyết phục vua Thiệu Trị về việc truất phế Hồng Bảo..."



TỪ DŨ THÁI HẬU ĐÃ ĐỒNG Ý VỚI TƯỜNG, THUYẾT TRONG VIỆC PHẾ LẬP VÀ GIẾT 3 VUA ??

Ông Bửu Kế viết: "... về những đoạn ông Nguyễn Quang chỉ trích vua Tự Đức làm hư hỏng việc nước và ngay cả vua Minh Mạng (?) cũng không nằm trong phạm vi bài này, nên tôi không đề cập tới làm gì, mặc dầu có những điểm tôi không đồng ý..."

Quả thật, ông Bửu Kế thiếu bình tĩnh, khi « bị » người ta không đồng ý mình, vì nếu ông nói trúng mà tôi cho sai tức là nguy hiểm, hay ngược lại.

Từ cái chết sung sướng trong gấm vóc của vua Tự Đức và cái chết đau thương, ai oán, nào nề của Hồng Bảo trong ngục tối kéo theo cái chết của Trương An quận vương mới có 35 tuổi, cái chết của Ưng Đạo và con cái v.v..., đến cái việc « giữ nước » của Tự Đức (Nếu vụng về không giữ được nước, sao không giao lại cho anh?) đều nằm trong tinh thần của hai bài báo tôi cả.

Và, chúng ta hãy nhìn nhận Từ Dũ Thái Hậu là « mẫu nghi thiên hạ », hay cho Bà là Nữ Thánh đi nữa, khi muốn con trai mình lên làm vua, tranh với Hồng Bảo, thì chắc không sai, trong cái « ý muốn » của Bà phải có chứa đựng một ác ý?

Còn việc Bà thông dâm (hay tư thông cũng thế) là việc đã có khỏi tất nhiên phải có lửa.

Để có minh chứng, xin trích một câu trong tập « Trẫm Thương » của sử gia Bùi quang Tung, trang 4 đoạn 1 dòng 4 như sau: (... Có người lại nói rằng ông Trương - Đẳng - Quế chủ trương việc phế truất lập thứ này là vì chính Hồng-Nhậm (Tự Đức) không phải con vua Thiệu Trị, mà là con của ông ấy tư thông với bà Từ-Dũ. Chuyện này rất là khó tin, tuy vậy, nghe sao chép vậy, để cho có đủ dư luận của người truyền lại...)

Những chữ: « của người đời truyền lại » đã minh chứng được phần nào câu chuyện nói trên chăng?

Ông Bửu-Kế viết: « việc thông dâm này, ông Nguyễn Quang sanh thời bấy giờ mà còn biết thay... ».

Ông Bửu-Kế và tôi, xin lập lại, đồng sanh trong thời bấy giờ, khi đọc sử, khảo sử, viết sử, đều phải căn cứ theo những tài liệu của sách sử báo chí trong ngoài nước, nhưng, thưa ông, điều cốt yếu, là phải biết luận sử một cách khoa học hơn.

«Nhờ cái may mắn làm việc ở Thư viện và gần gũi sách sử hơn mười mấy năm», ông Bửu Kế biết rõ hơn ai hết một câu

chuyện gì của viên khâm sứ Đờ-Loa đã làm ở Huế hồi Khải Định đã chết và Bảo Đại còn nhỏ, đang du học ở Paris? xin hỏi nhỏ ông.

Nhớ rõ lại câu chuyện ấy rồi, ông Bửu-Kế có dịp vô Nam, xin thân ái mời ông lại nhà tôi ở ngoại ô Sài Gòn, để uống ly rượu để, hay tách trà Đà Lạt, dặng kết tình văn hữu.

(còn nữa)



★ CÔNG CHÚNG KHÔNG LƯA

Một nhà xuất bản lớn ở Paris mua độc quyền một quyền An-bum hình của Antony Armstrong Jones, chồng của công chúa Margaret. Sở sách bán không chạy, công chúa nhờ Thi-sĩ Jean Cocteau, Hàn-Lâm-Viện Pháp, đề cho bài tựa. Nhưng mặc dầu tốn rất nhiều tiền để quảng cáo trước, các nhà sách ở Pháp và thế giới không đặt mua quyền nào, nên Thi sĩ Cocteau rút bài tựa ra, nhà xuất bản cũng trả độc quyền lại cho chồng Công Chúa.

★ THẮC MẮC

Mẹ : Con rán học để thành người, nghe con ?

Con (6 tuổi) : Nếu con không học, thì lớn thành gì, hả Mẹ ?
B. T.

Duyên

kỳ ngộ



★ HOÀNG-THẮNG

HẮN không nhìn thấy người đẹp vào nên khi ngẩng đầu lên hẳn đã bàng hoàng trước sắc đẹp của người con gái đang ngồi ở bàn bên cạnh. Tóc gọn sóng, đôi môi đỏ chói hình trái tim, đôi mắt sáng long lanh nhìn ai như muốn nói thầm với họ những chuyện yêu đương, đắm thắm nồng nàn.

Người con gái đang «ngắm» những khách hàng ngồi uống chung quanh nàng như để tìm một bộ mặt quen thuộc

Tiệm cà phê nơi đây ngon có tiếng Thủ-đô, lại là nơi gặp gỡ

của các văn nghệ sĩ, nên lúc nào cũng đông khách. Quạt trần quay tít dưới ánh đèn ống xanh dịu không đủ mát cho người ngồi.

Hắn lặng lẽ ngồi ngắm những cử chỉ của người đẹp. Cô gái mở ví lấy bao thuốc lá «Con mèo» chậm-chạp rút ra một điếu rồi gõ nhẹ lên mặt móng tay nhọn tô màu hồng, kiểu cách đặt vào đôi môi hé mở.

Có lẽ máy lửa bị hư hoặc hết xăng nên nàng bật mãi vẫn không cháy. Cau có, cô gái ném mạnh bật lửa vào trong ví xách tay. Nàng liếc nhanh chung quanh để

xem có ai có lửa không.

Vấn theo dõi nên hẳn không dễ lỡ cơ hội làm quen với người đẹp. Hẳn vội đứng dậy, bước nhanh sang, bật nhẹ chiếc máy lửa của mình, giọng không được tự nhiên:

— Mời cô.

Chờ người con gái mời lửa xong, hẳn cố thản nhiên hỏi:

— Hình như cô chưa gọi gì cả?

— Có, tôi đã gọi cả phê rồi.

Hẳn hơi ngượng nghịu rồi ngập ngừng nói:

— Cô có thể cho phép tôi ngồi chung bàn với cô được không?

Người con gái mỉm cười nhẹ:

— Mời ông tự nhiên.

Tách cà phê của hẳn đã được chuyển sang bàn của nàng. Người đẹp nên tên cũng đẹp. Nàng tự giới thiệu mình là Hồng Nhung. Nàng vừa đi thăm một người bạn gái, đi qua tiệm cà phê tạt vào uống?

Nhìn đôi môi đỏ nổi bật lên trên nền men trắng khi người con gái uống cà phê, hẳn nghĩ ngợi miên man:

«Không hiểu Hồng Nhung đã có chồng chưa? Nàng là con nhà đứng đắn hay là một gái chơi có băng? Điều bộ tỏ vẻ ăn chơi, lối

trang sức lại tỏ ra người có óc thẩm mỹ. Bộ mặt nghiêm chỉnh nhưng quyến rũ. Thật khó đoán nàng thuộc hẳn loại nào trong xã-hội».

Một điệu nhạc từ máy phát thanh nhịp nhàng trầm bổng tỏa nhẹ trong phòng. Hồng Nhung nhún đôi vai theo nhịp điệu.

«A, cô này lại có vẻ biết nhảy nữa — hẳn lại nghĩ — mình phải mời đi mới được.»

Hẳn nhấp nhòm nửa muốn đứng dậy để mời người con gái đi, nửa lại muốn ngồi lại nói chuyện cho «đã» đề, nếu khi hẳn ngỏ lời mà không đắt thì hẳn cũng đỡ «ức» trong lòng.

Hình như người đẹp cũng «cảm thấy» được ý nghĩ của hẳn. Nàng thì thầm:

— Hình như anh bận việc?

Thấy Hồng Nhung thay đổi lối xưng hô, hẳn biết ngay phần thắng lợi đã nghiêng về phía hẳn rồi, hẳn vội đáp:

— Không không, mà dù có bận chẳng nữa cũng không dời nào tôi lại nhần tâm bỏ người đẹp ngồi một mình ở đây cho đành.

Người đẹp ngượng hẳn. Hình trái tim trên môi kéo thành đường chỉ đỏ dài.

Như có một luồng điện truyền

nhau trong người, hẳn rung mình ngây ngất. Hẳn lăm lăm «trông nàng hấp dẫn quá!»

Kế hoạch tấn công được tạo nhanh trong óc hẳn.

— Hiện giờ cô có được rảnh không?

Hồng Nhung ngược mắt nhìn hẳn như dò hỏi.

— Tôi... tôi muốn mời Hồng Nhung cùng tôi đi dạo mát một chút. Ngồi ở đây nóng quá.

Hồng Nhung lim dim đôi mắt, thở nhẹ làn khói thuốc lá ra chiều lơ lửng.

Hẳn khẩn khoản nói thêm:

— Tôi mới ở miền Trung vào mua hàng, đang buồn vì không có bạn. May mắn lại gặp cô, thật sung sướng. Chắc cô không nỡ từ chối?

✱

Chợt lớn ban đêm thật đẹp, thật ồn ào. Một Hồng Kông thứ hai cũng không ngoa. Đi chơi thật đúng Chợt lớn. Những hàng chữ bằng đèn neon đủ màu nhấp nháy suốt dọc phố. Xe hơi chạy như mắc cửi. Trên nền trời cao vút, ánh trăng như không đủ sức xuyên qua rừng ánh đèn điện.

Tiệm khiêu vũ Soucoupe Vo.

lante ở ngay trung-tâm thị-tứ. Hàng dãy đèn mắc ngang dọc đủ màu sắc như muốn sũa ánh màn đêm ra khỏi khu vực.

Trong tiệm, đắm mình dưới ánh sáng mờ mờ, Hồng Nhung có vẻ hớn hờ, vui thích.

Đề ghi nhớ một buổi gặp gỡ hiếm có này, hẳn mời Hồng-Nhung uống sâm banh. Chất ngọt xen chất chua chua của rượu quý làm hẳn rạo rức, ngây ngất.

Một điệu Slow nổi lên. Ánh sáng của những ngọn đèn neon trắng đục chìm đi nhường chỗ cho ánh đèn màu tràn khắp vũ-trường. Hẳn dìu Hồng-Nhung ra «pít», hòa mình cùng những cặp trai gái khác.

Lần đầu tiên chạm vào da thịt người con gái đẹp, hẳn rung mình thích thú. Hơi nóng ở bàn tay, ở thân Hồng-Nhung thấm vào da thịt hẳn làm hẳn mê mẩn. Hồng-Nhung như đoán được những cảm giác của hẳn, vội ngã đầu vào vai hẳn như sung sướng, như e lệ. Nàng cọ má vào vai hẳn làm những sợi tóc mềm mềm chạy đi chạy lại trên má hẳn làm hẳn thấy buồn buồn và ôm chặt lấy nàng hơn trước.

Bản nhạc hết. Cốc lại chạm

cốc. Chuyện nở như gạo rang, vui vẻ và đi dỏm. Từ lượng của Hồng Nhung rất khá nên sâm banh lại nở một lần nữa.

Hắn ngà ngà say. Người đẹp cũng ngà ngà say. Tất cả, khắp chỗ đều đẹp và quyến rũ. Đôi môi đỏ chói, tấm thân khêu gợi của Hồng-Nhung như nhảy múa trước mắt hắn. Môi tím môi, say sưa và êm ái.

Chợt hắn nghĩ « Hồng-Nhung có phải là gái nhảy không nhỉ ? »

Nhạc lại thay. Ánh đèn lại đổi màu. Lại từng cặp ôm nhau quay giữa vũ-trường. Tiếng những bước chân lướt đi trên mặt « pít » nhịp nhàng, đều đặn.

Đêm chạy dần. Hồng-Nhung xin phép về vì đã quá khuya.

Nàng miên man bảo hắn :

— Anh có thể đưa em về được không ?

— Anh đang muốn thế !

Hồng - Nhung ngã người vào hắn, loạng choạng bước ra cửa. Mùi thơm của da thịt, của phấn son, nước hoa quyến rũ hắn.

Khi đứng trước thềm nhà, hắn nắm chặt tay người đẹp dùng-dăng không nỡ chia tay.

Hồng - Nhung lệ làng rút tay ra, nàng đặt nhẹ chiếc hôn nồng nàn lên má hắn.

— Em uống rượu say quá phải đi nằm mới được. Nếu anh không bận, tối mai anh nhớ đến chơi với em, em sẽ ở nhà chờ anh đấy. Nhớ nhé ! Thôi bây giờ anh về đi, chúc anh ngủ ngon. Good night.

— Good night.

Dơ ngón tay lên môi gửi cho hắn một chiếc hôn gió, Hồng-Nhung bước vào nhà. Hắn thần thờ đứng nhìn theo tà áo của nàng khuất sau cánh cửa rồi uể oải ra về như tiếc rẻ. Hắn nghĩ tới lần gặp gỡ thứ nhì và hắn sẽ toại nguyện. Hắn mỉm cười thú vị.

Hắn không ngờ rằng...



Phải hẳn không ngờ rằng...

Hôm sau, buổi chiều khi hắn chưa lại tìm Hồng-Nhung, người đẹp của hắn đã trở lại tiệm khiêu vũ Soucoupe Volante, nơi nàng đã đến với hắn hôm rồi.

Chủ nhân tiếp nàng vồn vã nơi phòng tiếp khách. Ông ta móc ví rồi vui vẻ nói :

— Hai chai sâm - banh 2.400 đồng ? Đây là phần huê hồng của cô, và xin có lời khen ngợi cô.

Khẽ nhún vai, Hồng - Nhung nhếch môi trả lời :

— Tôi có thể làm được với sức tôi...

M Ồ I TÌNH C A Y ĐẮNG của GEORGE SAND với Nhạc sĩ CHOPIN

(Hình của
CHOPIN do
chính tay Nữ
sĩ George
Sand vẽ)

★ TÂN-PHONG



Trong 3 số P.T. kế tiếp 37-38-39, các bạn đã theo dõi các chi tiết cuộc tình duyên lâm ly sôi nổi của Nữ sĩ George Sand và Thi-sĩ A. de Musset, chỉ trong ba năm, 1833-1835 mà làm xôn xao khắp giới văn học Pháp, ảnh hưởng đến cả thân thể và sự nghiệp của Musset và G.Sand, để lại cho văn học sử Pháp mấy tập thơ kiệt tác của Thế kỷ XIX, và mấy tác phẩm đặc sắc nhất của đời tình nhân lãng mạn điên cuồng ấy. Nhưng vừa dứt tình với Musset, George Sand lại gần bó ngay với một nhạc sĩ kỳ tài của Âu châu— của cả thế giới, là Chopin, rông rã gần 10 năm trời (1836-1846) để rồi không ngờ kết cuộc lại thật vô cùng cay đắng !

VỀ A đoạn
tuyệt vời
Musset, bà nữ sĩ
đa tình, đa cảm,
đã lo kiếm lệ lệ
một người yêu
khác để an ủi

gặp rút nỗi đau khổ trong
lòng nàng ! Người ấy là ai,
trong giới văn nghệ của
Paris ai cũng đoán biết được
rồi. Dĩ nhiên phải là một bậc
kỳ tài như Musset, chứ còn
ngoài giới văn nghệ, ai nàng
cũng coi bằng nửa con mắt.
Trong giới tài hoa phong nhã
nàng đã ngắm nghía một nhạc-
sĩ người Ba-Lan, sang ở Paris
từ lâu, giòng dõi quý phái, và
chưa có vợ. Nàng lại ưa chuộng
người nào ít tuổi hơn nàng.
Musset đã kém nàng 7 tuổi, Đại
nhạc sĩ Chopin, thần đồng của
Âu-châu, (Giới âm nhạc ở Saigon
ngày nay thích gọi là *quái-khệt* !)
cũng thua nàng 7 tuổi. Nàng lại
ưa đáng người mảnh khảnh của
Chopin, cũng như Musset, tuy
đã lừng danh khắp nơi, nhưng
điều bộ, cốt cách, hãy còn ngây
thơ, ngơ ngẩn, và dụt dè, e-lệ,
như cậu bé còn mới bỡ ngỡ
bước chân trên đường đời.

Mùa hè, 1837, George Sand
tỏ ý với vài người bạn trong
làng Văn rằng nàng muốn được

**Cũng như Musset
Chopin một nghệ sĩ
tài-hoa lỗi lạc nhất
của Thế - kỷ XIX**

hân hạnh mời
Chopin đến nhà
nàng một lần để
làm quen. Chopin
đã nghe tiếng tăm
của George Sand
từ lâu rồi, cũng
muốn đến thăm nàng một lần
cho biết. Nhưng lần đầu tiên gặp
George, Chopin thất vọng. Chàng
chép trong quyển Nhật-ký mấy
giòng sau đây : *«Cái con mẹ Sand
ấy, khả ố làm sao ! Đàn bà gì lại
mặc quần đàn ông, hút thuốc xì gà,
gọi ai cũng bằng «anh», lại có những
tư tưởng dân-chủ và xã hội ! Có
phải thật là đàn bà không ? Ta
nghĩ nàng là đàn ông giả dạng đàn
bà !»*

Tuy rằng mới nhất kiến vi
kiến nhạc sĩ Chopin phê bình nữ
sĩ George Sand quá nghiêm-khắc
như thế, nhưng tháng 10, 1837,
Sand mời chàng đến nhà lần thứ
hai, để họa đồn với nàng, (vì
Sand viết văn cũng hay mà đánh
đờn cũng giỏi) thì Chopin rất vui
về mò đến. Nói đúng ra, Chopin
cũng đang lúc thất vọng vì mối
tình đầu giữa chàng và Marie
Wodzinska. Marie đẹp tuyệt trần,
lại con nhà quyền-quý, và rất
yêu chàng, yêu ngón đờn của
chàng, yêu cả phong-độ lãng-
mạn và nghiêm chỉnh của một

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY MÊ

bậc thiên tài của sử sớ, nhưng
cha mẹ của Marie không bằng
lòng gả nàng cho nhà nhạc-sĩ
ôm yếu mà thầy thuốc bảo là
bị bệnh phổi. Giữa lúc đó, Geor-
ge Sand đang cần một tình yêu
đằm thắm để hàn gắn lại vết
thương lòng, mà Chopin có đủ
điều kiện để đem đến nàng mỗi
an-ủi êm dịu ấy. Ngay hôm
Chopin đến lần thứ hai, đôi tâm
hồn nghệ-sĩ đã thông cảm với
nhau rồi. Bao nhiêu ý-nghĩ xấu
xa của chàng đối với George
Sand hôm đầu tiên, đã tiêu tan
mất cả. Chàng chép trong tập
nhật-ký, tháng 10, 1837, một
trang dài tả hết mối tình rạo-
rực vừa chớm nở trong tim
chàng. Chàng kết luận : *«Nàng
đứng dựa vào dương cầm, và đôi
mắt nàng rực rỡ như ngọn lửa
thiêng, ôm học lấy tôi. Chung
quanh chúng tôi đầy những hoa.
Trái tim tôi đã bị nàng chiếm lấy
rồi... Vàng, đúng thế, nàng yêu
tôi... Aurora, Bình-Minh, cái
tên đẹp làm sao !»*

Aurora Dupin, là tên thật của
George Sand, lúc còn con gái.

Chopin không quá si-tình như
Musset, nhưng thái-độ và cử-
chỉ thân-mật của George, và lòng

chàng cũng đang khát-khao một
tình yêu, khiến cho chàng và
nàng dễ cùng nhau quyến-luyến.
Cả hai điều vừa trải qua một
con tuyệt vọng chua-chát cho nên
không hận mà gặp, cả hai cùng
nhau nương tựa, má kề má, môi
kề môi, nhờ chút men mới mê-
say mà quên lãng được cuộc
thử-thách quá ê-chề của dĩ-vãng.

Mùa xuân 1838, Chopin
thường đến với George buổi tối.
Chỉ có hai người hủ-hỉ với nhau
«trong giấc mộng thần tiên» (1)
Có lần, vì quá yêu Chopin,
George đã phải nói : *«Anh ạ,
nếu Marie còn yêu anh và anh định
thành hôn với nàng, và anh chắc-
chắn sẽ đầy đủ hạnh phúc với nàng
thì em xin tự hy-sinh để anh được
hoàn toàn sung sướng với Marie.
Trái lại, nếu anh sẽ khổ sở với
Marie, mà anh muốn có thêm tình
yêu của em để an ủi anh, thì em
xin mỗi tháng vài ba lần dâng anh
tất cả những gì của em mà anh
đòi hỏi. Dĩ-nhiên không phải là
ngày nào anh với em cũng gặp nhau
nhưng chắc-chắn ngày nào đôi ta
gặp nhau là ngày ấy sẽ tốt đẹp*

(1) Câu văn trong quyển nhật
ký của George Sand

vô ngần. Ngọn lửa tình sẽ cháy bùng lên rực-rỡ, thiêng-liêng.

Sự thực, như các bạn đã biết, giữa Chopin và Marie đã có sự đoạn tuyệt rồi. George Sand sung sướng hiển dương cả tinh-thần lẫn thể xác — một tấm thân uyển chuyển, như nàng Vệ-nữ hiện thân của Văn-nghệ — cho nhà nhạc sĩ có ngón đòn thần.

Mùa hè 1838 là một mùa điếm phúc của đôi tình nhân, yêu nhau mà không cần kết-hôn, yêu nhau tự do trước bàn thờ của nữ-thần Ái Tình.

Chính trong thời gian này, Chopin soạn ra được nhiều bản nhạc kiệt tác. George cũng viết tiếp tục bộ truyện *Lélia*. Nghệ thuật cũng như văn thơ, chỉ nảy nở hoàn toàn tươi đẹp, trong hơi nóng thiêng liêng huyền diệu của ái tình.

Mùa thu qua, lá vàng rơi tan tác, nhưng hai trái tim vàng cứ nở nhụy đơm bông, rạo-rực đẻ đẻ một mùa hoa bướm.

Rồi mùa đông đến. George sợ Chopin chịu lạnh không được (vì chàng đau phổi) nên rủ chàng đi du lịch vào miền Địa trung-Hải, định ra ở hòn cù-lao Majorque, giữa biển, nơi đây vẫn

còn nắng ấm của mùa thu. Cặp vợ-chồng nghệ-sĩ, không cần cưới hỏi sắp đặt sẵn một tuần trăng-mặt mà họ muốn kéo dài một năm, hai năm trên hòn đảo thơ mộng, giữa trời, mây, non, nước...

Cũng như nàng đã tổ chức một cuộc du-dịch ái-tình với thi-sĩ Musset trước đây trên bờ Venice!

Nhưng lần này, tuy Chopin bị bệnh phổi, thường ho luôn, George tự săn sóc cho người yêu chứ không cần mời một viên bác-sĩ Pagello thứ hai nữa. Nàng vừa săn sóc cho sức khoẻ của chàng, vừa viết tiếp bộ truyện *Lilée* gửi về Paris đăng trong *La Revue des deux Mondes*. Ông chủ nhiệm tờ báo văn nghệ này vẫn gửi tiền hàng tháng cho nàng sống với người yêu trên hòn cù lao, khỏi bận bịu về vấn đề sinh-kế. Nàng cho chở theo cả chiếc dương cầm để cho Chopin đánh đàn và soạn các bản nhạc. Nhờ khí hậu tốt, nhờ sự săn sóc rất chu đáo của George Sand, Chopin đã trở nên "tươi như hoa hồng, và hồng như củ cải đỏ" (2).

(2) Trích trong nhật ký của G. Sand.

Hai người đến đảo Majorque vào giữa tháng 11, năm 1838. Trong bức thư chàng gửi cho Jules Pontana, người bạn ở Paris, đề ngày 15-11-1838, chàng có viết: "Ở đây, tôi ở dưới các bóng cây dừa, cây cèdres, cây aloès, cây cam, cây chanh, cây vả, cây lựu. Ở đây, màu da trời xanh, biển xanh, núi xanh, còn không khí...? không-khí cũng xanh xanh... Ban ngày có nắng, ban đêm có tiếng hát, và tiếng đàn ghi-ta reo-rất suốt canh trường. Tóm lại, ở đây đời sống thú vị vô cùng."

Lúc mới đến cù lao, hai người thuê một căn nhà lao-động, có hai phòng chật hẹp hơi rình. Chỉ có hai cái ghế bố. Chủ nhà nấu cơm tháng cho hai người, đồ ăn chỉ có một món cá xào với tỏi. Chopin chịu không nổi, đau hoài. George thấy vậy, vội vàng đi thuê nhà khác, một "biệt thự" bỏ hoang ở chân núi, trên bờ biển, của một người nhà giàu ở trên đảo tên là Gomez. Biệt thự tên là "Nhà của Gió" (*La Maison du Vent*). Mấy ngày đầu cặp tình nhân xây ổ ái-tình ở đây, ôm ấp êm đềm trong mộng. Ngày đêm, chỉ

nghe đều đều tiếng sóng biển rầm rì vỗ nhẹ vào bờ. Thỉnh thoảng, vài con lừ đi ngang qua trước cổng, cổ đeo cái chuông nho nhỏ, kêu leng-keng... leng-keng... Như tiếng chuông đeo cổ con bò vàng của Nguyễn công Trứ.

Nhưng mùa nắng ở cù lao cũng gần tàn. Mùa mưa đến, mưa tầm tã đêm ngày, mưa lẫn gió, ào ạt, nhịp với tiếng sóng biển nổi dậy ầm ầm. Gió xô cánh cửa cột kẹt, gió mở tung cửa bay vút vào nhà, tạt lên tấm thân gầy ốm, ho sù sụ, run cầm cập, của chàng nhạc sĩ tài ba. George thương chàng quá, ôm lấy chàng để sưởi hơi ấm của da thịt nàng, áp chàng vào lòng, vào ngực, vào môi. Chàng lấy can đảm đứng dậy, đến ngồi trước dương cầm, lướt mười ngón tay mềm dịu trên dây phím ngà. Nàng đứng bên cạnh, nghe buồn như tiếng khóc của gió mưa, tiếng rền rĩ dội vang trong lòng biển.

Một hôm, chủ nhà là Gomez đến thăm ngôi "Nhà của Gió" để xem có bị gió lớn làm tróc nóc nhà hay không. Hắn thấy Chopin ngồi ho, khạc ra một tia máu. Hắn hoảng hốt la lên

rằng Chopin mang bệnh ho lao, hần không muốn ngôi nhà của hần chứa đựng vi trùng. Hần lập tức đuổi cặp uyên-ương đi ra khỏi ngôi «Nhà của Gió».

George Sand hết lời năn nỉ nhưng hần nhất định không nghe, George và Chopin đành phải đi kiếm thuê nhà khác. Có người mét một nhà tu-kín bỏ hoang trên sườn núi, mấy vị tu-sĩ nay đã bị chính-phủ Espagne trục-xuất từ lâu. Mừng quá, George Sand và Chopin dọn đến đây ở.

Nơi đây, đôi tình nhân văn-nghệ như cặp chim loan-phụng ử-áp thiên tài trong một chiếc ổ của tình yêu cheo-leo trên sườn núi. Họ thông cảm bao la của vũ-trụ, hồi hộp với bao-la của ái-tình, hôn phối hai tâm hồn

vỹ-đại để sản-xuất cho đời những kiệt tác còn lưu danh hậu thế. Nơi đây nàng viết quyển *Spiri-diou, Lélia*, (sửa lại), chàng soạn những bản nhạc *Préludes, Ballades*.. Những bản nhạc này gửi về Paris trình diễn trước công chúng, được hoan-hô nhiệt liệt. Người ta có cảm-tưởng như tiếng thồn-thức của một trái tim thiêng-liêng từ nơi chân trời mặt biển gửi mây gió trao về.

Văn của George Sand đăng trong «*Tạp chí hai Thế-giới*» (*La Revue des deux Mondes*) cũng được hoan hô nồng-nhiệt, người ta nao-nức đón tiếp văn phẩm của một nữ sĩ tài-hoa của thế hệ.

(K) sau tiếp)

* Chỉ có những bức thư đáng để dành làm kỷ-niệm là những thư đáng lẽ người ta không nên viết, hoặc mình đã đọc rồi đáng lẽ phải đốt ngay.

S. T.

* Ai lo-đãnh các việc nhỏ, không bao giờ làm được các việc lớn.

L. B.

Chưa yêu

Nhớ thì nhớ vẫn vơ,
Đò yêu chưa cập bờ
Không đón, đưa ai cả
Lênh đênh giữa giong Mơ.

Thư xanh và thư hồng
Của những người băng khuáng...
Gây vài giây xao xuyến
Đề rồi hết nhớ mong.

Ai hỏi cô yêu ai?
— Thưa, dạ một chàng trai!
— Ờ, người nào thế nhỉ?
Ngần ngại chẳng biết ai.

Lòng thơ chưa hò hẹn
Tim, còn nguyên trái tim
Tình thương về muôn bến
Đò mơ lướt sóng êm.

Chưa yêu là thế nhỉ?
Chưa biết sâu là chi
Chưa biết ghen gì cả
Mặc ai về, ai đi!

MỘNG-HOA-HUYỀN

(Huế 60)

MARCEAU

MỘT CÂY KỊCH CÂM

HAI tấm màn nhung từ từ hé mở. Marceau bước ra sân khấu với một điệu bộ ông ọ đến lỗ bịch. Chính với điệu bộ ấy, với nét mặt ngây ngô như « Chúa Tàu nghe kèn » và với một thân hình mềm mại, uyển chuyển của mình, Marceau đã làm cho hàng vạn khán giả Âu và Mỹ châu say mê thích thú khi xem chàng biểu diễn những màn kịch không lời.

Lòng ái mộ của khán giả mỗi ngày một tăng, khiến Marceau nổi danh như sóng cồn và nghiêm nhiên trở thành một « cây » kịch câm của sân khấu hài hước Âu-Mỹ và có lẽ cả thế giới nữa.

Mê Charlot

Marceau ra đời tại miền

Alsace, gần Strasbourg. Ngay từ hồi thơ ấu, chú bé Marceau đã « mê » si-nê vô cùng. Bất cứ một phim điều khiển nào của Charlot hoặc Buster Keaton, chú bé Marceau cũng tìm coi cho bằng được.

★ MINH-TÂM

Với trí óc non trẻ của Marceau, những điệu bộ diễn tả câu chuyện vui, buồn do Charlot và Buster Keaton biểu diễn đều làm cho Marceau thích thú say mê.

Hồi đó, mỗi khi đi xem phim của Charlot về, chú bé Marceau thường tự hợp lũ bạn trẻ con hàng xóm đến nhà mình,

MARCEAU

và Marceau cũng bắt chước Charlot để đóng những vai trò mà cậu còn nhớ trong phim. Lũ bạn trẻ của Marceau đã phải ôm bụng cười bò khi xem Marceau biểu diễn.

Có lẽ bởi bị ảnh hưởng Charlot, nên năng khiếu hài hước của Marceau phát triển sớm như vậy.

Chiến tranh bùng nổ. Chú bé Marceau trở thành một thanh niên lọc lõi, trưởng thành.

Rồi thân phụ Marceau bị bắt làm con tin rồi bị xử tử. Thân mẫu chàng phải dọn về ở Limoges.

Khi chiến tranh chấm dứt, Marceau theo học một lớp kịch nghệ. Chàng thường ôm hoài bão trở thành một tài tử nổi danh.

Một thời gian sau, may mắn cho Marceau, chàng được gánh Barrault, mời cộng tác.

Ở gánh Barrault, Marceau đem hết tài nghệ thiên phú và kinh nghiệm học tập ra để diễn xuất. Những màn kịch không lời do Marceau trình diễn hồi đó đã được hoan hô nhiệt liệt.

Sự thành công này là một khuyến khích lớn lao đối

với Marceau.

Một thời gian sau, Marceau cảm thấy đã có đủ « bản lĩnh » để tự lập gánh, chàng bèn từ già gánh Barrault để tự mình làm « bầu ». Từ đó Marceau luôn luôn đi chu du trình diễn kịch không lời khắp nơi. Và những thành công tiếp nối nhau đưa Marceau lên một ghế cao của sân khấu kịch không lời Pháp quốc.

Các tài tử trứ danh như Charles Laughton, José Ferrer cũng phải bắt chước điệu bộ của Marceau để được... ăn khách! Chính Laughton đã dự liên tiếp 12 đêm trình diễn của Marceau một cách say mê, thán phục.

Người ta thường tự hỏi sự thành công của Marceau đưa chàng lên đài danh vọng phải chăng nguyên nhân do nơi ảnh hưởng của các phim chàng coi hồi nhỏ. Nhưng một điều chắc chắn rằng : Marceau thành công là do nơi tài năng thiên phú của chàng. Tài năng đó đã nhờ ảnh hưởng trên mà sớm « trỗi dậy » trong con người Marceau.

Dưới chiếc áo rằn-ri sặc sỡ

Chỉ với đôi bàn tay không,

Marceau đã lột hết tinh thần của những vai trò chàng đảm nhiệm trên sân khấu, làm cho khán-giả say mê theo dõi những động tác diễn biến của câu chuyện. Và tuy *không nói, không bối cảnh* những màn kịch do Marceau trình diễn vẫn khiến cho tác giả thông cảm một cách sâu xa.

Marceau thường bước lên sân khấu với một y quan đặc biệt. Y phục cổ hữu của chàng là một chiếc áo lụa mỏng bó sát lấy mình, chiếc áo có kẻ đen, rằn ri, sặc sỡ. Trông Marceau trong bộ y phục đó khán giả cũng đủ cười đến... bể bụng rồi!

Về nghệ thuật diễn kịch không lời, Marceau thường nói: « Điều mà tôi quan tâm nhất là làm sao cho khán giả *hiểu* tường tận để họ có một khái-niệm tối thiểu thế nào là không gian, khoảng cách và bề sâu... »

Khi biểu diễn điệu bộ của một kẻ đi ngược với chiều gió, Marceau đã đóng một cách khéo léo, làm cho khán giả thông-cảm một cách sâu xa vai trò của con người bé bỏng trước uy-vũ của tạo hóa, khiến cho họ hồi-hộp, thích thú.

Với đôi bàn tay không, Mar-

ceau đã biểu diễn cảnh một người leo lên một tầng cấp dài vô tận một cách rất *thật*, hay một người đi xe đạp, hoặc kéo một sợi giây (dĩ nhiên là tưởng tượng) một cách *giống* vô cùng.

Trong khung cảnh một vườn hoa công cộng, Marceau đã một mình biểu diễn 15 vai trò khác nhau: Từ chị vú giữ em, ông già dắt chó đi dạo đến cả một lũ trẻ đang nô giỡn. Cảnh này Marceau đã làm cho khán giả say mê vô cùng. Và tuy đang ngồi trong hý viện xem Marceau biểu diễn kịch câm, người ta cũng có tràn đầy cảm giác của một buổi chiều nào đó đang ngồi nghỉ ở một công viên xem những việc xảy ra trước mặt.

Khi diễn màn kịch vui « Bịp, chú hề hát việc », với chiếc mũ cao ngồng có cắm một cành hoa đỏ, Marceau đã làm cho khán giả muốn chết tức vì cười. Họ không thể thần nhiên được khi thấy Marceau trên sân khấu biến hóa muôn mặt, từ cảnh một người đi xe buýt đầy nổi khổ tâm, khó chịu, đến một cô em nóng nảy như Trương-Phi đang loay hoay kéo học tử bị kẹt mãi không ra, hay nổi khó chịu khi

vớ phải chiếc găng tay quá chật.

Không ai có thể quên được vẻ oai hùng của Marceau trong vai chủ xiếc dạy thú dữ, hoặc cử chỉ ngây thơ của một đứa trẻ ham bắt bướm, đuổi ong.

Diễn xuất kịch không lời là cả một khó khăn, đòi hỏi diễn viên nhiều thông minh, tế nhị. Marceau có thừa các điểm đó.

Khi xem Marceau đóng vai bắt bướm (dĩ nhiên cũng là bướm tưởng tượng) một nữ khán giả ngây thơ đã khóc nức nở vì *thấy Marceau đã bóp nát mất con bướm!*

Nghệ thuật diễn xuất kịch không lời mà đến thế thì quả là tuyệt diệu.

Có lần Marceau đóng vai một chàng ngốc nhảy đầm với một cô gái lưu-manh. Cô gái đó chủ tâm « sửa túi » chàng ngốc. Marceau đóng khéo đến nỗi khán giả xì xào : « Rồi ! Rồi ! Con nhỏ lẳng mắt rồi ! »

NGHỆ-SĨ QUỐC-TẾ

Năm 1955, khi Marceau sang Hoa-Kỳ, các ông bầu sân khấu ở Broadway không muốn « lẳng xê » Marceau. Họ khinh thị một

« gánh hát » không có Nữ diễn viên, không có phong cảnh làm sao có thể hốt bạc các được !

Nhưng họ đã lầm. Và Marceau đã được Ronald Wilford để ý đến. Wilford đã bỏ tiền ra để quảng cáo Marceau rầm rộ và dành cho chàng rạp Phoenix để chàng biểu diễn tài nghệ.

Chỉ sau buổi trình diễn đầu tiên, dư luận báo chí Hoa Kỳ đã hòa nhau ca ngợi chàng kịch liệt.

Nắm lấy tru thế ấy, Marceau đi chu du trình diễn khắp các tỉnh Mỹ Châu.

Ở Nữ - Ước, khán giả viết thư yêu cầu Marceau trở lại, đem trả lại cho họ nụ cười và niềm vui.

Rồi Vô Tuyến Truyền Hình Mỹ mời chàng trình diễn. Chàng đã thành công rực rỡ.

Marceau đã từng được trao tặng giải thưởng Emmy, một giải thưởng đầy danh dự, ngang với giải Oscar của điện ảnh.

Marceau đã đi qua 35 quốc gia Âu và Phi Châu. Ở đâu chàng cũng chinh phục được lòng ngưỡng mộ của khán giả. Có lần, khi tạm nghỉ, khán giả tò mò vào tận hậu trường để

xem tận mắt, sờ tận tay « cây «trật búa» nào cả !
kịch cảm » của họ.



Họ rất ngạc nhiên khi thấy Marceau quá bé nhỏ so với lúc chàng bề vệ xuất hiện trên sân khấu.

Ai cũng ngạc nhiên vì đôi bàn tay nhỏ xíu, mềm mại của Marceau. Đôi bàn tay kỳ diệu đã từng làm nhiều trò cho họ say mê đến... quên đời ! Thật là Marceau đã có được một đôi-bàn-tay-bất-độc-của-trời !

Ngoài năng khiếu về kịch cảm, Marceau lại có một tâm hồn đa cảm rất là thi sĩ !

Marceau cũng thông thạo 4 ngoại ngữ và không bao giờ « cứng họng » trước một câu hỏi hắc búa của một khán giả

Marceau đóng kịch cảm rất công phu. Để chuẩn bị cho những buổi trình diễn, không những học thuộc vở, chàng còn phải tập sao cho chân tay mềm mại.

Khi rồi rã, Marceau thường đi dạo ngoài phố để nhận xét những dáng điệu, động tác của thể nhân, hầu áp dụng trong nghệ thuật.

Với một thiên tài, Marceau còn luôn luôn cố gắng trau dồi nghệ thuật, vì chàng cho rằng kịch nghệ — hơn nữa lại là kịch không lời — thì kinh nghiệm là điều tối quan trọng.



★ LỜI CỦA GIÁO-HOÀNG JEAN XXIII •

— Một người cha có những đứa con thì dễ, chứ những đứa con có một người cha thì khó. (Il est plus facile à un père d'avoir des enfants qu'à des enfants d'avoir un père).

Tục ngữ Việt Nam cũng nói :

— Một mẹ nuôi mười con, mười con không nuôi được một mẹ.

B.T.

Bức

Họa

★ **COLETTE** (Nữ-sĩ Pháp)
LIÊN HOÀN lược dịch

N GƯỜI họa sĩ ấy, khi dự định tự kết liễu cuộc đời mình, đã có một cử chỉ vừa rất tự nhiên, vừa rất « văn nghệ » là muốn lưu lại cho đời vài nét vẽ trước giờ nhắm mắt. Chàng kéo về mình một tờ giấy khổ lớn, nhưng khi cầm đến cây bút chì thì chàng lại thay đổi ý kiến ngay: « Vài nét vẽ ? Để lại cho ai ? Người gác cổng thừa biết rằng ta sống một mình, tứ cố vô thân. Cô nhân tình cũng đã bỏ ta ra đi lâu rồi. Còn những bức tranh của ta ? Người ta sẽ đem bán cho thiên hạ... Hay ta đốt quách tất cả cho rồi, nhưng cực nhọc quá ! Mùi sơn dầu sẽ xông lên giữa lúc trời đẹp như thế này... kỷ-niệm cuối cùng của ta với cuộc đời, buồn nôn vậy sao ? Ta không thích thế đâu ! »

Chàng hơi do dự, băn khoăn vì một khích động vô cùng ấu-trĩ, vì tính kiêu căng và lòng trung-thực vô cùng linh hoạt : sự cần-thiết ghi lại dấu vết đoạn đời mình đã trải qua, ghi lại giờ phút mình sắp tan biến vào hư vô. Nhìn lại, chàng thấy đó chỉ là việc phải kể lại cuộc đời đau khổ của một kẻ bị phụ tình mà thôi, nào có gì khác đâu ! Chàng quẳng cây viết chì xuống :

« Người xung quanh sẽ ngờ rằng ta muốn tìm sự xót thương sau khi ta nhắm mắt... Thôi, ta hãy vĩnh biệt cõi đời đừng một lời để lại ! Tìm một cái chết hết sức đơn giản, khó lắm sao ? »

Chàng cầm khâu súng, lên đạn, cánh tay mặt bắt giắc tựa vào thành ghế. Trước mặt chàng, một khung vải còn nguyên trình đặt

trên giá vẽ hắt lại mặt chàng mảnh ánh sáng vàng dịu của buổi chiều mùa xuân. Chàng đặt súng lên bàn, từ từ đứng dậy :

« Phải, ta có thể làm việc ấy lắm ! Có lẽ ta phải làm. Ta đang hình dung trong trí ta một khung cảnh giống hệt như cuộc đời của ta. Nó sẽ giúp cho người xung quanh hiểu tại sao ta phải đi tìm cái chết... »

Chàng bắt đầu vẽ, vẽ rất nhanh chóng, nét bút tự do phóng khoáng khác thường. Chàng thoáng dừng tay, nhìn kỹ lại khung cảnh mình định thể hiện vào bức tranh, một khung cảnh gồm bằng những nét đau khổ sinh động, khi thì rõ rệt, khi thì mờ hồ trong những lớp sương mờ tan mạn.

Chàng vẽ một cánh đồng lầy lội ở một miền cô liêu xa lạ. Từng khóm lau đang trắm mình trong một màu nước xám như chì. Trên bình diện thứ nhất, vài chiếc lá hình con ốc nổi lênh bênh như những con thuyền bé nhỏ trôi về tận chân trời khép lại bằng những tán mây giăng hàng, thẳng tắp. Đó chỉ là một vùng lầy lội, lát cói mọc đầy, màu sắc lấp lánh, gió về làm nhả mặt nước và

trên khung trời, những đám mây vừa nặng vừa thấp, nổi nhau ùn ùn kéo đến.

Trên bình diện thứ nhất, chỉ tro tro một thân cây uốn cong theo cơn gió lộng, trông như một cộng cỏ dạt theo giòng nước chảy xiết. Cảnh lờ mờ đã gãy rồi, nhưng còn tươi, dưới làn vỏ bị toác ra là phần gỗ màu trắng tinh.

Bàn tay cuồng loạn bỗng nhiên dừng lại và cánh tay buông xuôi theo thân mình. Chút mệt mỏi làm tê dại giờ phút cuối cùng của cuộc đời.

Chàng họa sĩ nói một mình : « Tâm trạng của ta đó rồi ! Ta rất hài lòng. Bây giờ không còn gì có thể giữ ta lại được nữa. Ta sẽ chết... »

Mảnh trời hình chữ nhật trên khung cửa kính đã chuyển từ màu vàng sang màu hồng ; ngoài kia đang là một buổi hoàng hôn dài, lê thê giữa mùa xuân thắm.

Bỗng dưng, có một giọng hát của một người thiếu nữ ngân lên đầu dãy, lùa vào khung cửa đang bỏ ngõ những âm hưởng của một khúc ca xé lòng. Khúc ca như tỏa ra màu sắc đến nỗi chàng họa sĩ phải ngừng tay nín thở, ngẩn nhìn

ra khung cửa, lòng như muốn đợi chờ những âm thanh lướt qua bằng hình ảnh những nụ hoa tròn trĩnh, những quả cây chín mọng.

Khẩu súng nằm trong tay, chàng nghiêng mình nhìn xuống sân, lòng đầy kinh ngạc. Chàng không làm sao tìm thấy được những nét mới xinh tươi nào đó đang gọi về cho cuộc đời sắp tắt của chàng những lời chào vĩnh biệt vô cùng khoan dung đại lượng.

À, đây rồi, phía bên kia sân, trong một gian phòng nhỏ hẹp tối tăm, có một mái tóc hung hung, óng ánh như những nhánh lúa vàng nằm trong vựa thóc âm u.

Chàng họa sĩ trở lại bức họa, ngồi xuống, tay mân mê chiếc ghế dựa. Một cung bậc vút lên kéo dài hòa lẫn tiếng ngân của chiếc cốc pha lê gần đấy.

« Trên bức họa, hình như còn thiếu một chút gì... một biểu hiện,

một chi tiết rõ ràng... một chi tiết cần thiết như lời chú từ rất tâm-thường trong một bức tranh... »

Chàng đưa nét bút đi trên khung vải. Chàng vẽ lên cảnh cây một con chim màu xám ; con chim đang hót say sưa, đầu ngẩng lên khung trời đã khép lại. Chàng rất hài lòng về bộ lông rực rỡ của con chim và đôi mắt sáng lên như ngọc thạch. Khi đêm vừa xuống và khi người đầy tớ gái mang bữa ăn vào cho chàng thì chàng còn đang đứng sững, tần ngần trước bức họa, khẩu súng vẫn bỏ trên bàn bên cạnh. Chàng đã vẽ xong con chim. Giờ đây, chàng đang dùng chút ánh sáng tím nhạt của ngày tàn để vẽ thêm dưới gốc cây tro tro ấy một đóa hoa ; đóa hoa còn non nớt đang nhô lên khỏi bùn lầy và những cánh hoa đang trải ra một cách đau khổ bướng bỉnh vô cùng.

CHIA BUỒN

Chúng tôi, được tin thân phụ của Bạn Bạch-Yến, cộng sự viên của tạp-chí PHỔ THÔNG, đã thất lạc tại nhà riêng đường Lê Tung — Phú Thọ, ngày 31-7-1960.

Nhơn dịp đầu đón này, toàn thể Ban Biên tập tạp chí PHỔ THÔNG, xin chân thành chia buồn cùng Bạn Bạch-Yến và tang quyến, và cầu chúc hương hồn Cụ nhà sớm an vui nơi miền cực lạc. Toàn thể

Ban Biên tập Tạp Chí PHỔ THÔNG

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 39)

EM cũng giống hệt như anh vậy.

Tôi cho xe chạy thẳng ra khỏi đô thị, để tới một hương-thôn thật xa. Hải-Lan ngồi ngã đầu tựa vào vai tôi. Cô cơ-hồ chẳng hề để ý tới cảnh sắc ở bên ngoài xe, và đương trầm-túy trong một cảnh « hà-tướng » nào đó. Chúng tôi yên lặng, không ai thốt ra một lời nào. Có lẽ sự ái-luyến đương

xâm chiếm tất cả tâm linh của chúng tôi.

Rồi chúng tôi dừng xe ở ven một cái hồ và bước vào một quán cà-phê. Sau khi uống mỗi người, một bôi cà-phê, chúng tôi bèn thuê một chiếc thuyền nhỏ, để chèo ra mãi ngoài xa và thả thuyền phiêu-dăng trên mặt nước. Trước mặt chúng tôi, là dãy núi đen kịt, in hình trên nền xanh-

CÔ GÁI ĐIÊN

lam của da trời. Bỗng, tôi nghĩ tới cái cuộc nhân-sinh mà người đời thường tin rằng : nó chỉ là một thời-kỳ tạm-bợ, nên tôi thốt lên :

— Em có thấy không ? Cái phút tiêu-dao tự-tại này, quả, chẳng xa gì cái cuộc vĩnh-sinh đâu, em ạ !

— Anh bảo gì cơ ?...

Cô ngạc nhiên hỏi tôi mà làm cho tôi nản, không muốn nhắc lại cái điều tôi vừa nghĩ tới. Tôi bèn nói lảng sang việc khác; tôi đáp :

— Một khi Bạch-Tần bình-phục, nàng sẽ tùy thuộc trong tay y-sư Xa-lạp-Mỹ, và, như vậy, trách nhiệm của anh, thế là hoàn tất vậy.

— À, nhưng rồi anh còn phải đưa nàng đi nghỉ ở miền Nam, kia mà !

— Thế em, liệu em có cùng đi với nàng, không ?

— Cả anh nữa, anh nhất định phải bồi bạn nàng chứ ?

— Không đâu, em ạ. Anh không đi, và, cả em nữa, em cũng sẽ không đi.

— O, sao vậy, anh ?

— Vì, từ nay về sau và mãi mãi, anh là của riêng em, mà em em là của riêng anh; chúng ta nhất

quyết không dính dáng gì tới Bạch-Tần nữa.

— Nhưng... Bạch-Tần...

Cô vừa nói, vừa nhìn ra quãng thiên không xa tắp. Mấy lời đối-thoại dưới đây như lửng lơ ở trên cõi vân tiên. Tôi nói :

— Bất cứ vì một lẽ gì, chúng ta nhất định phải xa nàng, vì, ở nàng, có sẵn, một thứ ma lực, nó chấn áp cuộc ái-luyến của chúng ta.

— Thế là thế nào, hả anh ?

— Nàng dùng cái tinh-thần phản thường của nàng, với một sức quyến-rũ kỳ-ảo của khoé mắt, của nụ cười, để khuất phục chúng ta. Nhất nhất, đối với một cái mệnh-lệnh, một lời sai khiến nào của nàng, chúng ta cũng đều phải vâng theo răm-rắp...

— Có lẽ, vì nàng có một thứ tinh-thần vĩ-dại...

Nói tới đó, Hải-Lan ngược mắt nhìn tôi và để lộ một nét cười nó thiếu hẳn tự nhiên. Rồi cô nói tiếp :

— À, nhưng mà, anh này, tại sao, trong cái hoàn cảnh, cái thời gian của riêng hai ta, tại sao, ta lại đi đem một câu chuyện của một kẻ khác xen vào, để nó chi phối tâm tình của chúng ta ?

—

Tôi không biết nói sao, nên chỉ lặng yên. Chúng tôi ngồi yên như vậy khá lâu.

Bỗng, ở xa vẳng lại tiếng chuông của một giáo đường. Hải-Lan liền bảo tôi :

— Anh ạ, ta hãy ghé thuyền vào bờ bên kia, rồi ta lên bộ, đi thăm giáo đường anh ạ.

Tôi bèn ra tay chèo đờ cho thuyền ghé vào bờ, ở mé chân núi. Ngày đông vắng vẻ, người đi lại rất ít là thừa thớt. Tôi thấy lòng nhẹ lâng lâng.

Theo con đường núi chập-chùng, chúng tôi đi xuyên qua một cái thôn xóm nhỏ. Bước qua trước mặt mấy gian nhà xinh xắn, tôi vụt nhớ tới một nơi tổ ấm, nên tôi quay lại bảo với Hải-Lan :

— Em ạ, có lẽ rồi đây, chúng ta nên tới nơi này, để cùng nhau yên hưởng một cuộc sống thanh-tao, an-dật, em nghĩ sao ?

— Đối với cuộc sống, em thiết tưởng, ta chỉ nên tuân theo sự an bài của đấng Thượng-đế, thì hơn, anh ạ.

Cô nói rút lời, thì, ở trước mặt chúng tôi đã xuất hiện ra một thánh thất có vẻ cổ phác.

Hải-Lan bước vào, kính cẩn

quỳ xuống, rồi đứng lên, và đi nhúng tay vào bồn nước phép để chấm vào ngực, làm dấu thập tự. Sau, cô đến quỳ trước bàn thờ Thánh mẫu, miệng lầm nhảm cầu nguyện. Tôi cũng quỳ ở một bên cô.

Xong đó, tôi nói :

— Anh không ngờ em lại là một tín nữ kiên-thành của cơ đốc giáo ?

— Cô hạ giọng, khẽ đáp :

— Quả tình, em không phải là người có đạo, nhưng, em vì anh, mà cầu xin phước lành cho anh.

— Anh đa tạ em đã nghĩ tới anh, nhưng anh thiết-tưởng, em cũng nên cầu xin cả cho em nữa, chứ ?

— Cái đó đã dĩ-nhiên, nhưng em tin rằng, có anh, anh sẽ cầu nguyện cho em.

— Anh chỉ tiếc, anh cũng không phải là tín đồ của đức Giê-xu.

— Em biết thế đấy chứ, tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể dâng lên người một mối tâm-thành, mà ở đáy lòng mỗi người trong chúng ta, ai chẳng có.

Thiết tình, mấy lời đó làm cho tôi vừa kinh ngạc, vừa thán phục

cô. Tôi vội nắm lấy tay cô, cảm động, nói :

— Hải-Lan ! Anh không thể nào, tưởng tượng được rằng, với cái tuổi thơ ngây của em, mà em lại có những cảm xúc thâm trầm, cao thượng nhường ấy !

Cô đề lộ trên làn môi thắm hồng, một nụ cười rất hồn nhiên, mà bảo tôi :

— Tương lai sẽ cho anh biết rõ em hơn... à mà tại sao, anh lại có cái thành kiến, là em chỉ luôn luôn ở trong vòng ấu-trĩ, kia ?

Tôi yên lặng dắt cô bước xuống chiếc thuyền con, rồi, dịu-dặt bờ nhẹ mái chèo, để trở về nơi bến nước, của du thuyền. Lúc ấy, mặt trời vừa khuất đầu non, nước hồ phẳng lặng như một tấm gương sáng ngời.

— Cặp bến và bước lên bờ xong, Hải-Lan chỉ về phía sau của cái quán cà-phê, hỏi tôi :

— Những gian phòng kia, có phải để đón lữ khách, không, anh ?

— Đúng đấy, nhưng em hỏi để làm gì ?

— Anh à, nơi đây cảnh đẹp nhường này mà bỏ, đi về, ườn quá ! Ta nên nghỉ lại đây, để

sáng mai, xem mặt trời mọc, anh nhá !

Trong một giây đồng hồ, tôi cảm thấy một nỗi vui sướng lạ-lùng không sao nói được nên lời, nhưng rồi, tôi không khỏi không nhận ra, ngày hôm nay, từ lời nói, tới việc làm của Hải-Lan, nhất nhất đều có một vẻ dị thường kỳ quái ! Tôi chỉ ám hiểu như vậy, chứ không sao giải thích nổi, hoặc, tâm cảnh của tôi trong lúc đó, đã bị xáo trộn đến một mức tôi chẳng còn có một tí lý trí nào, để suy luận nữa.

Lên khỏi bờ, chúng tôi đi thẳng đến lữ-quán. Lữ quán ở ngay dưới chân núi và cái gian phòng của chúng tôi trông ra hồ. Ở đây, nhìn ra, chúng tôi có thể thấy, ngoài kia, màn đêm đã bao phủ lấy mặt hồ ; trời và nước đều một màu đen tối, dày đặc.

Bây giờ vào tiết đông quý, nên lữ-khách chẳng có bao người. Chúng tôi cùng nhau dùng bữa tối một cách vô cùng thư thái và an-tĩnh.

Hải-Lan rất đổi vui vẻ. Cô nói luôn miệng và dần dà, cô đem chuyện thời thơ ấu của cô ra, kể cho tôi nghe. Trong khi

đương dầm ảm đó, bỗng cô thở dài và trên hàng mi cong của cô, có long lanh giọt lệ. Tôi vội ngồi xích lại gần cô, và ân cần hỏi :

— Ô, em có điều gì u-ẩn hẳn thôi ?

— Không, em không có điều gì cả.

— Anh chẳng nghe, em phải nói cho anh rõ... Em có biết không, suốt cả ngày hôm nay, anh nhận thấy, thái độ của em thật là kỳ lạ, bất thường !... Tại sao vậy, hả em ?

— Chẳng tại sao cả, anh à...

Cô ngừng nhìn tôi, mỉm cười, và, vừa nuốt lệ, vừa nói tiếp :

— Em cảm thấy em hết sức khoái lạc... Thế còn anh, em muốn biết rõ, anh có được vui lòng đẹp ý không ?

— Em không cần anh trả lời em, em cũng hẳn đã cảm thấy, lòng anh đương tràn ngập một niềm vui tuyệt đích !...

Nói tới đó, tôi liền quỳ xuống trước mặt cô và nói tiếp :

— Anh xin thành thực nói để em rõ, cái ngày hôm nay, quả là

một ngày đầy khoái - lạc, đầy quang - minh, đầy mỹ - cảm, một ngày lý tưởng độc nhất, vô nhị của đời anh !... Ngoài em ra, ở trên đời này, không còn có ai là người thứ hai có thể ban cho anh cái vinh quang đó !

— Em mong anh sẽ ghi nhớ mãi mãi, cái ngày vui này, trong trí nhớ !

— Anh xin thề với em, anh sẽ nhớ nó cho tới ngày anh nhắm mắt, lìa bỏ cõi đời... Cũng vì cái ngày hôm nay, anh sẽ xin đem tất cả lý tưởng, sinh mệnh và ái - luyến, để phấn đấu.

Cô ôm lấy đầu tôi, hôn vào mái tóc tôi và nói :

— Nếu được thế, thì đó là một sự quang vinh cho em...! Em chỉ cầu mong có bấy nhiêu !

Tôi tựa má lên đầu gối cô. Chúng tôi đều yên lặng để trọn hưởng lấy cái giây phút thần tiên đó, Hải-Lan đã đem cả linh hồn, lẫn thề chất giao cấp cho tôi và chúng tôi đã đem tất cả sinh mệnh ra, để dung-hòa với nhau.

(Còn tiếp)

Mình ối !

MÌNH ối,
Mình đã
xem tờ báo *Tự-Do*
này chưa ?

— Chưa.

— Tờ báo cũ,
cách đây hơn một
tháng rồi.

— Anh không
có coi. Có chi lạ ?

— Có cái ông
nào viết bài đá
Nguyễn - Vỹ một
cú đau điếng đây
nè !

— Ối ! người
ta đá N. V. thì
N.V. rần chịu, ăn thua gì đến
tự mình.

— Nhưng người ta bảo câu
đối gì... gì... «*một thầy, một cô,*

từ

CAO-BÁ-QUÁT

đền

OSSIAN

một chó cái » là của Cao-Bá-Quát, sao N.V. lại bảo là của Nguyễn-công-Trứ.

— À, cái đó thì láo thật !

— N.V. láo, hay ai láo, hả
Mình ?

— Cao-bá-Quát láo chứ ai !
Câu đối của Nguyễn-công-Trứ,
mà ông ấy dám nhận là của mình !

Cao-bá-Quát có phải là một thầy đồ nghèo đâu. Ông ấy làm quan đến chức giáo thụ cơ mà ! Học trò của quan giáo-thụ là học trò lớn, khăn đen áo dài, sắp đi thi Hương, đến trường Phủ Quốc-Oai để nghe quan Giáo-thụ bình văn, chứ đâu phải là dăm ba đứa học trò rách rưới, « nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi » !

— Nhưng Cao-bá-Quát chịu tiếng oan là « đạo văn » tại người ta viết sách văn-học-sử gán cho ông đấy chứ.

— Thì ai viết sách sai đó là có tội.

— Tại sao họ viết sách cho học trò học đi thi Trung-học, mà họ dám viết câu thả thế ?

— Tại vì họ không chịu khó tra cứu cho đến nơi đến chốn. Họ viết để bán kiếm tiền, chứ không phải viết cho văn-học-sử. Tại họ viết sách « văn học » câu thả, xuyên tạc tài liệu lịch-sử như thế, cho nên họ đã truyền bá học thức lầm lẫn cho hàng muôn vạn học-sinh, cho cả bao nhiêu người muốn tìm hiểu về văn - chương Việt-nam ! Ông Lão-Tử nói văn hóa sai lầm có thể giết cả một thế hệ người ta, là như thế đấy. Chính câu đối này : « Nhà trống

ba gian, một thầy, một cô, một chỗ cái ; Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi » là một câu có từ hồi thế-kỷ XIX, người ta thấy hay mới truyền tụng đến ngày nay, nhưng lâu ngày rồi không ai còn biết tác giả của nó là ai. Vì thế, ở Hànội trước đây đã có nhiều người nói câu đối ấy là của TÚ XƯƠNG, hoặc là của NGUYỄN CÔNG TRỨ, có kẻ lại nói là của CAO BÁ QUÁT. Tại vì họ thấy Tú - Xương không có dạy học, họ cũng tưởng rằng NGUYỄN CÔNG TRỨ không có chính thức dạy học hồi nào, còn Cao-bá-Quát đã có dạy học hẳn hoi, thế là một vài nhà viết văn-học-sử dựa vào lý luận hấp tấp và sai lầm đó mà gán đại câu đối hiện ngang trào lộng kia cho Cao-bá-Quát. Một người làm sách đầu tiên viết câu thả như thế, rồi một vài người khác cũng lấy tài liệu dễ dàng, đã sẵn có đó mà viết theo, không chịu mất công tra cứu lại.

— Mấy nhà viết văn học sao không cân nhắc phân minh, nhận xét đích xác, mà cứ nhắm mắt viết liều lĩnh như thế được nhỉ ?

— Thế mới là chuyện đáng

buồn cho văn học sử của nước ta, gặp những tác giả không có lương-tâm văn-hóa làm xuyên tạc cả nền văn học tốt đẹp của các cụ thời xưa để lại ! Thêm một câu đối kia, cái tài của Cao-bá-Quát vẫn không tăng thêm lên được. Mất câu đối ấy, cái tài của Nguyễn-công - Trứ cũng không phải kém đi. Nhưng đã tự nhận lãnh trách nhiệm nghiên cứu và phổ-biến các gia tài văn học từ xưa, nhà văn học sử cần phải thận trọng và phải có trí óc nhận xét, phê-bình, phân tách để tránh được sự lầm. Nếu nhà văn học truy cứu đến thời đại của Cao-bá-Quát, một quan Giáo thụ hàm chánh Thất-phẩm đang nhậm chức tại một Phủ lớn như Phủ Quốc-Oai ở trấn Sơn-Tây, thì họ không dám hạ bút xuống viết rằng câu đối kia là của quan Giáo thụ. Muốn chứng minh trái lại, người viết sách văn học sử kia nói một cách rất tự nhiên rằng Phủ Quốc-Oai và tỉnh Sơn Tây là « một nơi hẻo lánh » ! Thế là họ bắt chấp luôn cả Địa-dư và Sử-ký của Việt-nam !

— Các sách học trò ở các lớp Trung-học hiện nay còn nhiều sai lầm như thế không, hả mình ?

— Nhiều lắm, Minh ơi !

— Sao Bộ Giáo dục cứ để cho học trò học các sách như thế nhỉ ?

— Minh lên mà hỏi ông Bộ-trưởng Giáo dục ! Anh chịu, không trả lời được câu hỏi của Minh.

— Pa-gai !

— Một câu đối không đáng kể. Nhưng nó là một thí dụ điển hình của bao nhiêu lỗi-lầm quan trọng hơn. Minh xem, như bài thơ *Chùa Trấn Bắc*, có hai câu kết :

*Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?
Khéo ngần-ngơ thay lũ trọc đầu!*

Minh có tin rằng bà Huyện Thanh Quan làm những câu thơ kém lẽ độ, kém thanh tao như thế không ?

— Không. Thơ bà Huyện Thanh-Quan có vẻ quý - phái lắm, trang nhã lắm, chứ đâu lại có cái giọng phàm tục quá vậy ?

— Ấy thế mà trong *Việt Nam Thi Văn hợp tuyển* của Dương Quảng Hàm, « hiệu đính theo chương trình bậc Trung Học », in lần thứ năm, 1958, do Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, bảo là của Bà Huyện Thanh Quan ! Nếu Bà Huyện Thanh Quan là người theo đạo Phật, không bao giờ bà làm thơ khinh-miệt mấy ông Sư. Nếu bà không ưa

đi chùa chiền, chúng ta dám tin rằng cũng không bao giờ bà hạ bút xuống viết một câu thơ rất thô-lỗ như thế. Huống chi, Bà Huyện Thanh Quan là người sùng đạo Phật, Bà đến viếng cảnh chùa :

*Khách đi qua đó, chạnh niềm
đau*

Bà diễn tả những nét rất thanh tao :

*Mấy tòa sen rớt mùi hương
ngự*

*Năm thức mây phong nếp áo
chầu,*

Thì thử hỏi Bà Huyện làm sao còn viết được :

*"kheo ngần ngợ thay lữ trọc
đầu" ?*

— Em, thì em cho rằng một là bài thơ ấy không phải của Bà Huyện Thanh Quan, hai là nếu bảy câu trên có thể là của Bà thì câu kết nhất định là không phải.

— Chính câu kết đó chứ lại tất cả 7 câu trên ! Nếu quả thật Bà Huyện Thanh Quan là tác giả câu thơ kia, thì Bà không xứng đáng là một nữ sĩ tài hoa, một bậc mệnh-phụ đoan trang tao nhã nhất ở thời vua Tự-Đức.

— Mình ơi ! Văn học sử các

nước khác trên thế giới có lộn xộn như thế không, hà Minh ? Có râu ông nọ cắm cằm bà kia không ?

— Không. Hay là có mà anh không được biết. Nhưng cứ theo các lịch sử văn chương Âu-châu và cả Á-châu, Ấn, Tàu, Nhật, v.v.. mà anh tìm tòi học hỏi từ trước tới giờ, anh chưa gặp một nghi-vấn nào. Tác phẩm của nhà văn nào, là nhất định của nhà văn ấy. Chỉ trừ một đôi trường hợp khác thường, như Thi sĩ HOMÈRE ở thời Cổ Hy-Lạp, Thi sĩ OSSIAN của thời xưa Anh-quốc...

— Mình nói về hai trường hợp ấy cho em nghe.

— HOMÈRE là một Thi sĩ lừng danh nhất và xưa nhất của Hy-Lạp, và của cả Thế-giới. Nhưng không ai biết một tý gì về tiểu sử của ông. Đến đời người ta chỉ nói đến cái tên của ông, mà không chắc chắn rằng ông có thật. Nhiều người nghi-ngờ rằng Homère là một cái tên bịa đặt, chứ không có Homère nào cả. Chính những kẻ muốn tin là ông có thật, và gán cho ông là tác giả hai tập thơ hùng-tráng-ca. hấp-dẫn vô cùng, và

lùng lẩy tiếng tăm cả thế giới : tập *Iliade* và tập *Odyssee*, cũng không dám quả quyết là ông sống hồi thời nào. Tuy rằng bảy thành phố Hy Lạp tranh dành nhau cái vinh-dự là nơi sinh-trưởng của Homère, nhất là hai thành KYMÉ và SMYRNE, nhưng những ngày tháng năm sáu mà người này và người kia gán cho ông, cách biệt nhau hàng 400, 500 năm ! Như thế làm sao người sau tin cho được ! Hiện nay, các nhà sử học thế giới cho rằng HOMÈRE có thật, và sống hồi thế kỷ thứ IX trước J. C. Nhưng thế-kỷ XVII, một vị giáo sĩ Pháp là ABBÉ d'AU-BIGNAC quả quyết rằng Homère là một nhân vật mà người đời xưa tưởng tượng ra, chứ không có thật, và những kiệt tác *Iliade*, *Odyssee*, là một sự nghiệp tập-thể do nhiều thi sĩ làm ra mỗi người một vài chương rồi gộp lại thành bộ. Thế-kỷ XVIII nhà sử-học Đức là WOLF cũng cho rằng các bản hùng tráng ca có danh tiếng kia là những bài hát tự xa xưa truyền miệng, rồi có nhiều thi sĩ Hy Lạp chép lại thành bộ. Nhưng đầu Thế kỷ XIX, các nhà Văn-học-sử đồng ý rằng hai quyền thơ của Homère

không đến đời quá xưa như thế, và không thể nào do nhiều người làm chung được. Phải có một Thi-sĩ có thiên tài chép lại các bài ca xưa và bổ túc thêm vào với lối văn tài tình riêng của nhà Thơ, mới thành được hai bộ sách quý giá *Iliade* và *Odyssee* mà ngày nay đã được dịch ra các thứ tiếng. Chỉ một Homère mà bao nhiêu thế hệ kế tiếp nhau mô xẽ từng ly từng tý, từ tiểu-sử đến tác phẩm, phân tách, phê-bình, lựa lọc, đến nay cũng chưa thật khám phá ra hoàn toàn cái bí mật của Homère ! Homère là trường hợp duy nhất trong văn-học sử thế giới.

— Mình đã đọc hai bộ sách *Odyssee* và *Iliade* ấy chưa ?

— Ai cũng phải đọc, vì nó chứa đựng nhiều điển tích hay lắm. Phải đọc để cho biết một nhà thi sĩ cổ cụ nhất của loài người, sống cách nay ba bốn ngàn năm, nói những chuyện chi.

— Những chuyện chi, hà mình ?

— Hay lắm ! Đọc say mê như chuyện thần-tiên. Đề hôm nào rồi anh kể cho mà nghe. Sắp đến giờ đi xi-nê rồi.

— Thôi, em không đi xi-nê nữa đâu. Mình kể đại-khái, sơ-

luộc, cho em nghe đã.

— Trong *Iliade*, Thi - sĩ kể cuộc chiến-tranh tại thành Troie bị quân Achéens bao vây đã 10 năm, bị binh dịch tả ghê gớm, vua Agamemnon bắt cóc nàng Brilis, nữ tù-binh của Achille v... v... rồi Công chúa Hélène xuất hiện, v.v... Achille và Hector đánh kiếm v.v... Dài lắm, đề hôm khác tớ kể rõ từ đầu chí cuối cho mà nghe.

— Còn *Odyssée* ?

— *Odyssée* thuật cuộc phiêu lưu của Ulysse, vợ là nàng Pénélope ở nhà dệt lụa chờ chồng v.v... Bao nhiêu công tử công tôn chọc ghẹo, quyến rũ, nàng vẫn một mực trung thành với chồng v.v... Trong lúc đó, Ulysse đổ bộ trên hòn đảo Calypso, được nữ thần Calypso yêu say mê, v.v... dài lắm, dài lắm... Tớ sẽ kể một dịp khác, có mạch lạc kể tiếp nhau, hay hơn...

Đề bây giờ nói nốt trường hợp đặc biệt thứ hai trong lịch-sử văn-học quốc-tế, là Thi sĩ OSSIAN. Chàng là một tay anh hùng mã thượng của tỉnh Scotland, phía bắc nước Anh, hồi Thế kỷ thứ III. Chàng đi đánh trận gặp nàng Evir Allin, hai người trai tài gái

sắc mê nhau rồi lấy nhau. Đề được đưa con, tên là Oscar. Oscar lớn bị tử trận, để lại người, vị-hôn-thê, tên là Malvina đau khổ buồn rầu. OSSIAN vì thương con, khóc quá sưng mắt rồi mù luôn. Ông bỏ đi lang-thang đây đó, hát lên những bài hát xúc-cảm, lâm-ly, não-nuột vô cùng, rồi ông chết. Nhưng không ai biết đến ông.

Mãi đến Thế kỷ XVIII, nghĩa là 1500 năm sau, một nhà Thi - sĩ ở tỉnh Scotland tên JAMES MACPHERSON (1736-1796) xuất bản một tập thơ đề là « *Thơ Ossian* » mà ông nói là của OSSIAN, chứ không phải của ông. Ossian là ai ? Không ai biết cả. Ông mới kể rõ lai lịch của người nghệ sĩ mù, và nói rằng những bài thơ ông xuất bản chính là ông đã chép lại một bản thảo rất xưa của Ossian do thi sĩ dấu, một nơi bí mật mà ông đã tìm ra được (1760). Sự thực có phải như thế thật không ? Hay là OSSIAN chỉ là một nhân vật tưởng-tượng mà thi sĩ James Macpherson bịa đặt, cả người, cả tiểu sử ? Dù sao, tập thơ có giá trị đặc biệt ấy được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh và đã mở đầu một

thời đại văn thơ lãng mạn làm sôi nổi các giới văn học Anh và cả Âu-châu. Tập thơ được tái-bản tại Thủ - đô London năm 1807, trong đó có hai bài *Fingal* và *Témora* là hai bài hùng tráng ca đặc biệt nhất, đến đổi các thi-sĩ lãng mạn lừng danh nhất ở Pháp thời bấy giờ, như LAMARTINE, MUSSET, VICTOR HUGO, CHATEAUBRIAND, Bà DE STAËL đều chịu ảnh hưởng. Chính Hoàng - đế Napoléon 1er cũng đọc say mê tập thơ của Ossian. Mà Ossian có lẽ chỉ là cái tên do James Macpherson đặt ra chứ không chắc là có người thật. Vì thế, các nhà văn học sử gọi kèm là OSSIAN MACPHERSON. Nhưng sau đó nhiều nhà phê-bình văn học, nhất là Bác sĩ JOHNSON, đòi Macpherson phải xuất trình bản thảo nguyên văn của Ossian cho mọi người thấy rõ, xem thực hư thế nào. Macpherson nhất định không trình. Người ta liền cho ông là « bịp ». Nhưng Macpherson có xuất bản hai tập thơ riêng, ký

tên ông, đề là « *Người nút* » và « *Người săn bắn* ». Hai tập này đối với tập « *Thơ Ossian* » kém xa một trời một vực. Do đó, người ta đoán chắc rằng nếu thi-sĩ OSSIAN không có thật, thì Macpherson cũng chép thơ kia theo một tài liệu rất xưa nào đó mà ông giữ bí mật hoàn toàn. Chứ nhất định Ossian không phải là ông. Đến nay vừa đúng 200 năm, mà bí mật Ossian vẫn chưa ai khám phá ra.

★

Ông Tú vừa dứt câu, ngo đồng hồ, rầu-rĩ nhìn bà Tú :

— Thôi, 9 giờ rưỡi khuya rồi ! Em cứ bắt anh nói chuyện Homère và Ossian, trễ hết giờ, đi coi xi-nê gì được nữa ! Không biết, anh bắt đền em đó !

Bà Tú mỉm cười, vuốt ve an ủi ông Tú :

— Đề em đền cho Minh !

Diệu Huyền

Quê
xưa
cả
nhớ...

★ Bà TƯƠNG-PHỔ

Nàng tình cố hương, những tâm hồn bịn rịn
tháng ngày chẳng đành xa luyến tre xanh quê nhà. Mà
vết chốc non sông chia rẽ, ranh giới cắt đường, rồi ò-
ạt bị làn sóng Di-Cur đưa dạt đến những phương trời
xa lạ, năm rồi lại năm, thì có khác gì nàng trinh nữ
yêu kiều nọ, vì loạn ly một sớm biệt quê đi, để dài lưu
lạc tha phương. Đây, lời Quê gửi Nàng Trinh-nữ
(*) phương trời xa xăm ấy...

Saigon, 20-7-1960.

Nàng Trinh nữ biệt Quê đi
Lòng Quê chi xiết những khi gió chiều
Hương Quê đầm thấm tình yêu
Nhớ nàng trinh nữ yêu kiều tha phương
Chiều chiều bóng ngả bên nương
Quê xa ai có vấn vương tình làng
Bâng khuâng biết mấy muôn vàn
Kìa trăng bóng lờ, nọ ngàn tre thưa

Gió trăng mấy độ say sưa

Ban nàng Trinh nữ năm chưa xa nhà

Giờ đây sóng dạt trời hoa

Ly hương khúc dạo lệ hòa ngang cung

Tự do ra sống vẫy vùng

Nay tìm đâu cảnh vô cùng yên vui

Nước non chia rẽ ngậm ngùi

Dễ say phong gấm của đời phồn hoa (2)

Lần lữa tháng lại năm qua

Đâu nàng Trinh nữ Quê nhà xưa yên

Phong đây cả một buổi nhiều

Phong đây cả tiếng sáo diều tiền đưa... (3)

- (1) Trinh = Vì chưa từng đem tấm thân mình hứa với một phương trời xa lạ nào.
- (2) Dù may mắn sống trong gấm lụa, phấn điểm son tô, ngựa xe rong ruổi, cũng chưa dễ mà khuây được lòng người trinh nữ ly hương ấy!
- (3) Tiền đưa = Không phương tiện cầm nhau lại được, âu đành phải tiền đưa nhau.

Những người dân bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ



BÀ TỔNG - THỐNG

E V A
PERON

**Một cô gái 17 tuổi,
mồ-côi cha, thất-nghiệp
đi lang-thang trong thủ
đô, kiếm việc làm.**

TÊN cô là MARIA EVA DUARTE, sinh ngày 7 tháng 5 năm 1919 trong xóm Los Toldos ở vùng ngoại-ô bình dân của Buenos - Aires, thủ-đô xứ Cộng-hòa Argentine, Nam-Mỹ. Cha cô là một người thường dân, lấy một cô vợ trẻ không làm giấy giá thú, sinh được năm người con gái. Maria Eva Duarte là gái út. Mẹ cô sinh cô được mấy hôm thì người cha chết. Gia đình nghèo túng, bà liền dọn đến ở một quận nhỏ gần thủ-đô. Nhờ mẹ cần kiệm, cô gái lớn được đi học, rồi làm công chức ở sở Bưu-điện. Bà dành dụm tiền, mở một nhà nội trú nuôi cơm thắp cho học trò. Nhờ vậy mà bà gả được hai cô con gái cho hai cậu học trò ở nhà bà.

Maria Eva bấy giờ đã 16 tuổi, đang đi học, tính tình ranh mãnh nhất nhà. Bà mẹ cũng có ý định

hễ có một cậu học trò nào ở trọ nhà bà mà tỏ ý thương cô bé, thì bà sẽ gả nốt cô gái út cho người ta. Nhưng Eva không thích thế. Mặc dầu nhỏ tuổi, cô đã có ý tự lập, không muốn y lại vào mẹ và chị, cũng không muốn lấy chồng học trò. Có một viên sĩ-quan tròn trẻ tuổi, ăn cơm tháng nhà bà, muốn ve vãn Eva, bà mẹ bằng lòng, nhưng cô nữ sinh 16 tuổi trẻ môi bảo mẹ : « Con không thèm làm vợ sỹ quan. Một là con lấy chồng làm đại tướng, hai là con lấy tài tử ci-nê ». Mẹ cô ép gả cô cho viên sỹ-quan, tức mình, cô bỏ nhà trốn lên Thủ-đô.

Trong túi không có được một đồng xu, Eva đi lang thang kiếm việc làm. Cô đến gõ cửa từng nhà để xin việc. Cô bằng lòng làm cả đũa ở. Với giọng nói cương quyết nhưng dễ thương, cô bảo : « Rửa chén bát, quét nhà, giặt đồ, hoặc làm thư ký, đánh máy chữ, bán hàng, cháu làm được cả ». Nhưng ai cũng lắc đầu, không nhận. Eva không thất vọng.

Nhân có cuộc thi tuyển ba cô điện thoại viên vào sở Bưu-điện, cô làm đơn ứng thí, và thi đậu. Nhưng làm được mấy tháng cô chán nản bỏ việc để đi đóng xi-nê. Eva có sắc đẹp, ăn ảnh.

nhưng vì không biết chịu đựng đạo diễn, nên cô chỉ được đóng vai phụ trong một vài phim không có tiếng tăm. Cô muốn đóng với tài tử lừng danh, nhưng đạo diễn không cho. Cô tức giận bỏ đi. Đài phát thanh Belgrano cần dùng một nữ xướng ngôn viên, cô đến xin, nhờ nói năng tự nhiên và giọng tốt, cô được thuê nhận vào làm.

Cô vừa được 17 tuổi.

**Một cuộc động đất lớn
lao ở tỉnh San Juan, và
một tiếng sét đánh vào
trái tim ông Tỉnh Trưởng**

EV A làm nữ xướng ngôn viên đài phát thanh Belgrano cho đến khi 25 tuổi, vẫn chưa chịu lấy chồng. Bao nhiêu người muốn yêu cô, cô không yêu. Hồi cưới, cô không nhận. Người ta bảo : « Eva khó tính quá nhỉ ! » Cô mỉm cười đáp : « Chưa gặp người yêu, chưa phải lúc yêu ! »

Mấy cô bạn gái chế nhạo Eva : « Chà ! Làm cao dữ !

Định chờ đến mấy chục tuổi mới lấy chồng ? » Eva mỉm cười đáp : — Chưa biết !

— Muốn kén ông chồng như thế nào đấy ?

— Chưa biết !

Không phải cô gái 25 tuổi muốn làm cao. Lương xướng-nghôn-viên của cô mỗi tháng chỉ một ngàn rưỡi đồng, vừa cho cô tự-túc, gọi là để sống cuộc đời bình-dị, nghèo nàn, tạm bợ thế thôi. Nhan-sắc tuyệt đẹp, tính tình rất vui vẻ, lịch-thiệp, nhưng không có người đàn ông nào lọt được vào cặp mắt xanh của cô. Đôi mắt xanh màu da trời đã làm cho bao nhiêu người mê mết, nhưng Eva vẫn thờ ơ, chưa thấy lòng rung-động vì tình yêu.

Bỗng dưng một buổi sáng năm 1944, cả xứ Argentine và khắp thế giới xôn xao vì một tin kinh khủng : thành phố San Juan bị một trận động đất ghê-gớm, trong giây phút có trên mấy ngàn người chết ! Và mấy chục ngàn người không có nhà ở. Nhà cửa, lâu đài, sụp đổ ngổn ngang, cả thành phố bị tiêu-diệt hết. Tỉnh-trưởng San Juan là một Đại tá, tên là JUAN

PERON, tức tốc lên phi cơ bay về thủ đô để cầu cứu với chính phủ.

Ông được phép gọi thể giới giúp đỡ tiền của và dụng cụ để cấp cứu tai nạn. Ông đi thẳng đến Đài phát-thanh, hỏi ông giám đốc :

— Tôi cần một cô xướng ngôn viên có giọng nói thật tốt và thật cảm động để đọc lời kêu gọi của tôi.

Ông giám-đốc trả lời liền :

— Thưa Đại-tá, chúng tôi có cô Maria Eva Duarte.

Ông Giám-đốc cho gọi Eva đến để trình diện với Đại-tá. Eva và Juan Péron gặp nhau, bỗng dưng như có tiếng sét đánh xoẹt vào hai trái tim. Bốn mắt chạm nhau, thông cảm ngay trong giây phút đầu tiên.

Péron trao cho Eva một tờ giấy, và bảo :

— Cô hiểu tôi muốn gì chứ ? Tiếng nói của cô sẽ là tiếng lòng của tôi, truyền ra trên các làn sóng điện, để cứu mấy vạn người đang quần quai đau thương ở San Juan. Tôi tin hoàn toàn nơi cô.

Eva khẽ gật đầu, cầm tờ giấy đến trước máy phát thanh, đọc. Péron nghe hết từ đầu đến cuối.

Giọng nói của Eva vô cùng cảm động, tha thiết, hồi hộp, đau thương, khiến chính ông là tác giả cũng phải rung rung ứa hai giòng lệ. Eva đọc xong, đọc lại một lần nữa, cảm động hơn nữa.

Xong, tay còn run run, cô trả tờ giấy lại cho Đại tá. Péron quá xúc động, nắm bàn tay Eva, khẽ bảo :

— Cảm ơn cô Eva, Dân chúng San Juan xin cảm ơn cô.

Chiều hôm ấy, ông mời Maria Eva Duarte đi dùng bữa với ông tại Le Tigre, một tiệm ăn thơ mộng nhất ở thủ-đô Buenos-Aires. Trong câu chuyện thân mật giữa hai người, Đại-tá Juan Péron thú thật :

— Tôi có vợ, nhưng đã ly-dị từ lâu. Còn cô ?

— Tôi chưa có chồng.

— Cô bao nhiêu tuổi ?

— 25. Còn ông ?

— 49.

Hai người nhìn nhau, mỉm cười, im lặng. Hai tia mắt đã phối-hợp êm đềm và chặt-chẽ cuộc tình duyên bất ngờ của hai số kiếp.

Từ hôm ấy, chiều nào người ta cũng thấy chiếc xe hơi của

Đại-tá Péron đến đậu trước cổng Đài phát thanh Belgrano để đón cô Eva.

Nhờ sự tận tâm cứu vãn tai nạn San Juan và sự tuyên truyền khôn khéo của Eva, Đại-tá Péron được uy tín lớn đối với dân chúng và chính phủ. Ông được gọi về thủ-đô, làm Phó Tổng Thống, kiêm Bộ-trưởng Bộ Lao-động và Bộ Quốc-phòng. Eva vẫn còn làm xướng ngôn viên ở đài phát thanh để cổ động dân chúng ủng hộ Péron.

Hình như đôi tình nhân đã sắp đặt với nhau một kế hoạch tuyên truyền khéo léo để Péron được nhân dân ủng hộ trong cuộc bầu-cử Tổng-thống sắp tới, tháng Hai năm 1946.

Ở đài phát-thanh, Eva luôn luôn lợi dụng đủ các cơ hội để cổ động cho người yêu, và đề cao những tác phong chính trị và xã hội của ông.

Mấy cô bạn gái của Eva biết rõ cuộc ái ân say mê của nàng với Đại-tá Péron, nhưng vẫn nhạo báng nàng, vờ như không biết :

— Thế nào chị Eva, chừng nào chị lấy chồng đây ?

JUAN PERON



**NHÀ ĐỘC-TÀI
TỔNG - THỐNG**
Cộng - hòa Argentina

Eva vẫn mỉm cười như xưa :
— Chưa biết.
— Chị muốn kén người chồng như thế nào ?
— Chưa biết !

Một mình nàng chỉ huy 50.000 người dân đói rách « không có áo sơ-mi », chiếm dinh Tổng Thống

GIỮ A lúc uy-thể của Péron đang tăng cường nhờ sự cố động rất khôn lanh của Eva, thì một vị Trung-tướng, tên là Avalos, ganh-ghét Péron, liền nổi loạn, gây một cuộc đảo chính, ngày 12 tháng 10 năm 1945. Mục đích cuộc đảo chính là bắt Péron bỏ tù, và đuổi Eva Duarte ra khỏi Đài Phát Thanh. Cuộc đảo chính của Avalos thành công và Péron bị đày ra đảo Martin Gracia. Eva cũng bị viên Giám đốc đài Phát Thanh đuổi ra khỏi sở. Nàng cười gằn, hỏi viên Giám đốc :

— Vì lý do gì, ông đuổi tôi ?

Viên Giám đốc, mặt lạnh như chì, chỉ trả lời :

— Lệnh của Chính phủ.

Nàng chỉ ngón tay vào mặt ông :

— Được rồi. Tôi sẽ trở lại đây, rồi ông sẽ biết tôi !

Về đến nhà, nàng gục đầu xuống gối khóc nức nở. Péron đã bị bắt, và bị đưa đi đày, không kịp tin cho nàng hay, nàng cũng không kịp đến gặp mặt người yêu. Nàng mở bóp lấy tấm ảnh của Péron, ôm-áp vào ngực, rồi đưa lên môi hôn. Nàng hôn say mê bóng người yêu xa vắng, mỉm cười nhìn bóng, và khẽ bảo với bóng :

— Em sẽ trả thù cho Mình !
Em sẽ trả thù cho chúng ta !

Nàng vui mừng nhớ lại lễ thành hôn của Péron và nàng đã tổ chức bí mật tại làng Magdaléna, chỉ ba hôm trước khi người yêu bị bắt đi đày. Bây giờ nàng là vợ chính thức của Péron và nàng đã đổi tên là EVITA PÉRON, nhưng trong chính phủ chưa ai biết. Nàng và chồng muốn tạm dấu lễ thành hôn ấy là để tiện cho công việc hoạt động bí mật của nàng trong

cuộc bầu cử Tổng Thống sắp tới.

Nhưng nàng sung sướng tưởng mình đang có thai. Té ra không phải. Evita chép trong quyển nhật ký: « Thương để chưa muốn cho ta có con vội trong lúc ta còn phần đầu quyết-liệt cho người yêu được trở về với ta. Nhưng ta và chàng sẽ sung sướng xiết bao nếu khi chàng lên ghế Tổng Thống ta sẽ tặng chàng một đứa con yêu quý ! »

Bây giờ mặc dầu người yêu của Evita là một tên tù bị lưu đày ra một hòn cù lao giữa biển, nàng vẫn cương quyết tranh đấu cho chàng sẽ được trở về và đắc cử Tổng Thống. Nàng tin tưởng như thế, vì nàng hiểu rõ tình hình chính trị và xã-hội của nước cộng hòa Argentine đang khao khát một biến đổi cho đời sống của nhân dân được tốt đẹp hơn.

Nàng bắt đầu đi vận động. Nàng khéo hồ hào, kêu gọi những kẻ bình dân thiếu ăn thiếu mặc, mà nàng gọi là *descamisados* (những kẻ không có áo sơ-mi). Chỉ 5 ngày sau hôm Đại tá Péron bị bắt đi đày, một mình Evita vận động trong thủ đô

Buenos-Aires được 50.000 người « không có áo sơ-mi », do chính nàng làm lãnh tụ, chỉ huy một cuộc biểu tình khổng lồ trước dinh Tổng - thống, ngày 17 tháng 10, 1945, và đi diễn khắp trong thành phố, dang biểu-ngữ và la to một khẩu hiệu duy nhất: « Chúng tôi muốn Péron ! »

Đoàn người « không có áo sơ-mi » hung hăng kéo vào chiếm dinh Tổng - Thống và cương quyết đòi cho được Péron về để tranh cử Tổng-thống. Chính-phủ hoảng sợ, và muốn tránh cuộc nổi loạn của dân chúng, vội vàng cho người ra cù lao rước Đại tá Péron về.

Evita đã thắng rất vẻ vang được giai đoạn đầu, và chính quyền đã bắt đầu kinh sợ nàng. Nhưng còn 3 tháng nữa mới đến ngày bầu-cử Tổng Thống mới. Một hôm, Evita đến Đài phát-thanh bảo với viên Giám-đốc Yankevitch :

— Trước hết, ông phải trả đủ số tiền lương của tôi từ hôm ông đuổi tôi vô cớ, để tôi thất nghiệp cho đến nay. Rồi ông giao tất cả các cơ quan của Đài phát-thanh cho tôi xử dụng, để vận động cuộc tranh cử Tổng-

Thông cho Đại-tá Péron.

Viên giám-đốc còn ngoan-cổ, hỏi khinh khỉnh :

— Cô lấy quyền gì đòi hỏi vô lý như thế ?

Evita rút trong bóp ra tờ hôn thú của nàng đã ký với Péron còn mới tinh, chìa ra trước mặt viên giám đốc :

— Ngó vào đây này, đồ ngốc!

Yankevitch là một người Nga nhập quốc tịch Argentine, trở mặt nhìn tờ giấy giá thú của Evita Péron, rồi hoảng hồn, cúi đầu, khúm núm :

— Tôi xin bà Đại tá tha lỗi cho tôi. Và xin bà cứ tự tiện xử

dụng dài phát thanh từ hôm nay. Tôi xin sẵn sàng ủng hộ Bà và Đại-tá Péron.

Ngày 24 tháng hai năm sau, 1946, Péron được đại đa số phiếu bầu lên làm Tổng Thống. Thế là EVA DUARTE, cô gái nhà nghèo mồ côi cha, ở ngoại-ô kinh thành, thất nghiệp, đi lang thang xin việc hồi mười năm trước không ai dùng, nay đã nghiêm-nhiên thành Bà Tổng Thống EVA PÉRON, lừng danh cả thế giới !

Kỳ sau : Eva Péron muốn nắm quyền Tổng Thống, và được dân nghèo suy tôn là « Nữ Thánh Evita »

TẤN PHONG

GIẢI THƯỞNG TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN

Từ nay Tự-Lực Văn-Đoàn lại tiếp tục tặng giải Thưởng văn chương hàng năm. Trong ba năm đầu sẽ có :

Giải Thạch-Lam về Truyện ngắn năm 1961

Giải Khái-Hưng về Truyện dài năm 1962

Giải Hoàng-Đạo về Khảo-Luận hay Thơ năm 1963

Mỗi giải : 20.000\$

Tặng những văn phẩm chưa xuất bản hoặc đăng báo.

Một tháng sau khi gửi, tác-giả có quyền xuất-bản, đăng báo văn phẩm của mình đã gửi dự thi. Văn phẩm trúng giải hoàn toàn thuộc quyền tác-giả.

Muốn có đầy đủ chi tiết xin gửi thư tới :

Ông NHẤT-LINH NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

Số 39 Chợ An Đông Saigon.

THỤ THAI

NHÂN TẠO

★ HOÀNG ĐỒ

Thụ thai nhân tạo là một phương pháp giúp con người có thể thực hiện sự thụ thai theo ý muốn của mình và do đó sẽ có thể hạn chế sinh-sản tùy theo nhu cầu, sở thích của từng gia-đình.

Từ năm 1883, đã có một Bác-sĩ người Công-giáo, ông Capellmann đưa vấn đề này lên sách vở, trong đó Ông ta đề nghị một phương pháp để thực-hiện ý-nguyên trên mà không phải dùng đến những mảnh-khoẻ trái với luật tự-nhiên hay vô nhân đạo, bằng cách quan sát các thời-kỳ thụ thai của nữ-giới. Theo phương pháp này sự chung chạ của đôi vợ chồng vẫn được đảm bảo nguyên vẹn, tuy nhiên người ta chỉ phải chịu khổ xử dụng (quyền chung chạ) trong một thời kỳ mà các nhà chuyên-môn công nhận là (khó có hoặc tuyệt nhiên không thể có) hiện tượng thụ-thai. Thời ấy người ta quen gọi là phương pháp « lựa chọn thời kỳ ».

Các nhà bác-học Knaus, Ogino và Smulders đã đi sâu vào vấn đề và đã thâm thập được nhiều kết quả khá-quan. Các vị này đã tìm ra « thời kỳ trãi giới » tức là khoảng thời gian phải kiêng cử để khỏi có thụ thai.

I.— Vài nét lịch sử Y-học

CHỦ kỹ giao - động của hiện tượng thụ-thai được khảo-cứu từ ngàn xưa, nhưng rồi băng đi một độ người ta không nhắc đến và vấn đề đã bị bỏ quên hẳn.

Nhà bác-học Capellmann đã

tìm lại và đã đưa ra ánh sáng vào năm 1883. Theo ông ta thì thời gian kể ngay sau kỳ kinh-nguyệt phải xem như thời kỳ thích hợp nhất cho sự thụ thai. Kể từ kỳ kinh-nguyệt này về sau năng lực thụ thai giảm dần

cho đến độ-tối-thiểu vào tuần lễ thứ 3. Trong những ngày cuối, ngày đầu kỳ kinh - nguyệt mới sắp đến, hiện tượng thụ thai vẫn có thể xuất hiện nhưng không chắc chắn. ông Capellmann không quả quyết rằng sức thụ thai hoàn toàn không có vào một thời kỳ nào, ông ta chỉ nêu lên một xác-suất (probabilité) khá chắc chắn vào một số ít ngày nào đó.

Các ý tưởng căn bản của ông Capellmann đều đúng nhưng các công thức về ngày tháng và lập-luận của ông ta thì hoàn toàn sai. Sau một thời gian thực hành không có hiệu quả, người ta đâm ra nghi ngờ, và bỏ rơi hẳn thuyết của ông ta.

Nhiều Bác-sĩ danh tiếng, chuyên về Phụ-khoa, quả quyết rằng người phụ nữ có thể thụ thai trong bất cứ thời kỳ nào của tuần kinh-nguyệt.

Trong suốt thời gian có trận đại chiến 1914-1918 các chu-kỳ giao động của hiện tượng thụ thai lại được các nhà chuyên môn như Siegel, Pryll và Jäger đem ra khảo cứu lại. Những điều nhận xét của các vị này giúp ta có thể vẽ các đồ-thị của sức thụ thai, và người ta nhận

thấy sự cách biệt chắc chắn, rõ ràng giữa « độ-tối-đa » (Optimum) và « độ-tối-thiểu » (Minimum) của sức thụ thai.

II. — Các thuyết mới nhất

10) Tác dụng rụng tiểu noãn (trứng-con) và tuần kinh-nguyệt.

Từ 20 năm nay, các điều khám phá của nhà bác học Knaus đã cho ta thấy một vài ánh sáng về sự liên lạc giữa tuần kinh-nguyệt, tác dụng rụng trứng và sự thụ thai. Ba hiện tượng này đều ở trong một hiện tượng chung gọi là tuần động-tình (Cycle oestrien). Vậy Tuần động-tình là gì?

Tuần động-tình :

a) Đại cương :

Người ta dùng danh từ tuần động-tình để chỉ cái hiện tượng xuất hiện đều hòa, từng thời kỳ nối tiếp nhau, trong noãn-sào (buồng-trứng) và trên các bộ phận sinh dục của giống cái, từ ngày dậy-thì cho đến tuổi sạch kinh-nguyệt.

Những điều quan sát ở noãn-sào giúp ta có thể chia mỗi tuần động-tình ra làm hai giai đoạn :

— *Giai-đoạn Nang-noãn* : biểu thị bởi sự bành-trướng các nang noãn, nang-noãn là một phần-tử của noãn-sào che chỗ tiểu-noãn.

— *Giai-đoạn Hoàng-thể-tổ* : biểu thị bởi sự sinh sản các vật vàng. Giai-đoạn rụng tiểu-noãn xuất hiện giữa và phân chia hai giai đoạn kể trên.

Tuần động-tình dài hay ngắn tùy theo mỗi động vật trong loài có vú : Trườnghợp chuột nhắt, chuột cống, chuột đồng, mỗi tuần dài 5 ngày, chuột bạch, từ 15 đến 16 ngày ; Bò từ 19 đến 21 ngày ; Linh-trườnghoàng-thể-tổ (gồm Người và khỉ) độ 28 ngày.

Các tuần này có thể kể tiếp nhau như trường hợp của chuột, chuột bạch và linh-trườnghoàng-thể-tổ ; có thể mỗi năm chỉ có 2 lần như ở loài Chó, hay một lần như chuột chũi và phần nhiều các loại cầm thú. Ở một số loài vật khác người ta nhận thấy sau mỗi tuần động-tình là một giai đoạn nghỉ khá lâu.

b) *Trường hợp Linh-trườnghoàng-thể-tổ* (Người và khỉ).

Điều đáng chú ý là mỗi tuần động-tình của các loại này đều kết thúc bằng một kỳ kinh-nguyệt, cho nên ta có thể gọi

tuần động-tình là tuần kinh-nguyệt.

Tuần kinh nguyệt của loài người thường thường trung bình là 28 ngày, được chia ra như sau :

— *Giai-đoạn Nang-noãn*, ngay sau kỳ kinh nguyệt vừa dứt, kéo dài độ 12 đến 14 ngày (phỏng chừng thôi) : trong thời kỳ này một nang-noãn lớn dần, đồng thời chất nang - noãn - tổ cũng tăng lên, tán trợ cho sự bành trướng các bộ phận sinh dục nằm sâu trong cơ thể, vú và làm cho dạ con dễ cảm với chất hoàng-thể-tổ của giai đoạn thứ hai.

— Sau đó là thời kỳ *trứng rụng*.

— Kể đến *giai-đoạn hoàng-thể-tổ*. Hoàng-thể-tổ xuất hiện và chỉ có tác dụng trên noãn-sào mà thôi. Trong noãn-sào, hoàng-thể-tổ tán trợ sức bành trướng của thượng-bì và các hạch nằm trong thượng - bì : Tất cả biến thành niêm dạ con của tử cung. Niêm này có thể dày từ 6 đến 10 ly. Các hạch dài ra tua tủa giống hình một loại đăng-ten. Trong khi ấy hệ thống các huyết quản của tử cung cũng cương dần lên. Bây giờ tử cung đã

biến thành một chiếc nôi vừa êm vừa ấm sẵn sẵn đùm bọc lấy thai nhi.

Nếu tiểu-noãn rụng xuống gặp tinh-trùng thì có thụ thai và thời kỳ thai nghén bắt đầu... Trường hợp trái lại tiểu-noãn cũng như tinh trùng sẽ chết dần theo thời gian. Kể đến ngày thứ 28 thì có kinh. Kinh-nguyệt là hiện tượng thải hồi các niêm dạ con không dùng vào việc nuôi dưỡng thai nhi với một ít máu của các động mạch tử cung chưa khép kỹ. Thời gian này thường là 3, 4 hoặc 5 ngày. (xem hình vẽ)

Như vậy, muốn thực hiện " thụ thai nhân tạo, theo ý muốn " người ta chỉ cần để ý quan sát tuần kinh-nguyệt rồi định ngày rụng trứng, và cho tinh trùng gặp tiểu-noãn thì thế nào cũng được như-ý.

Tuy nhiên vấn đề cũng vẫn còn nhiều phức tạp :

Chúng ta không nên quên rằng sự thụ thai có thể thành tựu trong bất cứ giai đoạn nào của tuần kinh-nguyệt vì :

— Điều thứ nhất : Thời gian rụng trứng rất thay đổi và hầu như không thể xác định một cách chắc chắn được.

— Điều thứ hai : Đời sống hoạt động của tiểu-noãn cũng như của tinh trùng không phải là một thời gian ngắn nhất định.

Thuyết của Bác - sĩ Knaus nhắm trả lời hai câu hỏi sau này :

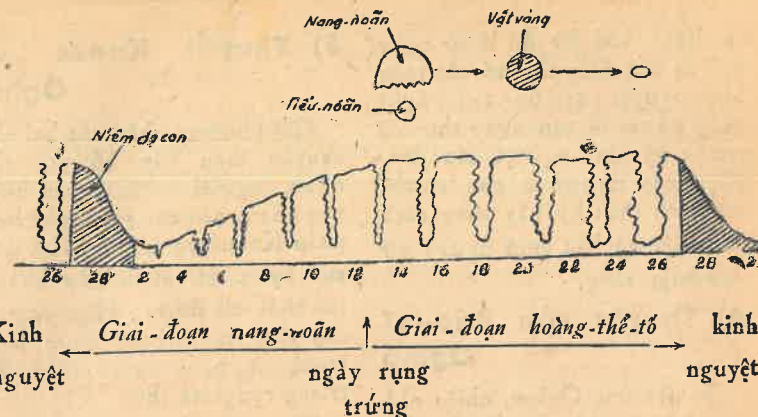
- 1) Thời gian hoạt động của các tế-bào sinh-dục là bao lâu ?
- 2) Tác dụng rụng trứng xuất hiện lúc nào ?

2) Sức hoạt động của các tế-bào sinh-dục

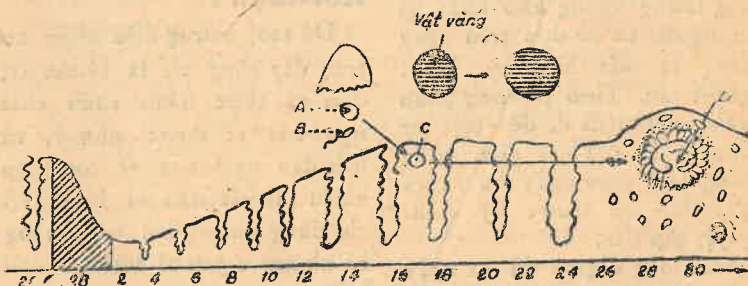
Ngày xưa người ta nghĩ rằng các tế-bào này có một sức hoạt động rất bền bỉ. Các cuộc sưu tầm ngày nay chứng minh rằng thời gian hoạt động của các tế-bào này ngắn hơn người ta tưởng nhiều lắm. Tinh trùng không sống quá 48 tiếng đồng hồ trong khi tiểu-noãn chỉ sống vồn vẹn được vài tiếng đồng hồ sau khi rụng khỏi nang-noãn mà thôi.

3) Thời - kỳ rụng trứng

Điều này do chính Bác - sĩ Knaus đã tìm ra. Bác-sĩ Knaus chứng minh rằng hiện tượng rụng trứng xuất hiện, ở một người nữ có tuần kinh-nguyệt 28 ngày, vào một thời kỳ chắc chắn, nhất định. Đầu tiên ông



Lược đồ cách tiến hóa của niêm-dạ-con trong một tuần kinh-nguyệt không đậu thai. Chú ý : ngày thứ 28, niêm mất dần theo kinh nguyệt trong ba ngày ; từ ngày thứ 2 trở đi niêm bành trướng dần cùng một trật với nang-noãn và tiểu-noãn. Ngày thứ 14, niêm sẵn sàng chờ trứng rụng. Tiểu-noãn rụng xuống không gặp tinh trùng chết dần, nang-noãn biến thành vật vàng. Niêm dạ con không dùng đợi đến ngày thứ 28 thì rụng theo kỳ kinh-nguyệt.



Lược-đồ cách tiến-hóa của niêm dạ con trong một tuần kinh-nguyệt có đậu thai. Thời kỳ đầu thai nghén.

Tiểu-noãn (A) gặp tinh trùng (B) trở nên trứng thụ thai (C) và thai nhi D niêm không rụng nữa, mà lại bành trướng mãi tùy theo nhu cầu của thai nhi.

ta định thời kỳ đó là từ ngày thứ 14 đến ngày thứ 16 của tuần kinh-nguyệt; sau ông ta lại nghĩ rằng nó sẽ ở vào ngày thứ 15 trước kỳ kinh-nguyệt sắp đến. Hiện nay người ta còn có thể xác định thời kỳ này bằng cách đo nhiệt độ hậu môn người nữ vào buổi sáng.

4) Thuyết của Bác-sĩ Ogino

Trước ông Ogino, nhiều nhà chuyên môn về vấn đề này đều đem chấp nối ngày rụng trứng vào kỳ kinh nguyệt ngay trước, mặc dầu họ đều dự biết rằng hiện tượng rụng trứng này thuộc vào kỳ kinh-nguyệt sau. Dựa trên điều khám phá này nhà Bác-học Ogino đã chứng minh rằng tính sai biệt về thời kỳ rụng trứng không khó khăn gì khi người ta cứ dựa trên ngày tháng sẽ xuất hiện kỳ kinh-nguyệt sau. Theo phương pháp này người ta đã đi đến một sự đồng ý là: Thời gian rụng trứng sẽ ở giữa ngày thứ 12 và ngày thứ 16 trước kỳ kinh-nguyệt sắp đến.

Theo ông Ogino thì 11 ngày cuối của tuần kinh-nguyệt đều nhất định không thể thụ thai được. Các thời kỳ « không kết quả » này đều bằng nhau và không lệ thuộc vào giao động của tuần kinh-nguyệt nếu các tuần này co dãn.

5) Thuyết Knaus và Ogino

Các phương pháp của hai nhà chuyên môn này bổ túc cho nhau, người ta đem sắp nhập vào nhau, nên chỉ gọi là phương pháp Knaus và Ogino. Kết quả của sự phát minh này không thể chối cãi được: Hiện tượng thụ thai chỉ có thể thực hiện trong ít ngày giữa thời kỳ trứng rụng mà thôi.

Theo ông Knaus thì, đối với tuần 28 ngày, 10 ngày đầu và 11 ngày chót nhất định là không có kết quả. Từ ngày thứ 10 đến ngày thứ 17 là những ngày có thể thụ thai. Theo ông Ogino thì 11 ngày chót của tuần kinh đều nhất định không kết quả trong bất cứ trường hợp nào.

Kết-luận:

Dù sao, những điều nhận xét trên đây cũng chỉ là lý-thuyết, đem ra thực hành chưa chắc người ta sẽ được như-ý, và biết đâu người ta sẽ còn gặp nhiều cái bất ngờ vì lý thuyết chỉ đúng những khi nào không có những « yếu-tố rủi ro » xuất hiện.

(Theo tài liệu của Giáo-sư L.Gal-lien (Paris) và Giáo-sư A. Niedermeyer. (Vienne))

HOÀNG-ĐỖ

(Sinh-viên Y-khoa Saigon.)

SÁCH BẢO MỜI

Những sách giới thiệu trong mục này là những tác phẩm chúng tôi đã nhận được trong tháng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các tác giả và các nhà xuất bản.

★ Khảo-luận và phê-bình Học thuyết Không Tử của Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-THỌ. Thị-hội Cổ-học Đà-nẵng xuất bản.

Có tiểu sử Đức Không. Bối cảnh địa-dư. Bối cảnh lịch-sử. Trình bày học thuyết Không-tử một cách dễ hiểu và khúc chiết, về lý thuyết cũng như về biến chuyển của Không-giáo qua các thời đại. Phê bình và tổng-luận xác đáng. Tài liệu khá chọn lọc. Giá bán 30 đồng.

★ Những ngày hoang-dại, của NHẤT-LÊ. Nhà xuất bản Tân-Thanh, Huế, do một nhóm Tri-thức và Văn-ngệ-sĩ miền Trung chủ trương.

Một quyển truyện viết ở Hải-ngoại, gần như một ký ức về đời sống tình cảm của một sinh-viên ở Hải-ngoại.

Sẽ có bài phê bình trong một số sau, của một giáo-sư Đại-học.

★ Causeries sur le développement des Ressources Naturelles au Việt-Nam. Quyển I và II, do Bộ Canh-nông xuất bản và gửi tặng. Gồm có các bài thuyết trình bằng Pháp-văn về các vấn đề khuếch trương các tài-nguyên thiên-nhiên ở Việt Nam, do các ông Bác-sĩ Thù-y Nguyễn-bá-Lượng, Vũ-ngọc-Tân, Vũ-thiện-Thái, Kỹ-sư canh nông Trương-văn-Hiếu, Nguyễn-văn-Chi, và các nhà chuyên môn ngoại quốc D.W. Levandowsky, Léon Rocher, H. Djang, Moormann.

★ Khoa-học, cơ quan phổ biến khoa học của Hội sinh-viên khoa-học Kỹ-thuật Việt Nam tại Pháp.

Chủ-nhiệm ĐỖ-THẾ-GIA. Chủ-bút: TRẦN-NGỌC-TOÀN.

Tòa soạn, Avenue d'Italie, Paris XIII^e. Nhiều bài rất có giá trị của các ông Nguyễn-trình-Doanh, Lê-văn-Hùng, Trần-Anh, Ng-kim-Đinh, Nguyễn-văn-Khanh, Lưu-mậu-Thành, Ngọc-Hợp. Đặng-quốc-Quân và Trần-Anh.

★ Mưa gió sông Tương. Thơ của Bà TƯƠNG-PHỐ, từ 1925 đến 1949. Nhà xuất bản Bốn-phương, Saigon.

In thật đẹp. Giá bán 80 đồng. Sẽ có bài phê bình trong P.T. số sau, của N.V.



Truyện dài của cô VÂN NGÀ
(Tiếp theo P.T. số 38)

Tôi sững sờ nhìn má tôi, không dè rằng bài toán nát óc tôi trong bấy lâu lại được giải quyết một cách dễ dàng như vậy. Tôi hỏi thêm :

— Má tính làm sao ?

— Tao không tin gì hết, tao đã hứa với bà bác sĩ là tao giữ lời hứa tới cùng. Tao không thêm tin tầm bậy. tao chỉ tin ở bà mà thôi. May nên ra chợ Rạch-giá hỏi địa chỉ của bà rồi lên Sài-gòn ở với chồng mày là hơn.

— Tôi sợ lời họ đồn đúng quá, má à.

— Đúng hay không, chừng mầy lên trên, mầy sẽ biết. Chừng ấy cũng chưa phải muộn.

Tôi quyết tuân theo lời má tôi. Tối hôm sau, Quan đến tìm tôi, và tôi cho chàng hay quyết định ấy. Nếu Quan yêu tôi đúng như chàng nói, chàng sẽ có can đảm chờ tôi tính cho yên việc lòng, và tôi sẽ không còn thắc mắc chút nào hết về mối tình đầu ngang trái nọ. Dã sử như tôi ở luôn trên Sài-gòn, đó là điều chứng tỏ Thanh không phụ tôi, thì Quan nên vui mừng hạnh phúc của tôi, đúng với ý nghĩa một tình yêu cao thượng mà chàng vẫn nói với tôi.

Đang nói chuyện với Quan, chợt tôi thấy má tôi sòng sọc đi đến. Tôi giật mình, biết ngay là em Mười đã mét cho má tôi biết việc hôm qua. Nhưng tôi nghĩ là mình không có làm điều gì xấu má tôi chắc cũng hiểu cho. Tôi là một người con gái yếu đuối, thiếu kinh nghiệm, không biết dứt khoát sao cho phải với một người đàn ông đeo đuổi mãi theo tôi và khéo dùng tình cảm ủy mị để lung lạc lòng tôi. Tôi đã yếu lòng một lần và vì muốn che đậy cái lỗi ấy, tôi lại càng làm lỗi thêm...

Má tôi tát cho tôi mấy cái và mắng :

— Tao không ngờ mầy hư đồn như vậy, hã Vân ?

Tôi chỉ biết ôm mặt khóc, không dám nói gì. Nhưng bất ngờ, Quan lại lớn tiếng với má tôi :

— Bà không có quyền làm vậy ! Em Vân có tội gì ? Sao bà đánh em ?

— Cậu là ai ? Tôi không biết cậu. Sao cậu can dự vào việc gia đình tôi.

— Bây giờ bà lại không muốn biết tôi là ai à ? Tôi sẽ tố cáo việc bà xúi biếu em Vân trốn ra thành, thử xem công an nó làm gì bà cho bà biết...

Má tôi trăn trối nhìn tôi. Tôi liền gạt nước mắt và đứng dậy :

— Anh Quan, xin anh đừng nói vậy...

— Má của em làm tôi không phục !. Em không nên sợ gì hết. Đời bây giờ, cha mẹ không có quyền gì quyết định tương lai của con nữa. Có chánh phủ lo cho em, em đừng sợ gì hết... Em cứ đi về trụ sở của tiểu đoàn với anh, rồi mai bà sẽ biết !...

Nhận rõ ra Quan muốn đùn đẩy tôi vào một con đường cùng,

tôi liền tát cho chàng một cái và bảo :

— Khốn nạn ! Anh không được quyền nói vậy với má tôi. Từ nay, giữa tôi và anh không còn gì nữa hết. Tôi cấm mặt anh bước lại nhà tôi.

Nói xong, tôi ôm mặt chạy ù vào nhà. Quan hốt hoảng kêu lên :

— Vân !... Vân !...

Đêm ấy, tôi nằm lặn lộn, hổ thân tội phạm không ngăn. Tại sao tôi nghi ngờ tình yêu của Thanh để đến nỗi suýt bị người ta lợi dụng ? Tôi thấy tôi đã lỗi với người tình chung và hối hận hết sức. Tôi quyết theo chàng, dù sao đi nữa cũng không sòn lòng.

Mấy hôm sau, Quan tìm cách nhắn người xin cho được gặp tôi, nhưng tôi cương quyết từ khước. Nhiều bạn gái của tôi bảo lại cho tôi biết :

— Nó dấm ngực, khóc hu hu như con nít và nói là chị đã hiểu lầm nó. Nó muốn gặp chị để phân trần...

— Chị bảo ảnh là khi nào ảnh hốt đầy lại chén nước đổ dưới đất thì ảnh hẳn gặp tôi.

Tôi lại vừa biết thêm Quan

rất xấu miệng. Chàng không phải là một người quân tử như tôi đã lầm tưởng. Chưa chi chàng đã rêu rao cùng chúng bạn những điều không phải đối với tôi, với má tôi và gia đình tôi. Té ra tôi lầm vì bề ngoài của Quan. Con người ấy đã che giấu rất khéo một tâm địa xảo trá, ngoài miệng thì thoi thới ngọt ngào nhưng trong lòng chứa đầy những phản phúc, lật lừa khiến cho ai dễ tin phải bị mắc mớ ngay. Mãi bây giờ tôi mới biết được chàng đội lốt kháng chiến để lừa gạt tôi và che giấu một dĩ vãng đen tối như nhựa á phiện mà chàng vẫn thắm lên tiêu thụ.

Tôi rất hối hận sự thân mật với chàng. Chàng là một ác thần hiện ra bất thành linh trong khoảng đời ngờ là đã tuyệt vọng của tôi để toan đùn đẩy tôi vào một vực thẳm tối đen. Từ sự quen biết với Thanh cho đến suýt rơi vào bàn tay bỉ ổi của Quan, tôi thấy khoảng cách cả một trời một vực. Đã nhiều đêm, tôi khóc thầm trong im lặng...

Má tôi hiểu lòng tôi, dự dā :

— Mày cứ trốn ra thành đi,

có bề gì tao chịu cho...

Tôi không nỡ để má tôi sẽ bị những điều lỗi thời về sau. Nhưng người một mực thúc dục tôi và thu xếp cho tôi lên đường. Gần nhà tôi có anh Xiếu là một bạn cũ của Thanh, hiện đang làm công an xung phong, hứa giúp tôi trốn ra thành. Tôi đi với anh năm bảy lượt, cực khổ hết sức, nhưng vẫn chưa gặp dịp thuận tiện...

Trong một chuyến đi không để trở về không nọ, tôi tình cờ gặp được một anh thương binh vốn là người bạn hàng xóm cũ của tôi và anh cho tôi biết nhiều tin tức của Thanh khiến tôi phải kinh ngạc vô cùng. Chính anh đã gặp Thanh nửa tháng trước ở Cần-thơ, và hai người có nói chuyện nhiều với nhau. Thanh lúc bấy giờ là một công tác thành, thường vô ra khu 8. Hôm ấy, Thanh xin được phép về khu 9 để rước tôi, song chàng bị mắc kẹt ở châu thành Cần-Thơ hơn nửa tháng vì con đường liên lạc bị cắt đứt trong một cuộc hành quân của địch tiến sâu vào ranh giới vùng biên mà thiên hạ ở đây thường gọi là « khu dây thung ».

Anh bạn hàng xóm cũ từng biết đến cuộc tình duyên Ngưu Lang và Chức nữ của chúng tôi, rất lấy làm lạ vì sao mấy năm trời tôi lại không tiếp được một lời, một chữ nào của Thanh. Theo Thanh nói với anh, chàng thường gửi thơ cho tôi theo hệ thống liên lạc trong vùng biên, và chàng hết sức bằng khoăn, khổ não vì sự vắng tin rất khó hiểu của tôi.

Vì vậy, chàng cố xin cho được phép về khu 9 bằng lối đi tắt ngấm ngoài thành vào, để xem sự thể ra thế nào. Song hại thay, chàng bị cản trở dự định ấy và không thể ăn nằm chờ đợi ở châu thành Cần-Thơ cho đến khi chấm dứt chiến dịch của quân thù.

Trước khi từ giã tôi, anh bạn hàng xóm cũ bảo :

— Anh Thanh có lẽ sẽ đi vòng ngả Rạch-giá để vào.

— Sao anh được biết ?

— Ảnh có nói với tôi đầu tháng ảnh sẽ lên về chợ Rạch-giá.

Tôi hiểu bao nhiêu nguy hiểm đặt chờ chực Thanh khi chàng đang chân về tỉnh nhà. Chàng dám liều lĩnh như vậy chẳng là vì

tôi đấy. ư? Một niềm hối hận dâng tràn lòng tôi. Thế mà từ lâu tôi lại hiểu lầm và oán trách chàng.

Tôi chờ gần cuối tháng liền lập thể xin giấy viên tiểu đoàn trưởng cho tôi ra tỉnh chữa bệnh. Sau mấy kỳ trốn đi không thành, tôi bị bệnh ban, thường hay làm rét và tóc rụng khá nhiều, mà ở vùng biên không đủ thuốc điều trị.

Anh tiểu đoàn trưởng nhận lời cho, song không có cấp giấy :

— Sẵn mai đây tôi cũng đi ra Tràm Chẹt, tôi sẽ cho em quá-giang. Từ đấy trở ra, em xin giấy ở Ủy huyện được.

— Nhưng chừng em trở về ?

— Mỗi tháng có chị Pháp ra chợ, em muốn trở về cứ về chung với chị ấy.

Tôi không dám nài nỉ nữa, sợ bị nghi. Cả bộ đội địa phương đóng gần nhà tôi không còn niềm nở tử tế với gia đình tôi chẳng những vì sự tuyệt giao giữa tôi và Quan, mà cũng vì một việc mới xảy ra là đứa em trai thứ Năm của tôi đã không tuân lệnh Đảng, tự ly khai với đoàn thể để cưới em gái của anh Khải, một bạn cũ

của Thanh, là người có đạo Cao-dài.

Đến ngày đi Tràm-Chết, tôi tới văn phòng tiểu đoàn, chờ mãi quá trưa mới xuống tam bản khởi hành. Trên ghe, ngoài anh tiểu đoàn trưởng và tôi ra chỉ có thêm hai người liên lạc đứng chèo mũi và lái thôi.

Từ nhà tôi đến Tràm Chết phải mất đến hơn 6 tiếng đồng hồ đường ghe, và đó là nói những khi đi vào lúc ít có lục bình. Rủi cho tôi hôm ấy lục bình đầy sông, nhiều khoảng ghe chèo lên không nổi, phải có người đứng trước mũi lấy sào vớt từng giẻ lục bình to như cái đệm ra.

Trời đã chiều tối, chúng tôi còn ở nửa đường. Anh tiểu đoàn trưởng chán nản quá, bảo cắm sào lại đậu, cơm nước nghỉ ngơi cho đến nước lớn sẽ đi. Đêm càng xuống, càng đen mịt, muỗi mòng vo ve như ong vỡ tổ. Cái cảnh buồn bã ấy như thêm vào tâm sự ngổn ngang của tôi cả một niềm thương tủi...

Tôi đang nằm gát tay trong mũi, vẫn suy nghĩ những

việc gần xa thì chợt cảm thấy có một bàn tay mò về phía tôi trong bóng tối. Tôi kinh sợ, xây lưng úp mặt vào trong vách mũi, giả bộ ngủ mê mang... Đồn ông ai cũng thế, chẳng trách được! Bông hoa đẹp phải có người muốn, tùy hoa có chịu trao thân cho người hái hay không mà thôi!

Tôi nghĩ đến 7 năm xa cách cùng Thanh. Tôi đã đi qua khỏi được bao nhiêu vực hầm tối tăm. Người đàn bà nào chẳng phải xao xuyến hoang-mang trong cảnh cô đơn, tủi thân bẽ mặt? Song tôi nhờ bao nhiêu hoàng cảnh tốt đưa đẩy cho tôi qua những phút lơ lăm. Và đó cũng là nhờ vào mãnh lực của ái tình, sức mạnh vô biên có thể biến đổi được hết thảy những con người, đưa họ đi từ sự nhu nhược tối tăm đến những lúc can trường, sáng lạng, hay là trái ngược lại... Tôi như một người đã qua cơn buồn ngủ rồi, có khi nào lại để cho mê...

(Còn nữa)



★ Vấn đề thi Sinh ngữ trong kỳ thi Tú Tài bán phần, ban C và D.

Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

Kính gửi

Ông Nguyễn-Vỹ, Giám-Đốc Phò-Thông Táp Chí
283, đường Gia-Long — SAIGON.

Trích yếu : Mục « Thư Bạn Đọc » của một nhóm học - sinh Đệ-nhi Huế và Đà-Nẵng nhờ Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục giảng-giải (về vấn-đề thi Sinh-ngữ trong kỳ thi Tú-Tài bán phần, Ban C và D) (Phò-Thông số 38 ngày 15-7-1960, trang 120).

Thưa Ông,

Theo Nghị-định của Bộ tôi số 184-GD/PC/NĐ ngày 27-1-1960 điều 13 mới, đoạn cuối cùng, thì trong kỳ thi Tú-Tài phần I, ban D, bài thi Cờ-ngữ là một bài dịch, gồm 2 phần : dịch Cờ-Ngữ ra Việt-văn và Việt-văn ra Cờ-ngữ ; bài thi Sinh-ngữ (Anh hay Pháp) là một bài Luận.

Như vậy, cách thi môn Sinh-ngữ ở Ban D đã quy-định rất rõ ràng.

Đề sáng tỏ vấn-đề, xin kể thêm chi tiết :

Trong bản chương-trình về Ban D, chỉ ghi : Cờ-ngữ và Sinh-ngữ. Học sinh ở Huế và Đà-Nẵng không thể dựa vào đâu mà nói rằng sinh-ngữ ban D phải thi như « sinh-ngữ 2 của Ban C ». (Ban sau này vì có hai Sinh ngữ, nên mới đánh số 1 và số 2).

Thực ra, tại Ban C có 2 Sinh ngữ thì Sinh-ngữ nhất bắt đầu học từ lớp đệ-thất, và Sinh-ngữ nhì bắt đầu học từ lớp đệ-tam.

Tại Ban D thì Sinh-Ngữ độc nhất (Anh hay Pháp) bắt đầu học từ lớp đệ-thất (như Sinh-ngữ nhất của Ban C) và Cờ-ngữ chỉ bắt đầu học từ lớp đệ-tam (như Sinh-ngữ 2 của Ban C).

Như vậy, số giờ học hàng tuần cũng như tổng số niên-học tiền-hệ đến Sinh-ngữ nhất của Ban C hay là sinh-ngữ độc nhất của Ban D đều bằng nhau.

Do đó, đề thi về sinh-ngữ này ra chung cho 2 ban C và D là đúng tinh-thần chương-trình và hợp lý.

Ngoài ra, còn một điểm cần được chú ý : Dù ở ban nào, không riêng gì ban văn-chương C, mà ở cả 2 ban Khoa-học Toán B và Khoa-học thực-nghiệm A, thí-sinh đều phải thi một bài luận về sinh-ngữ, nên không thể quan niệm được rằng về ban văn chương D, thí-sinh lại không thi một bài luận nào cả về cổ-ngữ và sinh-ngữ. Làm như vậy cấp bằng của ban D sẽ thấp kém so với các ban khác.

Nếu có trường nào mà giáo sư Ban D không dạy học-sinh làm Luận, như học sinh ở Huế và Đà Nẵng đã nêu ra, thì đó là lỗi tại Giáo sư và trường. Thí-sinh không thể vin vào tình-trạng bất thường ấy để đòi thi môn sinh-ngữ tại Ban D như môn sinh ngữ 2 của Ban C.

Kính chào Ông Giám-Đốc.

Ký tên Trần-văn-Thuận

✧ **Lầu-mành = Lưu-manh.**

(của ô. Lý-Tỷ, 199 Ng. Hoàng, Chợ lớn)

Theo ngụ ý và sự tìm hiểu riêng của tôi, thì 2 tiếng "Lưu manh" nếu không lầm thì do phần đông dân chúng Việt Nam nhập cảng tiếng Trung Hoa, người Tàu thường nói là LẬU MÀNH để chỉ nhữn g kẻ trôi sông lạc chợ, vì thế nên chúng ta nói lại là LƯU MANH...

● ĐÁP.— Chữ « Lầu mành » của người Tàu, người Việt đọc là « lưu dân » ; nhưng chữ « Lưu nhân » được thông dụng hơn. Như chúng tôi đã nói, hai chữ « lưu manh » do đó mà ra.

✧ **Bỏ tên đường Tổng-đốc Phương.**

(của ô. Trần-quốc-Trân, ty Tiều-học Kiến-Phong)

TỔNG-ĐỐC PHƯƠNG là một kẻ công-tác rất lợi hại của Pháp — mà sao ngày nay Chánh-phủ Việt Nam Cộng-hòa vẫn còn để tên đường ở Chợ-lớn ?

Thề theo ý muốn dân chúng ở Kiến-Phong con đường ấy nên đổi lại là đại lộ Phan Khôi.

✧ **Xán lạn, chớ không phải sáng lạn.**

(của Ông Ng. Trọng-Ái, 6 Đội Cung, Huế).

... Theo ngụ ý thì hai chữ « Sáng lạng » phải viết XÁN LẠN một đúng theo chữ Nho, XÁN LẠN = sáng rực rỡ.

● Vàng, xin đồng ý.

✧ **Râu ông nọ, cằm cằm bà kia**

(của ông. X.Y.Z. Đại học Văn khoa Saigon).

... Chúng tôi chịu bài của ông nói về câu đối của Nguyễn-công-Trứ chứ không phải của Cao-bá-Quát. Nhiều bài thơ khác của các tác giả khác, cũng bị một "số" « giáo sư » xuyên tạc cả nguyên văn, lẫn tên tác giả, chứ không riêng gì câu đối kia. Một cái xe trước đi lầm đường, rồi mấy xe sau cũng theo vết bánh xe trước mà chạy theo, chứ không mấy ai chịu ngừng lại để tìm đúng phương hướng. Hậu quả là ngày nay nhiều sách « luận đề » hoặc « văn học » viết sai lầm không thể tưởng-tượng, và các giáo sư cũng cứ thế dạy cho các em học sinh ! Phổ-thông là tạp-chí có uy tín với văn học sử nên « chỉnh » lại các lầm lỗi mập-mờ kia cho kịp thời...

ĐÃ PHÁT HÀNH

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN SỐ 52

Nội - dung phong - phú

Đầy 180 trang, giá 12\$



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ **Bạn Mai Diệu-Sương, Vĩnh Long.**

« Bị cấm thi *hai khoá* », theo như tôi hiểu, là khóa I và khóa II. Còn « bị cấm thi *hai năm*, hay là *hai niên khoá*, là niên khoá 1958-59, và 1959-60.

★ **Ô. Nguyễn Xuân-Phương, Hội-an.**

Hai ông Phạm-Hiệu và Phạm-Tuấn, trong đám « Ngũ Phụng » Quảng-Nam, là ở Duy-Xuyên, chứ không phải ở Điện-Bàn.

★ **Bạn Viet J. Diews, Phan-thanh-Giản, Saigon**

Thành thật cảm ơn những cảm tình nồng nhiệt của bạn. N.V. và D.H. là... như bạn nghĩ.

★ **Bạn Trần-thị-Hoa, Phú-Nhuận**

Muốn thi học-bổng du-học ngoại quốc, điều kiện thứ nhất là phải giỏi thứ tiếng ngoại quốc mà mình muốn tiếp tục học. Thứ hai là phải có cấp bằng chứng tỏ trình độ học vấn của mình. Sau nữa là phải đúng hạn tuổi. Muốn biết rõ chi tiết riêng về kỳ thi nào, nên hỏi thẳng Bộ Giáo-dục.

★ **Ô. Phan-bá-Bằng, cư-xá Tòa-án, Long-Xuyên**

Muốn học lớp *Khả-năng Luật-học* ở trường Đại-học Luật-khoa, Saigon, thì ông cần phải ở Saigon, mặc dầu vì một lý do nào ông không đến giảng đường được.

Các bài giảng, chỉ có thể hỏi nơi các giáo-sư và các giảng-viên.

★ **Cô Anh-Đào, Tân-Hiệp Rach-giá**

● Tombola (Đọc là *Tông-bô-la*, là tiếng Ý), xổ-số trúng các đồ

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

vật, khác với xổ-số như loại Kiến-thiết, trúng tiền.

● Nếu Nữ-hoàng Elizabeth II chết, thì con trai của bà là Thái-tử Charles lên kế vị, chứ không phải Margaret.

● Nước ta, dưới các triều đại quân chủ, cũng có các tước-vị *Quận-công, Bá-tước, v.v...*

● Nước Mỹ có hai đảng *Cộng-hòa* và *Dân-chủ*. Đến kỳ tổng-tuyển-cử, đảng nào thắng-thế thì ứng-cử-viên của đảng ấy được lên làm Tổng Thống. Đảng thất bại, tuy là đối-lập, nhưng không tìm cách đánh đổ Tổng Thống.

Chế độ Tổng Thống ở Việt Nam, không giống như ở Mỹ hay ở Pháp. Nhưng không tiện bàn nơi đây, vì không hợp với tôn chỉ Phô-Thông.

★ **Ô. Vũ-văn-Quân, Gia-định**

● Hồ-văn-Mịch, (Việt Nam Quốc-dân đảng) đã chết vì bệnh lao tại Côn-Lôn năm 1930. Nhượng-Tổng bị V.M. thủ tiêu năm 1945. Nguyễn-thế-Nghiệp, hồi 1945 còn sống, sau đó sống hay chết, chúng tôi không được rõ.

● Ngoài số 13 liệt-sĩ V.N.Q..D.Đ. bị hành hình tại Yên-Báy sáng ngày 17 tháng 6, còn những người khác hoặc được ân-giảm như : Nguyễn-nhật-Thân, Lê-văn-Tur, Ng-dinh-Hiệu, Ng-ngọc-Tập, Lê-xuân-Huy, Ng-đắc-Bằng, Nguyễn-văn-Toàn, Vũ-xuân-Kiểm, Trần-đức-Tài, Hoàng-công-Tiền, Bùi-xuân-Mai, hoặc bị hành quyết các nơi địa phương khác, như Ngô-hải-Hoàng, Ngô-thanh-Thuyết v.v

★ **Bạn T.H.T. — Hội An**

● Miệng thối, là triệu chứng đau bộ phận tiêu hóa, nên hỏi Bác-sĩ.
● Chuyện thầy giáo chưa có vợ mà kết-hôn với nữ-sinh, thời buổi này là việc thường, không có gì đáng thắc mắc.

★ **Ô. Ng.-v-A, Saigon**

● Larousse du XXe Siècle, Tome I :

AÉRONAUTIQUE (du gr *aër*, *aeros*, air, et *naútès* naviguer):
— Qui a trait à la navigation aérienne : Ligne aéronautique.
— Science de la locomotion aérienne (aérostation, aviation, hélicoptère) : Chaire d'aéronautique.

● Không có chữ « aéronavigation »

★ Ô. P. T. Bình định

Bị ba tháng tù treo, cũng sẽ bị ghi trong tư pháp lý lịch mẫu số 3.

★ Bạn Lý anh Tuấn, Kiên giang

Chữ « Mit tinh » là chữ Anh : meeting.

★ Ô. Anh văn Trân, PhanRang

● Tiểu sử tóm tắt của Hitler : sinh tại Autriche (Áo) năm 1889. Gia đình nghèo, lúc thanh niên làm nghề thợ sơn nhà, quét vôi. Nhưng rất thông minh, tự học, ham đọc sách chính trị. Trong trận đại chiến thứ nhất 1914-18, Hitler chỉ là binh nhì. 1919 cùng với 6 người bạn lao động, lập ra đảng « Thợ thuyền Đức ». Nhờ tài diễn thuyết hùng hồn, lôi kéo rất nhiều đảng viên. 1923, âm mưu với Đại tướng Ludendorff gây cuộc đảo chánh và lật đổ chính phủ Cộng-Hòa Đức. Bị 5 năm tù, nhưng ở được mấy tháng rồi được thả. Trong thời gian ở tù, có viết quyển *Mein Kampf* (cuộc chiến đấu của tôi) 1925, số đảng viên càng đông, Hitler lập đảng Quốc xã (Nazi). Vì có thế lực hùng hậu (trên mười một triệu đảng viên) được Thống chế Hindenbourg Tổng Thống Đức, mời làm Thủ-tướng (30-1-1933) 1934, Hindenbourg chết, Hitler lên làm Quốc-trưởng, xưng là *Furher* (chúa tể) Gây ra thế giới đại chiến thứ nhì, (Septembre 1939) —Thất bại và tự tử tại Bertesgaden (Berlin) đầu tháng Mai 1945.

● Vấn đề « diệt Do-Thái » là cả sự kiện lịch sử rất phức tạp, chúng tôi sẽ đề cập trong một bài riêng,

● Hitler không có bán báo ở nước Anh, và không có « ăn, cắp cuốn tài liệu về chế tạo bom nguyên tử của nhà bác học Anh » Hitler cũng không có bao giờ tự nhận mình là người đã chế ra bom nguyên tử.

Những khí giới tối tân nhất thời bấy giờ là V₁, V₂, do nhà Bác-học Đức Braun chế ra. Braun hiện giờ ở bên Mỹ, và đã nhập tịch dân Mỹ, là người cha đẻ của các Hỏa tiễn và vệ-tinh nhân tạo Mỹ.

★ Bạn Thiên Tinh, Đà nẵng

● *Tự kỷ ám thị*, là một danh từ thôi miên học, có nghĩa là phương-pháp dùng triệt để ý chí của mình, đề tự mình chỉ thị cho mình làm một việc gì, hoặc nghĩ một điều gì (Auto-Suggestion) cho mình hoặc cho kẻ khác.

● *Tự ty mặc cảm* : mình bị cái cảm giác mặc nhiên tự mình nghĩ rằng mình thua kém người ta.

● *Tự tôn mặc cảm* : mình bị cái cảm giác mặc nhiên tự mình nghĩ rằng mình giỏi hơn người ta.

★ Ông Võ Hàng. 6, Kiến-ốc-cục, Qui nhơn.

● « Đừng đề đến ngày mai điều gì mà anh có thể làm được ngày hôm nay », là theo nguyên văn câu châm ngôn Pháp : « *ne laissez pas à demain ce que vous pouvez faire le jour même* ».

● Câu « *Con đường không phải là nơi để anh nằm ngủ, v.v...* », chúng tôi không được biết là của ai.

● Đồng-ý với ông về câu « *Je suis un enfant trouvé* » của H. Malot mà trong bản dịch « *vô gia đình* » dịch « Tôi là một đứa con bị bỏ rơi », là sai. Đáng lẽ phải dịch : « Tôi là một đứa con hoang được người ta tìm thấy đem về nuôi ».

● Vài loại báo bán cho công sở với giá gấp đôi, là theo tục lệ một số báo-chí hồi tiền chiến được Chính-phủ thuộc địa ủng hộ.

★ Bạn Nguyễn-Lộc, Khánh hội

● Tản-Thi-Hoàng, hay Tản-Thủy-Hoàng cũng thế. *Thi* hay *Thủy* đều viết theo một chữ Hán nhưng có hai lối đọc.

● Bài thơ « Ông Tiến sĩ giấy » in trong « *Việt Nam Thi Văn hợp tuyển* » của Dương quảng Hàm, trang 162, nơi mục văn thơ Nguyễn Khuyến, và lấy làm đề thi Việt văn trong kỳ thi Trung học vừa rồi, theo như chúng tôi được biết thì KHÔNG PHẢI CỦA NGUYỄN-KHUYẾN. Vì chính bài thơ của Nguyễn-Khuyến là như sau đây :

Ông Nghè thánh tám

(tức là ông Tiến-sĩ giấy của trẻ em chơi Tết Trung Thu)

Cũng cò, cũng biễn, cũng càn-đai
Cũng gọi ông Nghè có kém ai !
Mảnh giấy làm nên thân giáp-băng,
Nét son điểm rõ mặt văn-khối.
Tâm thần xiêm áo sao mà nhẹ,
Cái giá khoa danh ấy mới hời.

*Ghế chéo, lộng xanh, ngồi bằng chèo,
Nghĩ rằng đồ thực, hóa đồ chơi !*

Còn bài « ông Tiến-sĩ giấy » là của một tác giả nặc danh nào đó, chứ không phải của NGUYỄN KHUYẾN, vì bài đó kém lắm :

*Khéo chú hoa-man khéo vẽ trò,
Bỡn ông mà lại dứ thằng cu.
Mày râu vẽ mặt vang trong nước
Giấy má nhà bay đáng mấy xu
Bán tiếng, mua danh, thấy lũ trẻ ;
Bảng vàng bia đá, vẫn nghìn thu.
Hỡi ai muốn ước cho con cháu
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu ?*

Cụ Nguyễn Khuyến làm thơ hay lắm, và chỉnh lắm, chứ không bao giờ dối « nhà bay » với « vẽ mặt », « mấy xu » với « trong nước », « Bảng vàng bia đá » với « Bán tiếng-mua danh ». Không bao giờ cụ viết : « Khéo chú hoa-man khéo vẽ trò », và « Hỡi ai muốn ước... ». Câu kết : « Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu » cũng chẳng có ý nghĩa gì cả. Cụ Yên-Đỗ Nguyễn Khuyến chỉ làm có một bài thơ về ông Tiến-sĩ giấy, chính là bài « Ông Nghè tháng Tám » trên kia. Chúng tôi không biết Dương-quảng-Hàm nhớ lộn hải của một người nào làm rất vụng về, mà lại gán ầu cho cụ Yên-Đỗ ? Trong P.T. số sau, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này, dài hơn.

● **Bạn Hoàng-Hy, Quảng-Ngãi.**

● Về « chữ Nom ». Nguyên-thủy của nó, và lối viết, chúng tôi sẽ có một bài riêng, đầy đủ, trong một số sau.

● Vài bản nhạc có danh tiếng của SCHUBERT : *Symphonie en ut majeur, Symphonie inachevée, la Sérénade, la Plainte de la jeune fille, la Chanson de l' Absent, le Soupir, le Printemps, v.v...*

Của MOZART : *Requiem*, một bản *Te Deum*, một *De profundis*, và các vở nhạc kịch *Noces de Figaro, la Clémence de Titus, la Flûte enchantée, v.v...*

● Bất cứ bạn muốn xuất bản một tác phẩm gì (kể cả bài hát) đều phải đưa kiểm duyệt.

★ **Ô.Phan-dân-Hiệp, 3 Đình-Bộ-Lĩnh, Huế**

Tôi có biết bà Đạm-Phương, cựu Hội-trưởng hội Nữ công Huế. Còn bà Đạm Nhân, chúng tôi không được hân hạnh biết.

★ **Bạn Đức-Hoàng, Huế.**

Helvetia : Thụy-sĩ.

S. Marino : Cộng-Hòa bé-xiu ở cạnh nước Ý.

Jugoslavija : Nam-Tư.

Norge : Na-Uy (Bắc-Âu)

Nederland : Hòa-Lan.

St Pierre et Miquelon : Cù-lao thuộc Pháp ở gần Mỹ.

Yen (tiền vàng) và *Sen* (tiền bạc) là tiền tệ của Nhật. 100 *Sen* =

1 *Yen*.

★ **Ô. Văn-đức-Lâu, Thừa-Thiên**

Đã có báo P.T. từ số 1 đến số 19. Ông gởi về tòa-báo 40\$ bằng tem bưu-diện, chúng tôi sẽ gởi báo đảm đến ông.



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM DƯƠNG LỊCH

★ **Bạn Ngọc Mai — Ba-Mê-Thuật**

Ngày 6-6 nhuận âm-lịch năm Canh Ngọ nhằm ngày Thứ Năm 31-7-1930 D.L. ngày nhâm ngũ. Tháng Quý Vị. 4 giờ sáng là giờ Dần.

★ **Bạn Lê hữu Đang — Huế.**

Ngày 24 tháng 5 âm-lịch năm Quý Dậu là ngày Chúa Nhật 16-6-1933. Ngày Quý Sửu, tháng Mậu ngũ.

★ **Bạn Thanh Trà — Trúc-Giang**

1) Ngày 19-7-42 D.L. là ngày 7-6 âm lịch năm Nhâm Ngọ.
2) 25-7-41 D.L. là ngày 2-6 âm lịch năm Tân-Tị (nhuận).

★ **Ông Thành Hiệp — đường Thành Thái Cholon.**

Ngày 19-1-38 âm lịch năm Mậu Dần : Vendredi 18-2-38
— 21-3-40 — Canh Thìn : Dimanche 28-4-40
— 20-10-42 — Nhâm ngũ : Vendredi 27-11-42

- 15-8-44 — Giáp Thân : Dimanche 1-10-44
- 13-6-49 — Kỷ Sửu : Vendredi 8-7-49
- 2-3-55 — Ất Vị : Vendredi 30-9-55

★ **Bạn Thanh-Huyền — Trường Võ Tánh-Nhatrang.**

Ngày 24-10 âm-lịch năm Canh Thìn : Samedi 23-10-1940
(giờ Thìn là lúc 8 giờ sáng).

— 18-1-41 D.L. : 21 tháng chạp âm lịch, năm Canh Thìn.
tháng Kỷ Sửu, ngày Quý Hợi.

★ **Bạn Trang Phương — đường Mạc định Chi-Huế.**

Ngày 18-2 âm lịch năm Tân Tị nhằm ngày Thứ Bảy 15-3-1941

★ **Bạn Võ trung Kỳ, Bệnh viện Quế Sơn-Quảng-Nam.**

1) 11 giờ khuya (23 giờ) là đầu giờ Tý, 8 giờ sáng là giờ Thìn và 4 giờ sáng là giờ Dần ;

2) Âm lịch năm 1932 là năm *Thân* chứ không phải *Dậu*

3) D.l. 1933 là Quý-Dậu, năm Dậu có nhuận tháng 5 ;

4) Ngày 12 tháng 5 chính năm Dậu, dương - lịch nhằm ngày chúa nhật 4-6-1933.

5) D.l. 1945 là năm Dậu, 1946 là năm Tuất,

6) Âm-lịch 16 tháng 11 (1949) là năm *Kỷ Sửu* chứ không phải là năm *Dần*. 1950 mới là năm *Dần* !

★ **Bạn Bùi Quang — Huế**

Âm-lịch mồng 2 tháng 9 năm Mậu-Dần là ngày chúa nhật 24-10-1938. (không phải là 22-10-38 !)

★ **Bạn Lê quý Trọng — Đà Nẵng.**

D.l. 4-8-1932 tức ngày 3 tháng 8 âm lịch năm nhâm-thân.

☆ **Bạn Nguyễn ngọc Thu — Saigon,**

Âm-lịch ngày 8 tháng 5 nhuận năm Tân Tỵ nhằm ngày thứ sáu 25-7-1941 D.L. Chắc bạn nhớ sai, năm Tân Tị (1941) nhuận tháng 6 chứ không phải tháng 5 !

★ **Cô Nguyễn-thị-Loan — Huế.**

D. L. 30-12-1928, tức âm-lịch 19 tháng 11 năm Mậu-thìn, và 30-4-1953, tức âm lịch 17 tháng 3 năm Quý-Tị.

★ **Bạn Văn-Trương T.L. THÀNH (khánh hòa) — Nha Trang.**

1) 5 tháng giêng âm lịch năm Canh-Thìn là ngày thứ hai 12-2-1940 D.L. ngày Ất Dậu, tháng Mậu Dần năm Canh Thìn.

★ **Ô. Nguyễn năng Khoa đường Phan đình Phùng Saigon.**

Ngày 6 tháng 8 âm lịch năm Canh Tý, là ngày thứ hai 21-9-1936 D.L.

★ **Bạn Nguyễn-thành-Lễ — 17 Võ Tánh — Huế.**

— d.l. 15-8-1928 là ngày mồng 1 tháng 7 âm lịch năm Mậu-Thìn

— , 8-1-1944 » , 13 tháng chạp âm lịch năm Quý-Vị

★ **Cô Dương-thị-Hồng (Lâm Đồng — Bảo Lộc).**

D.l. 2-6-29 nhằm ngày 8 tháng 5 âm lịch năm Quý-tị,

— 26-2-33 — 3 » 2 — — Quý-Dậu

— 1-1-50 — 13 » 11 — — Kỷ-Sửu

— 5-2-55 — 13 » 1 — — Ất-Mùi

— 24-5-56 — 15 » 4 — — Bính Thân

— 8-10-58 — 26 » 8 — — Mậu-Tuất

★ **Bạn Nguyễn-Trần, giáo viên Trương công Định Mỹ tho.**

— D.l. 7-7-39 là ngày 21 tháng 5 âm lịch năm Kỷ-Mão.

— Ngày 8 tháng 11 âm lịch năm Ất-hợi tức ngày thứ Ba 3-12-1935 D.L.

— D.l. 4-2-36 tức âm-lịch ngày 12 tháng giêng năm Bính-Tý,

★ **Bạn N.T.M. Huế**

— Ngày 12 tháng chạp âm lịch, năm Kỷ-sửu là ngày thứ Bảy 20-1-1940 D.L.

☆ **Ngô thị Khánh Nhung — Nha Trang.**

Ngày 15-1-1902 nhằm ngày mồng 6 tháng 12 âm lịch năm Tân Sửu, tháng Canh tý, ngày Mậu Tuất.

✦ **Em Thanh Đông — Phú nhuận**

Ngày 26-1-36 là ngày mồng 3 tháng giêng năm Bính tý.

Nếu ngày 26-1 là ngày âm lịch thì dương lịch là ngày 18-2-36

★ **Một Độc Giả ở An Giang**

Ngày 12-8-28 D.L. : 27-6 âm lịch năm Mậu thìn.

— 19-11-42 — : 12-10 — Nhâm ngọ

— 26-2-45 — : 14-1 — Ất Dậu

— 18-6-47 — : 30-4 — Đinh Hợi

— 11-11-48 — : 11-10 — Mậu Tý

— 15-1-51 — : 8-12 — Canh Dần

— 4-6-53 — : 23-4 — Quý Tị

— 15-11-56 — : 13-10 — Bính Thân

Cảm tạ

Chúng tôi trân trọng và chân thành cảm tạ ông Giám-Độc và Bộ Biên Tập tạp chí PHỔ-THÔNG — Ông Trưởng Ty và Toàn thể nhân viên Bưu điện Cholon — Hội Ái-Hữu Bưu điện Sài Gòn — Ông Giám-Độc và nhân viên hãng TỰ - LỰC — Ông Giám-Độc và nhân viên nhà in TÂN - PHÁT — Quý Vị Suối Gia — Quý Vị thân hào quan khách đã có lời phân ưu, phúng điếu, và tiền đưa linh cửu của Chồng, Anh và Cha của chúng tôi là Ông PHẠM - ĐỒNG

đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ thất kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Cholon ngày 5 tháng 8 năm 1960

Bà Sương phụ Phạm-ĐỒNG
và tang gia đồng bái tạ.

Bạn muốn gửi quà

PHỔ-THÔNG TRUNG-THU

tặng các bạn thân ?



THE theo lời yêu cầu của số đông bạn đọc muốn gửi số đặc biệt PHỔ-THÔNG TRUNG THU làm quà tặng các bạn thân-hữu xa gần, như kỳ Trung Thu năm trước, chúng tôi xin vui lòng nhận lãnh vai trò liên lạc ấy.

Vậy, rút kinh nghiệm ở kỳ trước, và để cho lần này được hoàn-hảo hơn, chúng tôi thân mến yêu cầu lại quý bạn theo đúng những điều kiện sau đây :

- 1.— Gửi cho chúng tôi địa chỉ thật rõ ràng, chắc chắn, của người thân hữu mà bạn muốn tặng số Đặc biệt Trung Thu, bất cứ bạn trai hay gái.
- 2.— Địa chỉ thật rõ ràng của chính bạn.
- 3.— Trong thư, gửi kèm 12\$ bằng cò bưu chính (tem dán thư chứ không phải con niêm), tức là giá số báo Phổ Thông đặc biệt Trung Thu 10\$ và 2\$ cước phí gửi đi.
- 4.— Đừng bỏ bạc trong thư.
- 5.— Nếu bạn muốn 2 số tặng 2 người, xin gửi 24 \$ bằng cò. Nếu 3 số tặng 3 người, thì 36\$, v.v...
- 6.— Nếu bạn muốn gửi bảo đảm, xin nhớ cước phí mỗi quyền bảo đảm là 8\$ (hai quyền, hoặc ba quyền cũng 8\$ nếu cùng 1 địa chỉ).
- 7.— Gửi ra ngoại-quốc, bằng phi cơ xin theo giá biểu có đăng trong Phổ Thông số 37 trang 126.
- 8.— Nơi trang đầu mỗi quyền báo tặng, nhà báo sẽ dán một tấm giấy in như sau đây :

SỐ « PHỔ-THÔNG TRUNG - THU »

này là món quà đặc-biệt của bạn

ở
thân tặng bạn

ở
nhờ tạp-chí PHỔ-THÔNG hoàn-hỷ chuyển giao
trong dịp lễ Trung Thu Canh-Tý (1.10.1960)

9.— Những thư yêu cầu gửi báo tặng, mà không gửi kèm theo 12\$ bạc cò, sẽ coi như không có.

10.— Để tiện cho chúng tôi làm việc nhanh chóng và có đủ thì giờ sắp đặt việc gửi báo cho thật chu đáo, xin quý bạn gửi thư cho chúng tôi biết trước từ nay đến **15-9-1960** là hạn chót.



Đính chính những chữ in sai

Xin quý Bạn vui lòng sửa lại giùm mấy chữ in lộn sau đây :

Trong P.T. số 38, trang 21, trên đầu đề *Tỷ phú*, xin sửa lại *Tỷ phú*.

Trang 90, bài thơ *Lên Ruột*, câu chót : *ai mắt còn ai còn*, xin sửa lại : *ai mắt ai còn*.

Trang 124, câu đầu : *trên 4 ngàn năm*, xin xóa bỏ.

Trong P.T. số 39, Trang 118... câu thứ hai. Thuộc về hàng không : qui a *arait* à la locomotion... xin sửa lại : qui a *trait* à la locomotion...

Trang 123, câu đầu ; *tháng 8*, xin sửa lại : *tháng thứ 8*.

Trang 125, câu thứ chín : *ANGUSTE Comte*, xin sửa lại : *AUGUSTE Comte*.

Thành thật cáo lỗi và xin đa tạ.

Việt cộng tiếp tục vi phạm trắng trợn các điều khoản của hiệp định Genève

Trong một bản tuyên cáo mới đây với báo chí, các nhà đương cuộc cộng sản ở Hà Nội lại một lần nữa vu cáo Chính phủ Việt-Nam Cộng hòa đã vi phạm nhiều điều khoản của hiệp định Genève.

Nhưng trái với những luận điệu vu cáo quá quen thuộc đó của Việt cộng, chánh-phủ Việt-Nam Cộng-hòa, mặc dầu không ký kết vào hiệp định Genève, vẫn luôn luôn theo đuổi một chánh sách hòa bình và hợp tác thực sự với Ủy-hội quốc-tế kiểm soát đình chiến hầu giúp cho Ủy-hội dễ dàng thi hành nhiệm vụ.

Còn Việt-cộng thì mặc dầu chính họ đã ký kết vào hiệp định đình chiến hồi năm 1954, họ luôn luôn vi phạm các điều khoản của hiệp định này một cách trắng trợn.

Từ tháng 7-1959 Việt-cộng tiếp tục đồn rước một số cố vấn Nga xô và Trung-cộng ngày càng tăng thêm, đã nhập nội một cách bất hợp pháp nhiều khí giới đạn dược của Nga-xô và Tiệp khắc. Nhiều đơn vị quân đội hồi ngưng bắn không có, nay đã được thành lập thêm.

Việt-cộng lại đã ký kết một thỏa ước liên minh quân sự với Trung-cộng và Hàn cộng, đã duy trì và tăng cường nhiều phi trường, hải cảng và nhiều hòn đảo ở gần bờ biển với một mục tiêu chiến lược.

Bọn cán bộ Việt cộng lên lút đồn nhập lãnh thổ Việt-Nam Cộng hòa và đã dùng đủ mọi hình thức, hoạt động hết sức phi pháp : ám sát đốt phá cướp bóc các bệnh viện, nhà thờ, bất cóc, tống tiền và cướp lương thực, tấn công các đồn điền, các làng mạc heo lánh, xa xôi.

Trong vùng họ thì Việt-cộng không đếm xỉa gì đến điều 14-c áp dụng một chánh sách kỳ thị và trả thù tàn bạo đối với tất cả những người chỉ có một tội duy nhất là không chịu phục tùng bọn Cộng sản, đối với những nhà trí thức, văn sĩ, sinh viên, thương gia và tất cả những người sinh sống bằng một nghề tự do. Người ta chỉ cần nhắc lại số phận bi thảm của sinh viên Võ Thanh Tông, đủ cho chúng ta ý thức được sự tàn bạo của Việt-cộng lên đến mức độ nào. Thế mà chúng còn xuyên tạc để đánh lạc hướng dư luận về những hành động dã man của chúng, đồng thời tìm cách che chở cho những tên cán bộ chuyên khủng bố và ám sát bị bắt quả tang. Thật là một việc làm hết sức bỉ ổi vậy.

THÔNG-CÁO

Bắt đầu từ tháng 10 năm 1960, hàng tuần vé số Kiến-Thiết tăng từ 1.000.000 lên 1.600.000 vé được ghi số như sau :

- 800.000 vé mang danh-mục A, B, C, v.v...
- 800.000 vé mang danh-mục kép AA, BB, CC, v.v... đều đánh số như nhau từ 000.000 đến 799.999.

NGÀY MỞ SỐ: THỨ SÁU hàng tuần.

Tổng số các lô trúng mỗi tuần :

2	lô trúng Độc-Đắc mỗi lô.	1.000.000\$
6	—	100.000\$
10	—	50.000\$
64	—	10.000\$
320	—	5.000\$
1.600	—	1.000\$
1.600	—	500\$
16.000	—	100\$
140	— an ủi	2.000\$

Saigon ngày 26 tháng 7 năm 1960

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307

MỤC - LỤC

TỔNG - QUÁT

.....I.....

Từ số 1 đến số 40
(Tháng 11, 58 — tháng 8, 1960)



VĂN HỌC VIỆT-NAM

A. — Hàn lâm viện Việt-Nam.	<i>Nguyễn-Vũ</i>	P.T. 1
Ngữ học	<i>Lê-ngọc-Trụ</i>	— 1.5
Bích câu kỳ ngộ	<i>Thầm-thệ-Hà</i>	— 1
Đi tìm một bộ tự-diễn Việt-Nam	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 2
Cuộc đời Vũ-trọng-Phụng	<i>Trần-Đỗ</i>	— 2
Nền mở rộng chương-trình ngoại-ngữ	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 3
Trách nhiệm người viết sử	<i>Như-Ban</i>	— 3
Nhà văn Hồ-Biểu-Chánh	<i>Phong-Cầm</i>	— 4
Việt-nam đã có một bộ Bách-khoa từ điển	<i>Lê-tràng-Kiều</i>	— 4
Mâu thuẫn của Bộ Quốc-gia giáo-dục	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 5
Xuân văn hóa.	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 6
Tình xuân trong thi ca bình dân	<i>Đặng-văn-Nhâm</i>	— 6
Một lời nói của ô. Phạm-duy-Khiêm	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 7
Hàn-mặc-Tử (kịch)	<i>Đinh-xuân-Hòa</i>	— 7
Nên thay đổi chương-trình trung-học chẳng ?	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 8
Nhớ cụ Phan-Khôi	<i>Thiếu-Son</i>	— 8
Ba hồi chiêu mộ	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 9
Về một bài trong «Thi nhân Việt-Nam»	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 9
Kiểm-thảo Văn-học	—nt—	— 10
Vì đâu văn học ta chậm tiến ?	—nt—	— 11
Ông Phan-Khôi đã ra người thiên cổ	<i>Thiếu-Son</i>	— 11
Vài trạng thái của văn học V.N. hiện đại.	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 12
Thi thoại về Nguyễn-công-Trứ.	<i>Song-Linh</i>	— 12
Một tuần lễ với thi sĩ Tân-Đà	<i>Đông-Xuyên</i>	— 12
Điều kiện phát triển văn hóa Việt-Nam	<i>Nguyễn-Vũ</i>	13-16
Nhân mà thi, nói chuyện sách giáo.khoa	<i>Nguyễn khắc-Thiệu</i>	— 13
Vài dật sử về cụ Phan-bội-Châu	<i>Minh-Kha</i>	— 13
Nhà văn Lan-Khai bị thủ tiêu như thế nào ?	<i>Trần-quân-Bảo</i>	— 14
Lưu-trọng-Lư	<i>Linh-Phương</i>	— 14
Những con vịt cồ trong làng báo V.N.	<i>Tế-Xuyên</i>	— 14
Hồ-xuân-Hương bị tẩy chay	<i>Nguyễn-khắc-Thiệu</i>	— 14
Văn sĩ chiến sĩ Cách-mạng Bửu Đình	<i>Đặng-văn-Nhâm</i>	— 15
Gặp thi-sĩ Tân-Đà tại nhà Khái-Hưng	<i>Dương-đình-Tây</i>	— 15
Thơ từ già vợ	<i>Minh-Kha</i>	— 16
Thuyết thiên mệnh	<i>Thầm-thệ-Hà</i>	— 16
Rút kinh nghiệm Học-phiệt, văn phiệt	<i>Nguyễn-Vũ</i>	— 17

Ông Đàm quang Thiện hiệu chính	<i>Thiếu-Son</i>	P.T. 17
truyện Kiều		
Đính chính một tài liệu về		
Lưu Trọng Lư.	<i>Nguyễn hữu Thứ</i>	— 17
Tú Trung trả đũa		
Nguyễn Công Trứ	<i>Lương trọng Minh</i>	— 18
Phê bình sách : «Những chuyển di		
của Huệ Hồng.	<i>Thiếu-Son</i>	— 18
Thơ Thu.	<i>Nguyễn Thu Minh</i>	— 19
Văn chương và tư tưởng V.N.	<i>Nguyễn Vũ</i>	— 20
Những sai lầm trong quyền		
«Thị Nhân V.N. Hiện Đại»	<i>Nguyễn hữu Thứ</i>	— 20
Món hàng bịp bợm trong		
giới văn nghệ.	<i>Nguyễn khắc Thiệu</i>	— 20
Phê bình sách «Nguyễn trung Trực».	<i>Thiếu-Son</i>	— 20
Văn tế cá sấu của Hàn Thuyên.	<i>Phong Cầm</i>	— 20
Thi sĩ lão Thành : Cụ Ung Bình	<i>Diệu Huyền</i>	— 21
Thi sĩ lão thành : Cụ Thường Tiên.	<i>Diệu Huyền</i>	— 22
Thi sĩ lão thành : Bà Cao ngọc Anh	<i>Diệu Huyền</i>	— 24
Thi sĩ lão thành : Bà Song Thanh.	<i>Diệu Huyền</i>	— 26
Nói về tín hữu nghị văn hóa Pháp Việt.	<i>Thiếu-Son</i>	— 21
Cần sửa đổi trong chương trình		
trung học.	<i>Nguyễn hữu Thứ</i>	— 22
Phan đình Phùng thi sĩ.	<i>Thầm-thệ-Hà</i>	— 22
Rơi đầu vì một bài thơ	<i>Lương trọng Minh</i>	— 22
Cô Kiều với Tôn thọ Tường	<i>Minh Kha</i>	— 23
Sinh hoạt văn hóa V.N. tại Pháp.	<i>Gustave Meillon</i>	— 24-25
Cô Kiều với Phan văn Trị	<i>Nguyễn thị Kim Liên</i>	— 26
Đôi nét về Hàn Mặc Tử	<i>Quách Tấn</i>	— 25-27
Tình thần tranh đấu qua ca dao		
của dân tộc V.N.	<i>Nguyễn Thu Minh</i>	— 27
Những nét hùng tráng trong thi ca.	<i>Đặng văn Nhâm</i>	— 28
Nàng chinh phụ trong Chinh phụ ngâm.	<i>Vũ đức Trinh</i>	— 29-30
Cha tôi : Ông Phan Khôi.	<i>Mỹ Khanh</i>	— 29
Bài thơ châu chấu đá voi.	<i>Nguyễn đình Diệm</i>	— 29
Phúc đáp anh Nguyễn ngu Í.	<i>Nguyễn Vũ</i>	— 30
Hai bài thơ «Sống» và «Chết».	<i>Lương trọng Minh</i>	— 31
Đại hội văn nghệ ở Paris : Kỷ niệm		
thi sĩ Tân Đà	<i>Phan Chí Linh</i>	— 31
Thi sĩ Nguyễn trường Tộ cảm đề	<i>Nguyễn bá Thế</i>	— 31
Những áng thơ hay	<i>Thầm Thệ Hà</i>	— 31-36
Tân Đà Nguyễn khắc Hiếu	<i>Nguyễn văn Cồn</i>	— 32

Đặng thúc Liêng	Đặng Công Thắng	— 32
Nền mở rộng chương trình ngoại ngữ	Nguyễn Vũ	— 32
Đệ nhị chiến tranh trên thi trường V.N.		
(Thơ Tự Do)	Phượng Hải	— 33
Chương trình hạn chế Tú Tài Việt	Nguyễn Vũ	— 34
Tâm sự Nguyễn Du	Nguyễn Đình Diệm	— 36
Xin gửi lời khen tặng sinh viên V. N.		
ở Hải ngoại	Nguyễn Vũ	— 36-37
Mong Ông Bộ Trưởng Giáo dục đồng ý	«	— 38
Thân thể và sự nghiệp Cụ Phan Khôi	«	— 38
Người ta hiểu lầm các bài thơ của Nguyễn Khuyến	Hải Lương	— 38
Xin chớ hiểu lầm học thuyết Lão Tử	Hà Thanh Tử	— 38
Thân thể và sự nghiệp Phan Khôi	Nguyễn Vũ	— 38
Ông Bộ Trưởng Giáo Dục đồng ý nhưng chúng tôi không đồng ý	Nguyễn Vũ	— 39
Câu đối của Nguyễn Công Trứ	«	— 39
Những nghi vấn trọng đại trong văn học sử V.N.	Nguyễn Vũ	— 40
Những áng thơ hay : Mầu tím hoa sim	Nguyễn thu Minh	— 40
Mình ơi ! Từ Cao-bá-Quát đến Ossian	Diệu-Huyền	— 40

B. — Văn sĩ Thi sĩ Tiền chiến (1930-1940)

Thế-Lữ	Nguyễn-Vũ	P.T. 10
Lưu-trọng-Lư	«	— 11
Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu	«	— 12
Trương Tửu	«	— 13
Vũ-trọng-Phụng	«	— 14
Anh Thơ	«	— 15
Nguyễn Tuấn	«	— 16
Khái-Hưng	«	— 17
Lê-văn-Trương	«	— 18
Mộng Sơn	«	— 19
Nguyễn-nhược Pháp và Phạm-huy-Thông	«	— 20
Lan-Khai	«	— 21
Vũ-Bằng	«	— 22
Vũ-huyền-Đắc	«	— 23
Nguyễn-văn-Vĩnh	«	— 24
Vũ-ngọc-Phan	«	— 25
Từ Bộ Hứa	«	— 26
Phạm Quỳnh	«	— 28
Đề kết thúc chương một	«	— 29

Chương II

1. — Đời sống tinh thần : Ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Pháp	Nguyễn-Vũ	P.T. 30-34
2. — Đời sống vật chất	Nguyễn-Vũ	— 35...

● VĂN HỌC QUỐC TẾ

A. — Shakespeare	Tạ Ký	P.T. 1
Minh Trị Thiên Hoàng là một nhà thơ Ph. Công Thiện	«	— 1
Trăng dưới mắt các nhà thơ Anh. Lê thị Nguyệt Thu	«	— 1
Trường thơ Lettrisme bị phá sản	Hoàng Trúc Ly và Diệu Huyền	— 1
Thuyết tân dân (Lương Khải Siêu)	Trần Tuấn Khải	— 1
Văn hào Đức Goethe	Phạm Công Thiện	— 2
Boris Pasternak với giải Nobel 1958	Tô Thùy Yên	— 2
Thi hào Y-pha-Nho: Lope de Vega	Phạm Công Thiện	— 3
Văn hào Hung gia Lợi : Alexandre Petofi	«	— 4
Byron	Tạ Ký	— 5-6
Quan niệm ái tình trong văn thơ Anh	Ngọc Hoa	— 5
Đọc thơ của Pasternak	Phạm Công Thiện	— 5
Trong vườn thơ Âu Mỹ	Nguyễn Vũ	— 6
Ngày Xuân bàn chuyện Tam Quốc	Trần Tường Niệm	— 6
Mark Twain	Phạm Công Thiện	— 6
Shelley	Tạ Ký và Cao Huy Thuần	— 7
Thơ Tô-Cách-Lan	Hoàng Long	— 7
Thiên tài âm nhạc : Beethoven	Lưu Ty	— 8
Thi hào Ấn Độ: Rabindranath Tagore	Ng. Khắc Thiệu	— 9
Mozart	Nguyễn Trần Giang	— 10
Khổ hân hành	Trần Tường Niệm	— 10
Nước Nhựt cũng có một Ông	«	— 11
Nguyễn Trường Tộ	Tế Xuyên	— 11
Thi hào Anh : John Keats	Phạm Công Thiện	— 13
Một bài thơ của Đô đốc Đông Hương Bình	Minh Kha	— 15
Văn chương Thái Lan	Bà J. Kasem	— 15
Đọc thơ Schiller	Phạm công Thiện	— 16
Guglielmo Marconi	Duy Hòa	— 18
Thi hào Guillaume Apollinaire	Hoàng Diệu Tiên	— 20
Nhạc sĩ Chopin	Trần thiên Lý	— 21
Minou Drouet nữ sĩ thần đồng Pháp	Từ trầm Lệ	— 22
Cuộc tình duyên của văn hào Đức : Goethe	Xuân Huy	— 23
Bài ca ngày chủ nhật (Sombre Dimanche)	Võ-bá-Hải	— 26

Nhạc sĩ Franz Liszt	Trần thiên Lý	P.T.	27
Albert Camus	Nguyễn Vũ		— 28
Saint Exupéry	Nguyễn khắc Thiệu		— 29
Một bài thơ Ấn-Độ	P. Vaidya		— 30
Gustave Flaubert	Trúc Việt		— 32-33
Văn chương rừng núi	Y Tlong		— 32
Cuộc tình duyên của Alexandre Dumas	Tân Phong		— 33
Văn sĩ của chính quyền và văn sĩ của nhân dân — Một bài thơ Nga-xô	Pal Jonas và Kirsanov		— 33
Một bài thơ của Nhật hoàng Hiro Hito	Hội Tiên		— 34
Louis Armstrong, thiên tài âm nhạc	Lâm-hữu-Ngân		— 34
Hai cô vợ của văn hào Dostoievsky	Tân Phong		— 34
Ba mối tình của Richard Wagner	"		— 35-36
Boris Pasternak	P.T.		— 36
Thơ Nam Dưong	Walugati		— 36
Thơ Nhật-Bồn sau đệ nhị thế chiến	Tân Phong		— 37
Những cuộc tình duyên của Musset và George Sand	Tân Phong		— 37-39
Thơ và nhà Thơ	Jean Bouhier		— 39-40
Những con ma trong văn học-sử Âu-Tây	Từ-trầm-Lệ		— 39
George Sand và nhạc sĩ Chopin	Tân-Phong		— 40
B. — Những người đàn bà lừng danh trong lịch sử			
Cléopâtre : Hoàng hậu Ai-Cập	Tân-Phong		— 33-34
Từ-Hi Thái-Hậu	Lâm-hữu-Ngân và Tân-Phong		— 35
Poppée : Hoàng hậu La-Mã	Tân-Phong		— 36-37
Agrippine, Mẹ của Néron	"		— 38-39
Eva Péron, Bà Tổng-Thống Argentine	"		— 40

★ Lịch Sử Việt Nam

Thành phố Sài Gòn 100 năm về trước	Đặng văn Nhâm	— 1-3
Chuyện vui lịch-sử	Diệu Huyền	— 2
Năm xương của Vua Quang Trung	Đoàn Luyện	— 3-4
Mình ơi! Một cậu học sinh Sài Gòn 20 tuổi được hoàng-đế Guillaume tiếp kiến	Diệu Huyền	— 4
Chuyện vui lịch-sử	Nguyễn trúc Lâm	— 6
Lịch-sử ngày 1 tháng giêng	Nguyễn Triệu	— 7-12
Phan Bội Châu	Cự Phan Bội Châu	— 11
Ông nghề triều Lê	Trần tướng Niệm	— 11
Vài dòng sử Việt	Huỳnh thanh Tông	— 12
Một người Pháp làm vua tại miền núi V.N.	Ng.-Vũ	— 13

Công Chúa Như Mai	Bạch Yến	— 14
Từ Tổng Thái Tò đến Lý Thái Tò	Minh Kha	— 14
11.460 dân Sài Gòn đào kinh tàu hủ	Lê ngọc Trụ	— 15
Nhân vật xuất sắc : Đào duy Từ	Phong Cầm	— 16
Bí thư của Tôn Văn : Nguyễn thái Bật	Thiện Sinh	— 16
Bà Nguyễn Nhược Thị	Thiện Sinh	— 17
Nước giếng Cồ Loa	Nguyễn Triệu	— 17
Những điểm tương đồng trong lịch sử Việt Hoa	Minh Kha	— 18
Phổ hiến	Nguyễn Triệu	— 18
Cuộc hội kiến giữa Nguyễn Huệ và La Sơn Phu Tử	Phong Cầm	— 18
Bên lề lịch sử Việt Nam	Vương đức Hà	— 20
Nửa đêm gõ cửa chúa Trịnh	Mạnh Đan	— 20
Đại sứ V.N. 8 tuổi tại Pháp	Tân Phong	— 23
Tôi thân oan cho Tôn thất Thuyết	Tô dăng Minh	— 24
Một trang sử bị đất	Minh Cao	— 26
Hoàng Cao Khải	Võ Bá Hải	— 27
Năm Tý	Nguyễn Triệu	— 27
Nguyễn Ánh xưng Vương tại Sài Gòn	Tô Lang	— 27
Hoàng cao Khải, một công thần	Thiện Sinh	— 28
Hải quân V.N. đã thắng hải quân Anh	Song An	— 28
Về hai nhân vật miền Nam	Nguyễn-thành-Cung	— 28
Đề trả thù bà Trương-Trắc	Trần-hữu-Tư	— 30
Một hạm đội Nga trốn tại vịnh Cam-Ranh	Tân-Phong	— 31
Giặc chày Vôi của Đoàn Trưng	Nguyễn-Quang	— 32
Thái Phiên với cuộc khởi nghĩa	Thiện Sinh	— 36
Di tích người Chăm	Nguyễn-Triệu	— 36
Phạm-hồng-Thái	Võ Bá Hải	— 37
Trương-công-Định nhà thơ Cách-mạng	Võ-Bá-Hải	— 38
Lịch sử đồng Tiền Việt-Nam	Nguyễn-Triệu	— 39
Lê Hải Bà Vương (Triệu-Âu)	Nguyễn-dĩnh-Diệm	— 39
Nguyễn Trưng Trắc	Võ Bá Hải	— 40
Trả lời Ô. Bửu Kế, Minh oan Hồng Bào	Ng. Quang	— 40



★ Y HỌC

Ai ăn hạt vẹt lộn hay là phượng thuốc Mối Cù	Bác sĩ Hoàng-mộng-Lương	— 1
--	-------------------------	-----

Muốn biết ngày nào thụ thai và không thụ thai.	<i>Abraham Stone và Nguyễn-văn-Khương</i>	P.T. 3
Phép cứu . . .	<i>Bác sĩ Hoàng-mộng-Lương</i>	— 4
Phép châm . . .	<i>Bác sĩ Hoàng-mộng-Lương</i>	— 7
Mình ơi ! Trái tim của em ? . . .	<i>Diệu-Huyền</i>	— 9
Tình trước ngày sanh . . .	<i>Quang-Hoa</i>	— 20
Đi thăm thai . . .	"	— 21
Vệ sinh trong thời thai nghén . . .	"	— 22
Trẻ sơ sinh cần sữa mẹ . . .	"	— 23-24
Bệnh dịch Chuyết . . .	<i>Bác sĩ Hoàng-mộng-Lương</i>	— 27
Mối tình cao thượng của Công Chúa Quma, (viên thuốc kí-ninh)	<i>Trần-huỳnh-Hoa</i>	— 31
Thụ thai nhân tạo . . .	<i>Hoàng Đổ</i>	— 40

★ KHOA HỌC

Nước Cộng-hòa " Con Ong "	<i>Huỳnh bội Hoàng</i>	— 1
Việt Nam sẽ có một trung tâm nguyên tử lực . . .	<i>Bửu Hội</i>	— 1
Nguyên tử là gì ? . . .	<i>Thân Văn</i>	— 2
Mình ơi ! Vệ tinh nhân tạo . . .	<i>Diệu Huyền</i>	— 2
Nguyên tử có mấy thứ ? . . .	<i>Thân Văn</i>	— 3
Tìm hiểu sơ lược về phân tử và nguyên tử . . .	<i>Nguyễn công An</i>	— 4-5
Con nhện : người khách trọ bí mật	<i>Nguyễn trần Giang</i>	— 5
Tìm hiểu cách cấu tạo vỏ trái đất . . .	<i>Phạm văn Ngọc</i>	— 8
Làn sóng điện . . .	<i>Kỹ sư Lưu văn A</i>	— 9-11
Cuộc du lịch hào hứng của Xuân và Mai	<i>Phong Cầm</i>	— 9-11
Phương pháp lấy điện . . .	<i>Thanh Quang</i>	— 10
Con nai vàng . . .	<i>Huỳnh bội Hoàng</i>	— 10
Chụp hình mặt trăng . . .	<i>Giáo sư Zdenek Kopal</i>	— 19
Mình ơi ! Em muốn lên Trăng . . .	<i>Diệu Huyền</i>	— 19
Mình ơi ! ở trên Trăng được không ? . . .	<i>nt</i>	— 20
Mình ơi ! Ma ? . . .	<i>nt</i>	— 21
Mình ơi ! Hai cô bạn láng giềng . . .	<i>nt</i>	— 22
Dĩa bay có hay không ? . . .	<i>nt</i>	— 23
Trái bom nguyên tử bí mật đầu tiên	<i>nt</i>	— 24
Docteur Elmer Verner Mc Collum (bác sĩ sinh tố)	<i>Thelma.S. Nason</i>	— 31
Mình ơi ! Gần tới ngày tận thế . . .	<i>Diệu H.uyền</i>	— 32
Máy dạy học . . .	<i>G.R. Price</i>	— 34

Mình ơi ! Nếu có chiến tranh làm sao tránh nạn bom khinh khí . . .	<i>Diệu Huyền</i>	— 36
Mình ơi ! Trái đất có thể bị tan rã không ? . . .	<i>nt</i>	— 37

★ Phụ nữ : Thề dục — Gia Chánh — Xã giao.

A. — Phụ nữ thề dục . . .	<i>Cô Tuyết Anh</i>	P.T. 1-7
B. — Món ăn Phở-Thông :		
Măng tây nấu cua . . .	<i>Bà Thường Lạc</i>	— 1
Bánh ít mít . . .	"	— 2
Gỏi sanh cầm . . .	"	— 3
Bánh bông đá . . .	"	— 5
Bánh đuông — Chạo tôm . . .	"	— 6
Sauce Mayonnaise . . .	"	— 18
Bắp làm chả . . .	"	— 9
Chả cá chẻm . . .	"	— 15
Chả heo — Chè bắp . . .	<i>Phương Thu</i>	— 17
Cá kho nước . . .	"	— 18
Cách làm bánh Trung Thu . . .	<i>Bà Thường Lạc</i>	— 19
Món ăn Huế . . .	<i>Phương Thu</i>	— 20-23
C. — Xã giao : Bắt tay . . .	<i>Nguyễn Vỹ</i>	— 11
Xã giao . . .	<i>Cô Bình Minh</i>	— 12
Nịnh đầm . . .	"	— 13
Mang găng tay . . .	"	— 15
Nói điện thoại . . .	"	— 17
Mấy bức thư bạn đọc . . .	"	— 18-19
Xia răng, ho, hỉ mũi, v.v... . . .	"	— 21
Y phục nữ sinh . . .	<i>Bạch Yến</i>	— 4



★ Chuyện-ngắn, chuyện dài Việt và ngoại-quốc.

Hồi ký — phóng sự

A. — Mất vàng (chuyện ngắn Ấn Độ)	<i>Liên Nhụy</i>	— 1
Công Chúa Bồ Câu (chuyện ngắn Algérie)	<i>Lê-Hương</i>	— 2
Aicha, cô gái phi thường (chuyện Tunisie)	<i>Lê-Hương</i>	— 4
Con Mèo . . .	<i>Hoàng-Thắng</i>	— 5
Đuôi bắt cái nón (ngoại quốc)	<i>Nguyễn-hiến-Lê</i>	— 5
Tài còn nợ Nhất Linh 5\$ (hồi ký)	<i>Nguyễn-Vỹ</i>	— 6
Xuân trong lòng thiếu nữ (tùy bút)	<i>Cô Bạch-Yến</i>	— 6
Người đầu bếp (ngoại quốc)	<i>Nguyễn-thu-Minh</i>	— 7
Ngày Tết gặp ma Heo . . .	<i>Xuân-Giang</i>	— 7

Ông Năm Chuột	Phan-Khôi	P.T. 7
Ba lượt lên trời	Lê-Hồng	— 8
Em đợi chiếc lá cuối cùng rơi !	N.T.C.	— 8
Chiến dịch ruồi	Cô Bạch-Yến	— 8
Giòng nước thiêng	Cô Bạch-Yến	— 8
Đám ma Vũ trọng Phụng	Nguyễn-Vỹ	— 8
Một câu chuyện tình	Bùi Quang Đóa	— 9
Nguyễn Nhược-Pháp và nàng tiên áo đen (hồi ký)	Nguyễn-Vỹ	— 9
Có ai trong tủ	Nguyễn-Vỹ	— 9
Cái Hột mận của Lan Khai	Nguyễn-Vỹ	— 10
Chung cục (ngoại quốc)	Ng.-hiến-Lê	— 11
Chiếc áo mưa	Nguyễn-Vỹ	— 12
Tách cà phê phin	Hoàng Thắng	— 13
Người mẹ (chuyện ngắn của P. Buck)	Phương Thảo	— 13
Lại một tối chờ trăng (tùy bút)	Nguyễn-Chi	— 14
Hai chuyện vui : Sợ vợ	Tân Đà	— 14
Chồng tôi có khác	Gia-hưng-Bạc	— 14
Vết son trên má tiều phu	Nguyễn-Vỹ	— 14
Người về trong đêm tối	Nguyễn-lân-Bi	— 15
Cái đầu kẻ thù	Nguyễn-Vỹ	— 15
Con chim nhỏ (quốc tế)	Vân Sơn	— 16
Ba người bạn của cha tôi (bút ký)	Nguyễn-thu-Minh	— 16
Cặp làm gì	Tuyết-Hương	— 16
Triệu phú	Vương hồng Sên	— 16
Bức tranh Thu Loan	Thùy-Hương	— 17
Con quỉ cái (chuyện vui)	Phương Thành	— 17
Đời là một bài thơ (quốc tế)	Anh-Liên	— 17
Lấy cô vợ đẹp	Gia-hưng-Bạc	— 18
Những giọt mưa thu	Phong-Cầm	— 19
Giấc ngủ của Đa-Vi (ngoại quốc)	N.T.C.	— 19
Tình cá duyên người	Song-An	— 19
Con ngựa của bác-sĩ (ngoại quốc)	Ng.-tấn-Bi	— 20
Tâm sự người sinh viên nghèo	Lao Dương	— 20
Chàng rể tương lai (chuyện vui)	Phong Vô	— 20
Cát (ngoại quốc)	Từ-trầm-Lệ	— 21
Hai thằng ăn cắp	Vô-Đức	— 21
Hà Bá lấy vợ (chuyện vui)	Thu-Phong	— 21
Đề cho chồng khỏi khổ	Phong-Cầm	— 22
Ngày sinh nhật	Phan-tùng-Mai	— 22
Nỗi lòng người vợ	Thiếu Sơn	— 23

Đưa con	Trúc Liên	P.T. 23
Nước mắt người mẹ (ngoại quốc)	Từ-trầm-Lệ	— 23
Miếng vệ Tinh (kịch)	Phan-tùng-Mai	— 23
Trái Ô-Buy	Hoàng Thắng	— 24
Những hình bóng cũ	"	— 25
Cái Noel của bác thợ Năm	Từ-trầm-Lệ	— 25
Bữa tiệc thịt chó (chuyện vui)	Lam Hồ	— 25
Người hóa cọp	Hà Ly Hải	— 26
Cái chết của người đưa thư	Hoàng Thắng	— 26
Cây Thông Noel	Thái thúc Diễm	— 26
Cuốn sổ tay của anh chàng họ Cao	Trọng Tấu	— 26
Người thợ xuất hiện	Mặc Thu	— 27-33
Món quà kỷ niệm đầu năm	Hoàng Thắng	— 27
Nàng xuân nữ đất Tây Hồ	Thâm thế Hà	— 27
Con đồ ma giữa đêm 30 Tết	Trần đức Lai	— 27
Vạn tuế cốt đột (chuyện vui)	Vương hồng Sên	— 27
Báo Xuân cà kê (hồi ký)	Nguyễn Vỹ	— 27
Bạn, vợ và con chó	Trọng Tấu	— 27
Hòa đất nặn nên ông Bụt	Thanh Phương	— 28
Người cháu tốt	Hoàng Thắng	— 28
Đền vàng điện ngọc	Mai hương Vân	— 29
Pho tượng của bà chúa	Ng. Ang Ca	— 29
Bạn tôi lấy vợ	Hoàng Thắng	— 29
Những con mèo hoang	Phương Anh	— 30
Bên bờ sông Dịch (kịch)	Ng. ngọc Vinh	— 30
Bữa tiệc thịt chó (chuyện ngắn vui)	Đinh văn Qai	— 30
Xem tướng đề lấy vợ	Saint Exupéry	— 30
Con gái cứng của mẹ	Phương Anh	— 31
Thế mới là yêu (ngoại quốc)	Vân Sơn	— 31
Con chó thiện (tùy bút)	Băng Sơn	— 32
Bằng cấp tú tài (chuyện vui)	Ng. Huân	— 33
Em vẫn chờ anh	Vũ Đình	— 33
Vợ hân	Ng.-khắc-Thiệu	— 33
Đôi bàn chân đẹp	Mặc Thu	— 34
Con so nhà mẹ	Mỹ Khanh	— 34
Hai thăm kịch (ngoại quốc)	Lâm-tùng-Sinh	— 34
Người bạn Đalat	Hoàng Thắng	— 35
Một phút lơ lằm	T.L. Diệu-Mỹ	— 35
Mưa khuya	Mặc Thu	— 36
Ngó tối	Phương Anh	— 36

Một đoạn văn trong quyển Docteur Jivago	Tân Phong	— 37
Con số 13		— 37
Lấy vợ	Nùng-tường-Đạm	— 37
Em nói đúng	Mặc Thu	— 38
Cơm mới	Mỹ-Khanh	— 38
Bóng người xưa	Hoàng Thắng	— 39
Đêm Saigon 1946 (hồi ký)	Mặc Thu	— 39
Người tù binh	Mỹ Khanh	— 39
Nơi hẹn hò	Bà Lam Giang	— 39
Đứa con hư của thời đại	Ái-Việt	— 40
Duyên kỳ ngộ	Hoàng Thắng	— 40
Bức họa (ngoại quốc)	Liên Hoàn	— 40
Trời khéo xui	Giang Trang	— 40

B. — Buồn ơi chào mi ! Bonjour tristesse		
(truyện dài) Diệu Huyền dịch		— 1-13
Ánh đèn (truyện dài) Từ Vu Vi Huyền Đắc dịch		— 1-10
Cải lương đã được 41 tuổi (hồi ký) Ng Ang Ca		— 1-11
Những người đời mười (phóng sự) Ng -thu-Minh		— 1-24
Kiên trinh (chuyện dài) Cô Vân Nga		— 1-41
Tôi làm phim (hồi ký) Thái thức Diên		— 1-31
Một đời người (hồi ký) Thiếu Sơn		— 9-29
Cô gái điên (truyện dài : Từ Vu) Vi Huyền Đắc dịch		— 13...
Một đời người	Thiếu Sơn	— 40

★ THƠ

Hoa nở về thu	Thanh Nhung	— 2
Thoáng buồn	Trần-hoan-Trình	— 3
Nhạc mưa sâu	Thương Nguyệt	— 4
Sầu lữ thứ	Nhật Thủy	— 5
Gửi ai	Nhật Thủy	— 6
Áo ngọc	Giang Tuyền	— 6
Tình xuân	Nguyễn-Thu-Minh	— 6
Sang Sông	Chi Lan	— 6
Xuân Hoang vu	Nguyễn-Vỹ	— 6
Hoài Hương	Huyền-Trình	— 6
Thơ vui về toán số	Hồng Liên	— 7
Thi sĩ hồi	Hữu-duy-Ngọc	— 7

Cuồng loạn	Trần tuấn-Kiệt	— 8
Mơ Tuyết	Nguyễn-Vỹ	— 8
Mùa xuân thiếu nữ	Thanh Nhung	— 8
Thơ Lưu Nguyễn	Minh-tài-Đặng Văn-Ký	— 9
Hai thiêng liêng	Quốc Thu	— 9
Chim hấp hối	Nguyễn-Vỹ	— 9
Màu áo đỏ	Nguyễn-thu-Minh	— 10
Thơ đại học	Trần-dăng-Bình	— 10
Cảm ơn Ngai	Ng.-Vỹ	— 10
Dậy niềm đau	Thanh-Nhung	— 11
Thơ vui	Tịnh-Tiến và Vô-Ý	— 11
Trắng	Lý-diệp-Thu	— 11
Gió	Bạch Yến	— 12
Con chim trong tù	Nguyễn Vỹ	— 12
Cành hoa cuối	Thùy Linh	— 12
Say	Văn Thế Bảo	— 12
Loạn tâm tư	Chiêm Đàm	— 13
Em bé bán bánh mì	Linh Châu	— 13
Đồn Vi-ô-lông	Nguyễn Ngu Í	— 13
Người thợ Hồ	Huỳnh Tấn	— 13
Thuyền đi	Trần tuấn Kiệt	— 14
Nhạc phai	Tuyết Linh	— 14
24 giờ đã qua	Thanh Trúc	— 14
Cảm ơn bà X.M. tặng chiếc vòng tơ	Nguyễn Vỹ	— 14
Chiều buồn	Hoài Trang	— 15
Đồng Vọng	Nguyễn thu Minh	— 15
Bài thơ Hòa Bình	Từ trầm Lệ	— 15
Tiếng sáo đêm khuya	Nguyễn Vỹ	— 15
Nhạc nắng	Vân Khanh	— 16
Làm dáng	Quỳnh Hoa	— 16
Đêm sầu về	Nguyễn Vỹ	— 16
Bóng thời gian	Ngô hữu Bằng	— 16
Tìm nhau	Thương Nguyệt	— 17
Chiều mơ	Chiêm Đàm	— 17
Cánh chim Bằng	Thanh Nhung	— 17
Nha trang sương mờ	Huỳnh Tấn	— 18
Chờ mong	Tuyết Hương	— 18
Vào sâu	Phương Duyên	— 18
Thẹn	Kim Chương	— 18
Thu lạc lõng	T. T. H. N.	— 19

Trong gió heo về	Từ trầm Lệ	— 19
Trung thu du thuyền	Lưu kỳ Sơn	— 19
Trăng với tù	Nguyễn Vỹ	— 19
Độc hành	Thuần Nhu	— 20
Mưa đêm — Tình yêu	Thanh Giang, Dương Lưu	— 20
Dâng Mẹ	Tuyết Linh	— 21
Sang mùa	Mạc hồ Phong	— 22
Đêm nước mắt	Hà Phương	— 22
Thoáng buồn	Vân Khanh	— 23
Xót xa	Thương Nguyệt	— 23
Dạ sầu	H.T. Duyên Hải	— 24
Mãi sau	Vân Khanh	— 24
Đôi Bóng	Nguyễn Vỹ	— 24
Thu Cầm	Cụ Ứng Bình	— 25
Âm-thanh của tình thương	Lữ Quỳnh	— 25
Thơ lên ruột	Diệu Huyền	— 25
Đừng khóc	Hoàng Hương Trang	— 25...
Đời Thi sĩ	Trúc Sơn	— 26
Thương một niềm trăng	Vương Kiều	— 26
Xuân về	Từ Trầm Lệ	— 27
Ngày Tết của đời người	Cụ Ứng Bình	— 27
Chớm mộng	Thanh Nhung	— 27
Huyền Trân Xuân dạ sầu	Bạch-Yến	— 27
Áo Tết ai may	Ngọc Hà	— 27
Xuân Bình Minh	Trần Đăng Bình	— 27
Sắc hương	Cao Hoàng Nhân	— 28
Hỏi Chúa Xuân	Cụ Ứng - Bình	— 28
Cảm đêm giao thừa	Bà Trương Phổ	— 28
Đầu mùa	Thanh-Nhung	— 28
Tuyết Xuân	Nguyễn Vỹ	— 28
Dưới chân thượng đế	Như-Lan	— 29
Cổ viện Chàm	Hoài Nhân	— 29
Buồn đêm mưa	Hoài Hương	— 29
Phân Vân	Đoàn Minh Hải	— 30
Giấc mơ đời	Đan Thanh	— 30
Đơn Côi	Lữ Quỳnh	— 31

Tứ Thần	T.K. Hoàng quang Bằng	— 31
Gặp nhau	Kiều mai Hương	— 32
Con chim sẻ	Nguyễn đình Giang	— 32
Tung tích mơ hồ	Bà Trương Phổ	— 33
Hoàng tử Siddharta	Ng.-Vỹ và Đặng-c-Thắng	— 33
Xuất thế	Cầm Thủy	— 33
Đàn nam	Trần tuần Kiệt	— 34
Mưa chiều	Huy Phương	— 34
Chớm hè	Hoàng Hương Trang	— 34
Thuyền đi	Thanh Nhung	— 35
Tình trong bông lúa	Vũ Hồ	— 35
Hờ Hững	Vân Khanh	— 36
Hai màu phượng	Hoàng hương Trang	— 36
Một lần qua	Ng đình Giang	— 37
Đồ Văng	Đoàn minh Hải	— 37
Yêu	Tiến Xuân	— 37
Tình thơ	Đan Thanh	— 38
Đôi ngả	Thanh Nhung	— 38
Tôi nghe vọng bước người đi	Phượng Hải	— 38
Mưa Sài Gòn	Hoàng hương Trang	— 39
Thanh Xuân	Vân Khanh	— 39
Đêm trăng mùa hạ	Nguyễn văn Khoa	— 40
Chưa yêu	Mộng Hoa Huyền	— 40
Quê xưa cảm nhớ	Bà Trương Phổ	— 40

★ Ca dao Việt Nam

Việt Nam qua 4.000 năm ca dao

Ba-Tèo — từ số 1



★ Các tài liệu linh tinh

Luật Lao động Việt Nam	Huỳnh-khắc-Dụng	— 1
Nhà văn ngữ trên hang kiến	Vương-hồng-Sên	— 1

Nhà văn Nguyễn-Tuân với phở ngẫu-pín. . .	Quốc-Bảo	— 1
Nước mắt . . .	Thu-Vân	— 1
Văn nghệ sĩ thanh niên		
hiện đại : Hà Liên Tử . . .	Lâm-vị-Thủy	— 1
—nt— Thanh Nhung . . .	—nt—	— 2
Chiếc xe máy của tôi . . .	Cô Bạch-Yến	— 2
Nghệ thuật làm ngà . . .	Từ-trâm-Lệ	— 2
Cái máy đánh chữ . . .	Bạch-Yến	— 3
Văn nghệ sĩ thanh niên		
hiện đại : Như Lan	Lâm-vị-Thủy	— 3
Lối cầu thả rất nguy hiểm . . .	Ba Tèo	— 3
Một mẫu văn mới . . .	Đoàn-quang-Tấn	— 3
Vàng dưới đáy biển . . .	Trần-Quốc-Bảo	— 3
Nữ sĩ cầm diếu mù . . .	—nt—	— 4
Đấng Christ nói thứ tiếng nào . . .	Ng.-Trần-Giang	— 4
Văn nghệ sĩ thanh niên		
hiện đại : Huy Phương	Lâm-vị-Thủy	— 4
—nt— Đoàn-trọng-Thu. . .	—nt—	— 5
Người V.N. có mấy giọng cười ? . .	Vương-hồng-Sễn	— 5
Người làm vườn của bà Shaw . . .	Quốc-Bảo	— 5
Cuộc gặp gỡ lý thú : Lý-thái-Bạch, Mạnh-Tử và		
Françoise Sagan. . .	Trần-tưởng-Niệm	— 5
Những thủy tổ của nghề thủ công V.N. . .	Hoàng Lan	— 5
Vé số độc đắc . . .	Bạch - Yến	— 6
Hu-la-húp . . .	—nt—	— 6
Sư Tuệ Tĩnh thủy tổ nghề		
thuốc Nam thuốc Bắc	Hoàng - Lan	— 6
Ông Lương-nhữ-Hộc đem nghề		
in vào nước ta . . .	—nt—	— 6
Văn nghệ sĩ thanh niên		
hiện đại : Đề kết thúc.	Lâm vị Thủy	— 6
Xuân về với thi nhân Á-Đông . . .	Phạm Công Thiện	— 6
Chuyện vui về họ hàng . . .	Quốc Bảo	— 6
Họa sĩ Việt Nam . . .	Lâm-Điền	— 6
Chuyện vui nhi đồng . . .	Bạch-Yến	— 6

Thời gian và cuốn lịch . . .	Ng.-văn-Khương	— 7
7 khuôn mặt . . .	Cốc Tử	— 7
Hà tiên thắng cảnh . . .	Ngọc-Tĩnh	— 8
Đầy xứ Lào thơ mộng . . .	Hoàng Thắng	— 8
Xin ông chút lửa . . .	Trần-quốc-Bảo	— 8
Kiếp tằm vương tơ . . .	Nguyệt Toàn	— 8
Hoàng tử Nhựt trong tay		
một phụ nữ Mỹ . . .	Bạch - Yến	— 10
Tìm hiểu xứ Tây Tạng . . .	Việt-Thần	— 11
Nhựt đã có lần đổ bộ lên Mỹ quốc . . .	Song An	— 12
Thế nào là giờ quốc tế G.M.T.	Nguyễn huy Hiền	— 12
Chơi hoa	Nguyễn Tử Quang	— 12
Mình ơi! làm sao thành một tờ báo	Diệu Huyền	— 13-15
Bức thư kính gửi Trung Hưng tiên sinh	Trần tưởng Niệm	— 13
Khoa học xem tướng	Trần quốc Bảo	— 14
Giang sơn Việt Nam : An-giang	Thái văn Kiềm	— 15-16
Mình ơi ! Em ra ứng cử dân biểu	Diệu Huyền	— 16
« Em muốn mình bỏ hút thuốc	—nt—	— 17
Một hòn đảo bé nhỏ	V.S. Britchett	— 17
Norton Ier, Hoàng đế nước Mỹ	Tân Phong	— 17-22
Những tư tưởng lộn xộn về Trung thu	Thiếu Sơn	— 19
Quan niệm của một bác sĩ về «Ma»	Bác-sĩ Phiệt	— 20
Hai cuộc hội thơ hào hứng	cô Lê Liễu	— 20
Bầu cử quốc hội tại Anh quốc	Nguyễn hữu Thứ	— 21
Đời sống tình cảm của các giống vật	Lâm vị Thủy	— 22
Ba người Nhựt bị xử bắn . . .	Tô khánh Minh	— 22
Nhà dây Thép	Nguyễn Triệu	— 22
Đầy Sóc Trăng	Vương đức Hà	— 23
Kỷ niệm đệ nhứt chu niên tạp chí PT.	P.T.	— 24
Ông già Noël có hay không ?	Song lệ Ngọc	— 25
Tiếng chuông nhà thờ	Thiếu Sơn	— 25
Điểm sách «Đường Thi rích dịch»	Nguyễn Vũ	— 25
Mình ơi ! Hiroshima . . .	Diệu Huyền	— 25

Năm Tý nói chuyện Chuột	Lê-ngọc-Trụ	— 27
Du lịch miền Đông Nam Á :		
Nhứt bồn, Nam Dương	Tân Phong	— 27
Chín khúc Rừng Vàng	Ng.-thành-Cung	— 27
Nhờ hai câu đối : Bao Công		
điều tra ra vụ án	Mai Hương Vân	— 27
Chuyện chuột	Xuân Giang	— 27
Những đêm cầu cơ	Diệu Huyền	— 28
—nt— tại nhà Victor Hugo	Tân Phong	— 29
Những tư tưởng đẹp về tình yêu	Thanh Lộc	— 30
Mình ơi ! Sách Tây, Tàu, Việt	Diệu Huyền	— 31
40.000.000 người Mỹ đã lớn tuổi	T.F. James	— 32
Người phu trạm	Đặng-văn-Nhâm	— 32
Vua hát xiếc	Minh Tâm	— 37
Các nhà tỷ phú trên thế giới	Trọng Tấn	— 38 ..
Mình ơi ! Hoa hồng trong		
văn chương và lịch sử	Diệu Huyền	— 38
Những hòn đảo ma	Trần Lê Lang	— 38
Nón gò găng	Phượng Thu	— 38
Thác Niagara ngưng chảy	Trần Phong	— 39
Phương pháp truy tầm thủ		
phạm ở Anh	Dennis Bardens	— 39
Marceau một cây kịch câm	Minh Tâm	— 40



★ Chuyện cũ người xưa

Vợ Trang Tử	Tân Phong	— 16
Nhị Kiều Giang Đông	nt	— 17
Không Tử thua đũa con nít	nt	— 18
Tiếng sáo đêm thu	nt	— 19
Đường minh Hoàng	nt	— 20
Không Minh	Nguyễn Quang Lục	— 21-32

